TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

Tác-giả :
NGUYỄN TỰ
Dịch-giả :
Thử Lang BÙI-XUÂN-TRANG

新編傳奇漫錄

TÂN-BIÊN

TRUYỀN-KỲ MẠN-LỤC

QUYỂN HẠ

IN LẦN THỨ NHẤT
1963
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

Tác-giả :
NGUYỄN TỰ
Dịch-giả :
Thứ Lang BÙI-XUÂN-TRANG

新編傳奇漫錄

TÂN-BIÊN
TRUYỀN-KỲ MẠN-LỤC

QUYỂN HẠ

IN LẦN THỨ NHẤT
1963
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

Hội - đồng duyệt sách gồm có :

Ô. NGUYỄN-TRỌNG-NHIỄM *Thuyết-Trình Viên*

VÕ - OANH *Hội-Viên*

BỬU - CẦM *Hội-Viên*

Truyện Yêu-Quái ở Xương-Giang

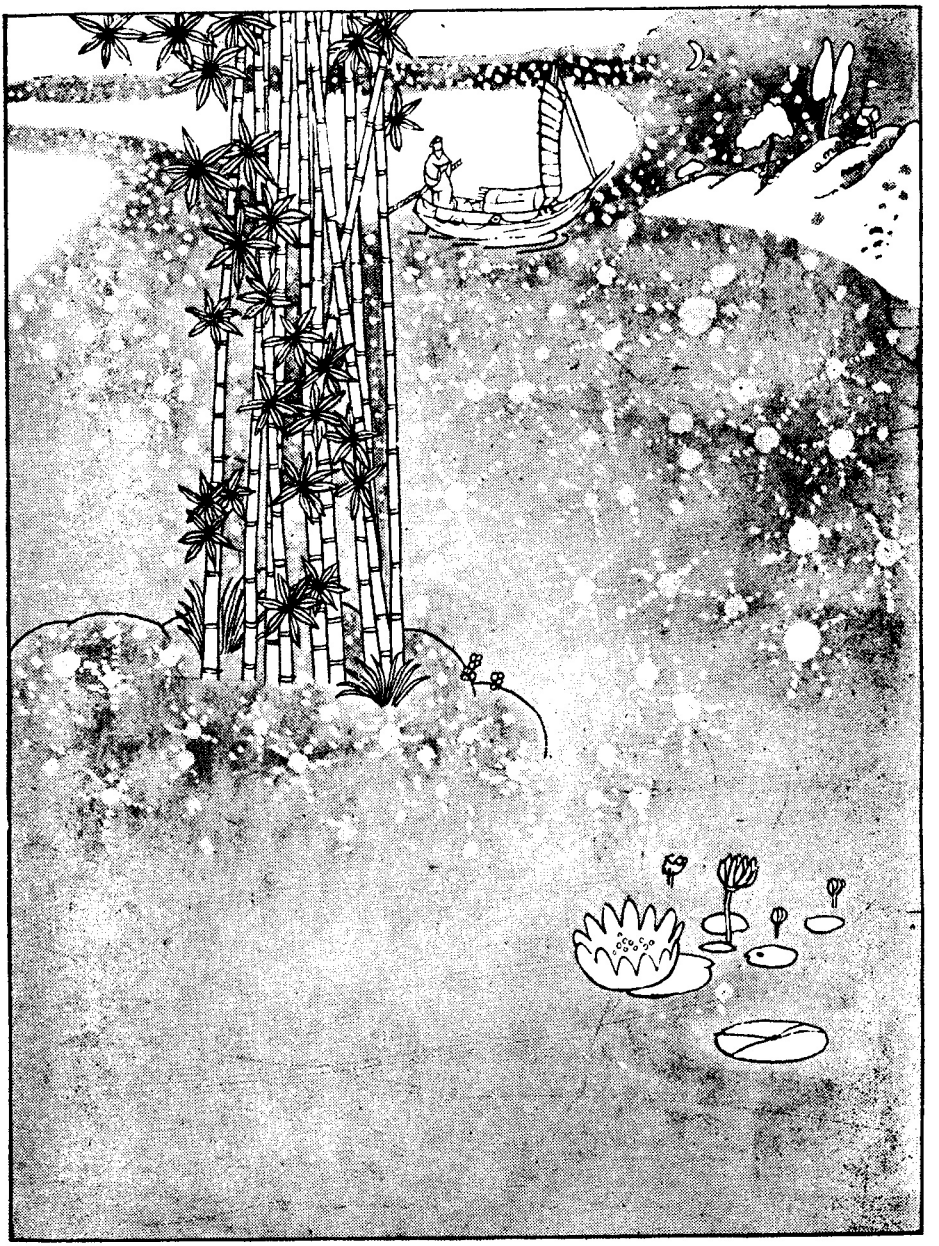

(Tranh vẽ Nuyên)

TÂN-BIÊN TRUYỀN-KỲ MẠN-LỤC

QUYỂN THỨ III

昌江妖怪錄

XƯƠNG-GIANG YÊU-QUÁI LỤC

TRUYỆN YÊU-QUÁI Ở XƯƠNG-GIANG

Ở Phong-Châu 峯州, (nay thuộc Bạch-Hạc 白鶴, Vĩnh-Yên 永安) có người họ Hồ, tên là Kỳ-Vọng 胡期望, về cuối triều nhà Hồ 胡, (1400-1406), đi buôn, thuyền đậu ở thành Xương-Giang (Yên-Dũng, Bắc-Giang), nhân bị bệnh mà chết. Vợ Hồ nghèo quá, không có tiền đưa về quê an-táng, phải đem đứa con gái nhỏ là Thị-Nghi 氏宜 bán cho nhà phú-thương họ Phạm.

Lớn lên, Thị-Nghi có nhan-sắc, Phạm yêu-dấu rồi cùng nàng tư-thông. Vợ Phạm dò biết tình-ý, bèn kiếm cớ đánh Thị-Nghi một trận đau quá đến chết rồi đem chôn ở mé làng.

Vài tháng sau, hồn Thị-Nghi hiện lên tác quái, biến-ảo trăm hình : khi hóa ra chị bán tương ; lúc biến thành cô hàng rượu. Người có tai mắt bị nó dâm-sát ;

kẻ lắm tiền-tài bị nó lén đoạt. Trên quãng đường dài chừng mười dặm này, ai cũng sợ, đều phải đi trưa về sớm, hễ thấy gái đẹp đều phải kiêng dè. Sau dân làng biết ra, liền đem hài-cốt Thi-Nghi bỏ tản-mát dưới sông. Từ đó yêu ma cũng bớt tác quái.

Sau khi nhà Lê nhất-thống giang-sơn (1428), có viên quan họ Hoàng, quê phủ Lạng-Giang (Bắc-Giang) xuống Trường-An (kinh-đô) nhận chức, đậu thuyền bên sông. Lúc ấy trăng tỏ sao thưa, bốn bề im lặng. Bỗng Hoàng nghe thấy ngoài mỏm bãi cát về mé đông-nam, văng-vẳng có tiếng khóc, càng khuya càng ai-oán. Hoàng sai chèo thuyền lại xem, thấy một người con gái tuổi chừng 17, 18, mặc áo lụa hồng, ngồi trên đám cỏ.

Hoàng hỏi :

— Đêm hôm khuya-khoắt thế này, sao còn than khóc bi-ai, khiến người sắt đá cũng phải nát ruột.

Người con gái khép-nép, gạt nước mắt mà thưa rằng :

— Thiếp vốn người Phong-châu, cha mẹ làm nghề bán lụa, gặp quân cường-đạo tham tài, một phút sa cơ, hồn chôn bụng cá, xương táng lòng sông. Chỉ còn tấm thân yếu-ớt trơ-trọi này, may mà thoát khỏi miệng hùm, lần được lên bờ, ăn gửi nằm nhờ trong thôn xóm. Hôm qua nhân đi hái dâu cho bà chủ, chợt qua chốn cũ, bất giác động mối bi-ai, ngồi đến bây giờ.

Hoàng nói :

— Cháu đã lênh-đênh cơ-khổ, không chốn nương nhờ. Nay ta tiện đường xuống Trường-An, nếu cháu

muốn về quê, ta cho đi nhờ thuyền. Còn tự kinh-đô về quê cháu, mà thuận buồm xuôi gió phỏng là mấy chốc.

Người con gái lại khóc thút-thít, nói :

— Chiếc thân trôi-nổi, phỏng có tiếc gì. Chỉ hận một điều là hài cốt tiền-nhân không đem về quê an-táng được.

Hoàng nói :

— Thôi, ta cũng vì cháu chẳng quản bỏ ra ít tiền thu nhặt xương rơi đưa về quê-quán cho. Âu cũng là một cuộc nhân-duyên trên bước đường gặp gỡ.

Người con gái tỏ vẻ vui mừng mà rằng :

— Quả lòng trời xui khiến, nếu được ân-nhân giúp cho như vậy, thật là mang ơn cốt-nhục tử-sinh, thiếp dù thân phận bọt-bèo, cũng xin nát thân bồ-liễu đền nghì trúc-mai.

Hoàng liền mướn thợ giỏi, lặn dưới sóng xô, xuống tận đáy sông lượm mò hài-cốt, gói chở xuôi nam. Thỉnh-thoảng, Hoàng thử thả lời chớt-nhả, để dò-la ý-tứ thì bị cô ả cự-tuyệt gắt-gao, khiến chàng càng yêu-dấu nể-vì.

Khi đã tới Kinh, Hoàng không vội lên tựu-chức, lại lên thẳng cửa Bạch-Hạc, đem hài-cốt táng bên sông.

Một hôm, người con gái bảo Hoàng rằng :

— Thiếp cùng chàng vốn chẳng hẹn-hò, bỗng nên gặp-gỡ. Trước vì tiền-nhân mồ-mả chưa yên, nên trong dạ bồn-chồn mà cự lại chàng. Bây giờ sự đã vẹn-tròn, thiếp xin hầu hạ khăn mặt lược đầu. Phương chi chàng

lại hoạn-đồ đao-viễn, không kẻ giúp trong, công việc tảo-tần (1) thiếp xin đảm nhận.

Khi hai người nên nghĩa vợ chồng, tình âu-yếm càng thêm khăng-khít. Nàng lại ở vào khuôn-phép nói ra mối-giường. Bạn hữu, bà con, thảy đều khen-ngợi.

Làm quan được một tháng, Hoàng mắc bịnh điên-cuồng. hoảng-hốt, hôn-mê bất tỉnh. Nàng thì khuya sớm sụt-sùi, chầu-chực bên chàng, không dời nửa bước. Song Hoàng lại thuốc không chịu uống, mạch chẳng cho xem. Ai đem phù-chú lại chữa, Hoàng liền mắng nhiếc. Thầy lang, thầy cúng đều ngờ là bị ma chài, nhưng chẳng biết làm thế nào được, đành nhìn nhau mà thôi.

Sau có một người, khăn rách dép nát, ăn mặc lam-lũ bước vào, cả bọn trông thấy đều phải phì cười, người đó nói :

— Các ông đều là hạng tầm-thường, ta đây mới chính là bậc « thần-y » ! Chẳng những chữa cho khỏi bệnh, lại có thể khiến người mọc cánh thành tiên ! Hỏi về nghệ-thuật, thì biết đường trị khí trừ phong ; Dở đến tay mang (túi lớn), có đủ cả trần-bì, phụ-tử !

Hoàng cũng bật cười, đưa tay cho vị « thần-y » đó xem mạch.

---

(1) — Kinh Thi, Thiên Thiệu-Nam : 于以采蘋，南澗之濱；于以采藻，于被行潦 (Vu dĩ thái tần, Nam-giản chi tân ; vu dĩ thái tảo, vu bỉ hàng lạo) Nghĩa là : đi hái rau tần, bến sông Nam-giản, đi hái rau tảo ngoài bờ lạch kia. Ý nói vợ quan đại-phu biết lo việc tế-tự, nên người nhà kể công việc của bà ra để ca-ngợi.

Người ấy nói :

— Không hề chi ! Bởi vì tạng-phủ không điều-hòa, nên sinh ra mê-hoặc, chỉ uống vài thang tiến thực, và sắm nhiều cỗ-bàn, cầu thần trừ tà, tự nhiên vô sự !

Nói rồi dốc hết thuốc bột vào bình sứ cho Hoàng uống một hơi hết sạch. Uống xong, nôn ra đến vài bát đờm rãi rồi nằm thiếp đi.

Người con gái cả giận, lấy gậy đập vỡ tan bình thuốc mà mắng rằng :

— Thằng cha ảo-thuật này ở đâu đến đây làm ly-gián vợ chồng ta, chia-rẽ nhà cửa ta ?

Người ấy lấy đạo bùa ném ra, tức thì người con gái theo đạo bùa, té lăn quay xuống đất, hóa ra một đống xương trắng !

Người ấy vội lấy nước thất-hương nóng, vẩy lên ngực Hoàng. Một lát Hoàng tỉnh lại, hỏi những việc trước thì chàng không nhớ gì hết.

Mọi người tranh nhau lại hỏi duyên-cớ, người ấy nói :

— Tôi vừa trông sắc mặt ông Hoàng thấy đầy yêu-khí, mà người con gái kia là cỗi-gốc tà-ma. Tôi phải nói lăng-nhăng khiến y coi là tầm-thường, thì mới thi-thố được xảo-thuật của mình, nếu không thế thì liệu có cho ông ta uống thuốc được chăng ?

Mọi người nghe đều kính-phục.

Khi cho người đến sông Bạch-Hạc, đào mả đó lên thì chỉ có mấy cục máu tươi, chứ chẳng thấy xương-cốt chi cả. Vừa toan nhặt mấy cục máu lên, thì thoắt đã chẳng thấy đâu nữa.

Người ấy than rằng :

— Tuy ngành-ngọn đã trừ, mà gốc-rễ chưa đứt. Nếu không có thiên-binh thần-tướng trừ-khử mãnh-liệt, chỉn e lại mắc phải độc-thủ của nó thì nguy cho ông lắm thay !

Sau đó một tuần, giữa ban ngày, Hoàng đang nằm chơi, chợt thấy hai tên lính bắt đem đi, đến một nơi tường bao bọc xung quanh, trong có đền-đài nghiêm-trang, duy dãy hành-lang bên tả đã đổ nát.

Bỗng trên điện có người đội mũ miện lớn tiếng quát :

— Diêm-Vương có chỉ truyền cho ta tra-xét cái án nhà ngươi đó. Rồi sai tả hữu đưa bút giấy bắt Hoàng viết tờ trạng cung xưng.

— Hoàng thưa rằng :

Tôi vốn nhà nghèo, may được dự hàng sĩ-hoạn, giữ mình chẳng thói gian-tà, làm quan không đòi hối-lộ. Tội chưa rõ-ràng, không giám vâng mệnh.

Nói chưa dứt lời, đã thấy người con gái ở với mình trước từ trong hành-lang bên tả bước ra. Hoàng hiểu ngay, bèn cầm bút cung rằng :

Nguyên văn :

恭 聞 :

1. 春 秋 紀 異 雖 石 言 神 降
而 必 書 ;

野史摭遺凡梅魄藥精而亦錄。

2. 豈自古唱爲怪說；欲使人得備神奸。

故：

3. 太真燃照水之犀龍宮請命，

馬亮寫八窗之手鬼物祈哀。

4. 或祛吹火之精；或却移牀之祟。

5. 是歷代剛方之士不怕邪妖；如百年香火之祠更容醜類；

如某者：

6. 性慚守拙，仕幸逢時。

7. 一官蕭條忝竊代耕之祿；

半衾寂寞翻含失偶之悲。

8. 誰知月下奇逢，

便是生前業報。

9. 盡惑臣以妖姿艷態粉黛朱鉛；

耗損臣以元氣真精什三四五。

10. 匪遇上醫之手，

幾成泉下之塵。

11. 入江而曰非漁誰其信者；

以德而行其罰伏望矜之。

Phiên âm :

Cung văn :

1. *Xuân-thu kỷ dị, tuy thạch ngôn thần giáng nhi tất thư :*

Dã-sử chích di, phàm mai phách kềnh tinh nhi diệc lục.

2. *Khởi tự cổ xưởng vi quái-thuyết :*
Dục sử nhân đắc bị thần-gian.

Cố :

3. *Thái-Chân nhiên chiếu thủy chi tê, long-cung thỉnh mệnh ;*

Mã-Lượng tả nhập song chi thủ, quỷ-vật kỳ ai.

4. *Hoặc khử xuy hỏa chi tinh ;*
Hoặc khước di sàng chi túy

5. *Thị lịch đại cương-phương chi sĩ, bất phạ tà-yêu ;*

Như bách niên hương-hỏa chi tử, cánh dung xú-loại ;

Như mỗ giả :

6. *Tính tàm thủ chuyết ;*
Sĩ hạnh phùng thời.

7. *Nhất hoạn tiêu-điều, thiểm thiết đại canh chi lộc ;*
Bán khâm tịch-mịch, phiên hàm thất ngẫu chi bi.

8. *Thùy tri nguyệt hạ kỳ phùng ;*

Tiện thị sinh tiền nghiệp báo.

9. *Cổ hoặc thần dĩ yêu tư diệm thái, phấn, đại, chu, duyên ;*

Hao-tổn thần dĩ nguyên-khí chân-tinh, thập : tam, tứ, ngũ.

10. Phỉ ngộ thượng-y chi thủ ;
Cơ thành tuyền hạ chi trần.

11. Nhập giang nhi viết : phi ngư, thùy kỳ tín giả ?
Dĩ đức như hành kỳ phạt, phục vọng căng chi.

GIẢI-NGHĨA :

Kính nghe :

1. Kinh Xuân-Thu chép việc lạ, dù là truyện đá biết nói, thần sa xuống mà cũng biên vào ; (1) Sách Dã-Sử nhặt điều sót, phàm vía cây mai, (2) tinh cây đèn (3) đều chép cả.

---

(1) — Sách Tả-truyện chép : Năm thứ 31 đời Lỗ Trang-Công (663 tr. c. n.) có thần sa xuống đất Sần 莘. Bính-Sử 丙史 nói rằng : nước sắp hưng-thịnh, thần hiện xuống để coi điều hay ; nước sắp suy thần cũng hiện ra để soi điều dở.

Cũng trong Tả-truyện : Năm thứ 8 đời Lỗ Chiêu-Công, (534 tr. c. n.) ở ấp Ngụy-Du 魏榆 nước Tấn có hòn đá biết nói Tấn-hầu hỏi lý-do thì Sư-Khoáng 師曠 tâu : Đá không biết nói, có lẽ người ta nghe lầm đó thôi. Song thần cũng nghe rằng : làm việc thất đức, dân gian ta-oán, loài không biết nói mà cũng lên tiếng. Nay xây-dựng cung-điện cực kỳ xa-xỉ, nhân dân kiệt-quệ, tiếng than-oán nổi dậy, mọi vật không còn giữ nguyên bổn-tính, thì đá phải nói chẳng cũng đáng ư ?

(2) — SáchThượng-hữu-lục chép : Triệu-sư-Hùng趙師雄 đời Tùy, trong năm Khai-Hoàng (cuối thế-kỷ thứ 6), đi qua núi La-Phù (Nam-Hải, Quảng-Châu), một hôm trời tối lạnh-lùng, thấy một chiếc nhà tranh bên cạnh quán rượu ở giữa rừng thông, có cô gái đẹp mặc áo trắng ra mời đón. Dưới bóng trăng mờ, Sư-Hùng cùng cô gái chuyện-trò thân mật, rồi gõ cửa cùng vào hàng uống rượu với nhau, một lát lại có đứa trẻ áo xanh ra cười đùa múa hát. Sư-Hùng say rượu lăn ra ngủ, gần sáng tỉnh dậy, té ra mình nằm dưới gốc một cây mai lớn.

(3) — Sách Viên-Cơ chép : Tống-Tiềm 宋潛 làm chức tuần-kiểm ở Cam-Lăng, 甘陵 đón bạn là Triệu-Đang 趙嘗 đến nhà dạy trẻ học. Một đêm, Triệu thấy một người đàn bà đẹp đứng dưới đèn ngâm thơ rồi tắt phụt đèn đi, từ đó hai người đêm nào cũng quấn-quít với nhau. Sau Tống-Tiềm biết, sai người nhà vây bắt người đàn bà ấy, nắm cổ tay bé tý, nhìn ra thì là cái đế đèn. Bèn đốt bỏ cái đèn ấy đi.

2. Há phải từ xưa xướng ra thuyết quái-dị ;

   Cốt là muốn cho người đời biết mà phòng-bị tà thần.

3. Cho nên : Thái-Chân đốt sừng tê soi xuống nước, mà long-thần đến trách (1).

   Mã-Lượng viết vào bàn tay luồn qua cửa sổ mà quỷ-vật phải van xin (2).

4. Lại có người đuổi con tinh thổi lửa (3).

---

(1) — Ôn-Kiệu 溫嶠 đời Tấn, tự Thái-Chân, đi qua bến Ngưu-Chử 牛渚. Chỗ đó nước sâu thăm-thẳm, người ta vẫn đồn là có nhiều quái-vật. Kiệu bèn đốt một cái sừng tê soi xuống, một chốc vô-số những thủy-tộc kỳ-hình quái-trạng hoặc đi xe đi ngựa, hoặc mặc áo đỏ, lố-nhố hiện ra. Đêm hôm ấy, Kiệu nằm chiêm-bao thấy có người bảo : « Ta cùng ngươi đôi ngả u-minh, sao lại soi nhau để làm gì thế ? », xem ý có vẻ tức-giận lắm.

(2) — Mã-công-Lượng 馬公亮 đời Tống, thuở nhỏ một đêm đọc sách dưới đèn trong cửa sổ, chợt thấy một bàn tay lớn bằng cái quạt thò vào, đêm hôm sau lại như thế. Lượng bèn lấy bút nhấp nước hùng-hoàng viết một chữ «HOA 花» lớn vào tay. Ngoài cửa sổ chợt có tiếng kêu to, bảo có rửa hộ ngay đi không. Lượng cứ mặc kệ. Gần sáng, tiếng kêu van càng tha-thiết và tay vẫn không rút ra được ; lại thấy nói : « Ông sắp làm nên đại-quý nên tôi đùa trêu ông, sao nỡ làm cho tôi khốn-quẫn quá thế ! Há không biết việc Ôn-Kiệu đốt sừng tê hay sao ? ». Lượng nghĩ ra bèn lấy nước rửa sạch chữ « HOA », cái quỷ ấy cảm-tạ mà đi.

(3) — Đời Tam-Quốc, Quản-Lộ 管輅 một đêm đương ngồi dưới đèn, chợt có một con vật nhỏ cầm mớ lửa kề lên miệng thổi, xuýt làm cháy nhà. Lộ sai học-trò chém đứt đôi lưng, nhìn xem té ra là con cáo. Từ đó trong làng không có hỏa-tai nữa. (theo sách Viên-Cơ).

Hoặc người xưa lũ quỷ khiêng giường (1).

5. Đó (là những việc) trải bao đời, kẻ sĩ vuông-thẳng chẳng sợ tà-ma ;

Thời miếu đền trăm năm hương-lửa, sao còn dung loài xú-quỷ.

Như thần đây :

6. Luống thẹn về tính-tình vụng dại ; được làm quan (chẳng qua là vì) may đã gặp thời.

7. Cửa hoạn tiêu-điều, trộm hưởng chút bổng-lộc thay việc đi cày (2).

Nửa chăn vắng-vẻ, xui nên ngậm mối sầu mất bạn lứa đôi.

---

(1) — Sách Viên-Cơ chép : Ngụy-nguyên-Trung 魏元忠 đời Đường một đêm thấy có mấy người phụ-nữ xuất hiện đứng đầu giường. Ngụy bảo : « Đố các ngươi khiêng được giường ta xuống nhà dưới ». Lũ quỷ quả khiêng được giường xuống. Ngụy khen « Giỏi ! Các ngươi lại khiêng giường lên nhà được không ? ». Chúng lại khiêng giường lên đặt vào chỗ cũ. Ngụy lại bảo : « Đố các ngươi khiêng được giường ta ra ngoài đường phố» Họ đều cúi lạy và bảo nhau : « Đây là bậc trưởng-giả khoan-hậu, không thể đùa cợt như đối với người thường được ».

(2) — Trong nước lớn đất vuông trăm dặm, nhà vua ăn lộc gấp 10 quan Khanh ; lộc quan Khanh gấp 4 quan Đại-phu ; Lộc quan Đại-phu gấp đôi quan Thượng-sĩ ; lộc quan Thượng-sĩ gấp đôi quan Trung-sĩ ; Lộc quan Trung-sĩ gấp đôi quan Hạ-sĩ. Hạ-sĩ cùng thứ-dân mà làm quan thì chỉ hưởng lộc bằng công đi cày ruộng mà thôi. (theo sách Mạnh-Tử, thiên Vạn-chương hạ).

8. Ai biết được chuyện gặp-gỡ dưới bóng trăng ;

   Lại là bởi có nợ-nần từ kiếp trước.

9. Nó mê-hoặc thần bằng dáng-dấp kiều-mị, tô-điểm lộng-lẫy, phấn giồi màu xanh, màu đỏ, màu chì ;

   Nó làm cho chân-tinh nguyên-khí thần bị hao-tổn, mười phần mất đến ba, bốn, năm phần.

10. Nếu không được bậc thần-y cứu chữa cho ;

    Có lẽ thần đã thành bụi dưới chín suối rồi,

11. (Dù sao) Đã xuống sông còn bảo rằng không bắt cá, ai mà tin được ;

    (Nhưng vì lẽ) Làm ơn mà bị hình-phạt, thần cúi mong được (ơn trên) thương lại mà thôi.

Dịch ra văn tứ lục :

Kính nghe :

1. *Xuân-Thu chép điều kỳ lạ, dẫu thần sa đá nói cũng biên rành ;*

   Dã-sử nhặt chuyện đó đây, cả mai hóa đèn thiêng còn chép rõ.

2. *Há thuở trước đặt-bày quái-đản ;*

   Cốt người sau phòng-bị tà-thần.

Cho nên :

3. *Thái-Chân soi nước đốt sừng tê, long-cung xin miễn ;*

Mã-Lượng khoán tay luồn cửa sổ, quái-vật van tha.

4. *Nào người xưa quỷ khiêng giường ;*

Nào kẻ trừ ma thổi lửa ;

5. *Ấy kẻ sĩ cương-phương muôn thuở, chẳng sợ tà-yêu ;*

Thời miếu thờ hương-hỏa trăm năm, sao dung xú-loại.

Như tôi đây :

6. *Luống thẹn vụng-về là tính ;*

Cũng nhờ may-mắn nên quan.

7. *Tiêu-điều cửa hoạn lộc thay cày,*

Tịch-mịch chăn đơn sầu lẻ bạn.

8. *Ai biết trăng khuya gặp-gỡ,*

Lại là kiếp trước nợ-nần.

9. *Mê tới bằng tà-thuật, mỹ-dung, phấn tô xanh đỏ ;*

Rút tới lấy chận-tinh nguyên-khí, mười mất năm ba.

10. *Thần-y vì chẳng ra tay,*

Hoàng-tuyền cơ-hồ bỏ mạng.

11. Xuống sông còn bảo không mò cá, ai kẻ tin chăng ?

Làm phúc mà ra bị xử hình, mong người thương lại.

Tờ cung khai xong, dâng lên, Vương (1) cả giận mắng :

— À ! Con ranh này gớm thật ! Không ngờ nó dám ra dạ đảo-điên. Đã *dở* thói dâm-ô, còn manh tâm vu-thác, phải đem giam nó vào ngục « rút lưỡi ». Rồi phê chữ lớn rằng :

Nguyên văn :

蓋聞：

1. 猿鶴虫沙之化周代曾聞；
   狐狸華表之精晉朝再見。
2. 世運寖乎愈降，
   邪魔槩不勝妖。
3. 故道家以三尺盪氛；
   而地獄以尺符攝召。
4. 二十四司之關掌各有
   分曹；

(1) — Đây là vị vua dưới quyền Diêm-Vương, không rõ tước hiệu là gì, xin để chữ Vương theo nguyên-văn.

百千萬狀之鬼妖舉皆遁迹。

5. 夫何穢濁，
敢肆猖狂。

6. 一生惟事於龜淫貪婪殆甚；
再死猶懷於狙詐假冒何多。

7. 謂罪名可以力逃；
謂冥府不能顯責。

8. 任之狐雀之虎變態愈滋，
劍爲樹刀爲山章條載舉。

9. 至如黃某，
亦有可言。

10. 志溺少剛，
心牽多欲。

11. 不能效顏叔子却鄰家之女；
顧乃携武承嗣惑花月之妖。

12. 罪不能無，
薄乎云耳。
13. 吾言止此，
主者奉行！

Phiên âm :

Cái văn :

1, Viên, hạc, trùng, sa chi hóa, Chu - đại tẳng văn ;

Hồ - ly hoa - biểu chi tinh, Tấn - Triều tái kiến.

2. Thế-vận tầm hồ dũ giáng ;

Tà-ma khái bất thăng yêu.

3. Cố đạo - gia dĩ tam xích đăng phân ;

Nhi địa - ngục dĩ xích phù mê triệu.

4. Nhị thập tứ ty chi quan chưởng, các hữu phân tào ;

Bách thiên vạn trạng chi quỷ yêu, cử giai độn tích.

5. Phù hà uế - trọc ;

Cảm tứ xướng - cuồng.

6. *Nhất sinh duy sự ư quy dâm, tham-lam đãi thậm ;*

Tái tử do hoài ư thư - trá, giả-mạo hà đa.

7. *Vị tội danh khả dĩ lực đào ;*

Vị minh - phủ bất năng hiển trách.

8. *Nhâm chi hồ, Thôi chi hổ, biến thái dữ tư ;*

Kiếm vi thụ, đao vi sơn, chương-điều tái cử.

9. *Chí như Hoàng - Mỗ ;*

Diệc hữu khả ngôn.

10. *Chí nịch thiều cương·*

Tàm khiên đa dục ;

11. *Bất năng hiệu Nhan-thúc-Tử khước tân-gia chi nữ ;*

Cố nãi huề Vũ-thừa-Tự hoặc hoa-nguyệt chi yêu.

12. *Tội bất năng vô,*

Bạc hồ vân nhĩ.

13. *Ngô ngôn chỉ thử,*

Chủ giả phụng hành.

GIẢI-NGHĨA

Mảng nghe :

1. (Truyện người) hóa ra vượn, hạc, sâu, cát, đã từng nghe thấy nói tự đời nhà Chu (1).

   (Rồi chuyện) con hồ-ly, cây hoa-biều thành tinh, lại thấy hiện ra ở triều nhà Tấn (1).

2. Thế-vận dần-dần xuống mãi ;

   Thời tà-ma càng quái-gở không kể xiết được.

3. Cho nên đạo-gia có ba thước kiếm trừ yêu ;

   Mà địa-ngục có thước bùa triệu quỷ.

---

(1) — Vua Mục-Vương 穆王 nhà Chu (cuối thế-kỷ thứ 10 trước công-nguyên) đi đánh phương nam, cả một đội quân đều biến-hóa, quân-tử hóa làm vượn làm hạc ; tiểu-nhân hóa làm sâu làm cát (theo sách Loại-tụ).

(1) — Sách Tiễn-đăng chép : Triều Tấn Huệ-Đế 晉惠帝, (290-306) mả Yên Chiêu-Vương 燕昭王 có con hồ-ly và cây hoa-biều đã thành tinh. Một hôm hồ-ly bàn với hoa-biều hóa làm người học-trò đến nghe Trương-Hoa 張華 giảng sách. Hoa-biều sợ bị Trương khám phá, sẽ lụy đến mình, nhưng hồ-ly không nghe, cứ hóa ra cậu học-trò nhỏ đến yết kiến Trương. Khi bàn đến văn-chương, sử-sách, Trương chịu không ứng đáp được, than rằng : Trên đời sao lại có đứa nhỏ cử-khôi thế này được ! Nếu không phải loài quỷ-mị, thì hẳn là giống hồ-ly. Trương sai canh-phòng rất nghiêm rồi cho chó săn ra thử xem, nhưng nó vẫn không sợ. Trương giận lắm nói : đúng là hồ-ly rồi, phải tìm được cây khô ngàn năm đốt lên mà soi mới biết. Sau Trương chặt cây hoa-biều đốt soi, quả đúng là con hồ-ly, liền đem giết đi.

4. Hai mươi bốn ty giữ việc nghiêm-minh, đều đã phân từng tòa rõ rệt ;

   (Cho nên) Trăm ngàn vạn giống quỷ-yêu, hết thảy đều trốn mất tích.

5. (Vậy mà) sao loài nhơ-nhuốc kia ?

   (Lại còn) dám dở thói lung lăng ?

6. Suốt đời sống chỉ ham việc dâm-dãng như giống rùa (1), tham-lam quá tệ ;

   Lúc chết còn khư-khư giữ tính lừa-dối như trò nuôi vượn (2) điêu-ngoan lắm thế !

7. (Hẳn nghĩ) rằng tội-danh có thể lấy sức mà trốn thoát ;

---

(1) — Văn-Uyển chép rằng : Khoảng năm Khai-Hoàng đời Tùy (cuối thế-kỷ thứ 6), trong cung đêm đêm thường có người vào trêu-ghẹo cung-phi. Có người tâu lên Vua. Vua phán : Cổng ngõ thâm-nghiêm, sao lại có người lọt vào được, đó hẳn là loài yêu-tinh, rồi dặn cung-nhân hễ thấy thì lấy gươm mà chém. Khi chém thì tựa như chém đống xương khô và thấy vật đó trụt xuống giường chạy, người rượt theo đến bờ ao thì mất hút. Vua sai tát cạn ao thì bắt được con rùa trên lưng còn vết gươm chém, bèn đem giết đi, từ đó không thấy ai đến trêu ghẹo nữa. Sách Loại-tụ lại chú rằng : giống rùa có tính đa dâm. Bắt một con rùa ốm yếu, để gương cho nó trông thấy một con rùa khác, rùa kia tiết dâm rồi khỏi ốm.

(2) — Nước Tống có ông Thư-công (狙公) thích nuôi vượn, song nhà lại thiếu-thốn, nên hạn chế bữa ăn. Ông bảo lũ vượn ban sáng cho ăn 3 bữa, chiều 4. Đàn vượn ra chiều giận-dỗi. Ông bèn bảo : Vậy thì sáng 4 chiều 3. Đàn vượn đều mừng rỡ ! (theo sách Thi-Học Đại-thành).

Rằng minh-phủ biết đâu mà trách-cứ được.

8. (Xem những truyện) Lốt Cáo họ Nhâm, da hổ họ Thôi (1) biến ảo đã ghê ;

(Thì cũng có truyện) kiếm dựng cây, đao làm núi. (2) khép vào điều luật.

9. Đến như Hoàng-Mỗ,

Cũng có điều đáng trách.

10. Chí bị chìm đắm, thiếu bề cương-quyết ;

Lòng bị nhiều dục-vọng khiên-chế.

11. Sao không biết theo gương Nhan-Thúc-Tử, khước-từ cô gái hàng xóm (3).

---

(1) — Nhâm-thị là con quỷ cái nhưng người rất đẹp, lấy chàng Trịnh-Sinh 鄭生. Sau mấy tháng, vợ chồng đưa nhau ra ngoài thành chơi, chợt gặp người đi săn đắt chó. Nhâm-thị sợ quá ngã ngựa hóa thành con cáo rồi bị chó cắn chết. (Theo Hương-đài). — Sách Hương-Đài còn chép rằng : Thôi Thao 崔韜 đi đến quán Hiếu-Nghĩa, thấy một người đàn bà gối đầu vào mảnh da hổ mà ngủ say. Thao kéo lấy mảnh da hổ vứt xuống giếng. Người đàn bà sực tỉnh giấc, mất da hổ không biến được nữa. Thao lấy làm vợ. Sau ba năm, vợ hỏi Thao da hổ để đâu ? — Thao bảo ở dưới đáy giếng. Vợ vớt lên khoác vào mình, hóa làm con hổ gầm thét mà đi.

(2) — Sách Cương-mục chú : Nhà Tống đánh nước Nam-Hán, lấy được thành Xâm-Châu 郴州 (nay thuộc tỉnh Hà-Nam), và bắt được nội-thị là Dư-diên-Nghiệp 餘延業. Vua Tống hỏi về quốc-chính thì Dư tâu rằng : Chủ cũ y (vua Nam-Hán) dựng ra nhiều thẩm-hình, nào đốt, nướng, cắt, thiến, nào núi đao, cây kiếm ; có khi còn bắt tội nhân đánh nhau với hùm, với voi. Vua Tống nói : Ta phải cứu vớt nhân-dân phương này mới được.

(3) — Nhan-thúc-Tử đời Chu, người nước Lỗ, một mình ở một cái nhà. Gặp đêm mưa bão, nhà láng-giềng mé bắc bị đổ, một cô gái chạy sang trú nhờ. Thúc-Tử bắt cô gái cầm cây nến ở tay, hết cây này lại thắp cây khác nối tiếp cho đến sáng. Giữ mình ngay thẳng đến như thế ! (theo Thượng-hữu-lục).

Mà lại đi bắt-chước Võ-Thừa-Tự, mê say con yêu hoa-nguyệt.

12. (Thế thì) không thể bảo rằng vô tội được ;
(Chỉ có rằng) tội nhẹ đó thôi.

13. Lời ta phán đến đây là hết ;
Giao người giữ việc tuân hành.

Dịch ra văn tứ-lục :

Mảng nghe :

1. *Kìa viên, hạc, trùng, sa biến-hóa, từng nghe tự đời Chu ;*

Nọ hồ-ly, hoa-biểu thành tinh, lại thấy trong triều Tấn .

2. *Thế-vận dần-dà xuống thấp ;*
Tà-ma hống-hách lên cao.

3. *Nên đạo-gia có kiếm trừ yêu ;*
Mà địa-ngục có bùa triệu quỷ.

4. *Hai mươi bốn tòa nghiêm-mật, phận-sự chia đều ;*

Trăm ngàn vạn giống yêu-ma, hành - tung trốn biệt.

5. *Tuồng chi loài nhơ-nhuốc ;*
Giám dở thói ngông-càn.

7. *Sống đã dâm-ô học nết rùa, tham-lam quá lắm ;*

Chết còn tráo-trở trò nuôi vượn, điêu-trá vô cùng.

7. *Nghĩ tội-danh trốn đặng là yên ;*

Tưởng âm-phủ biết đâu mà trách.

8. *Thôi, Nhâm đội lốt hùm càng cáo, biến-ảo nhiều trò ;*

Đao, kiếm nên hình núi với cây, thi-hành mấy khoản.

9. *Còn như Hoàng-mỗ,*

Cũng có phạm điều :

10. *Chí thiếu cương-cường,*

Lòng ham tà-dục.

11. *Sao chẳng trông gương Nhan-Thúc-Tử, rẫy-ruồng có ả láng-giềng .*

Lại màng theo gót Võ-Tam-Tư, mê-mệt con yêu hoa-nguyệt.

12. *Cũng là có tội,*

Song nhẹ đó thôi.

13. *Ta phán xong rồi.*

Thi-hành lập tức.

Phê xong, quay lại bảo Hoàng rằng : « Nhà ngươi từ thuở nhỏ, theo rõi nghiệp nho, đã đọc sách thánh-hiền, nhớ cổ-kim sự-tích, hẳn biết câu giới sắc, mà cứ rấn thân vào, rồi lấy bút phê rằng :

去 剛 : khử cương (bỏ chí cương-quyết)

即 欲 : tức dục (theo đường tình-dục)

減 壽 一 紀 : giảm thọ nhất kỷ (giảm tuổi thọ một kỷ tức là 12 tuổi).

DỊCH :

Hoàng không trì-thủ chí cương,
Phạm điều giới sắc noi đường ham mê.
Pháp công giảm thọ thường lề,
Bớt đi một kỷ sớm về cõi âm.

Đoạn sai hai tên lính dẫn Hoàng về tới nhà. Thế là Hoàng trở mình tỉnh dậy, mồ-hôi toát ra như tắm.

Vài năm sau, Hoàng nhận đi công-cán, đến hạt Tam-Giang 三江, vào nghỉ ở dưới đền Phong-Châu, nhìn thấy cảnh đền-đài, tường vây bọc, hành-lang xiêu đổ, thần-tượng tồi-tàn, hệt như quang-cảnh lúc chiêm-bao, mới biết ngày trước chính mình bị đòi đến đây, bèn giục ngựa ruổi mau, không giám ngoảnh cổ lại. Hôm ấy nhằm ngày đinh-tị, tháng tám năm Thiệu-Bình (Lê-Thái-Tôn) thứ hai (1435).

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi! Quỷ dòm vào nhà, kêu trên nóc (1) đã là quái gở-chăng? Thưa rằng : chưa phải. Gấu Vũ-Uyên 羽淵 (2) Lợn Bối-Khâu 貝丘 (3) đã là quái-gở chăng?— Thưa rằng : cũng chưa phải. Vì : Xương-Lê làm văn «nguyên-quỷ» (4) Khâu-Minh 左丘明 giải nghĩa Xuân-thu thì quái cũng là thường. Xem thế thì câu chuyện Xương-Giang này chẳng có chi là quái-dị nữa. Phương-chi : thấy loài yêu-nữ mê người, vững chí kiêng dè sắc dục ; xem

---

(1).— Đời Hán, Dương-Hùng 揚雄 chép thiên Giải-Chào 解嘲 có câu : «Trời đã thu thanh, đất hút hết lửa, những nhà cao-minh, quỷ nhòm vào cửa».— Sách Chính-tự-thông cũng nói : nghe tiếng kêu trên nóc, hoặc đi ra có đụng-chạm vào ấy là ám-quỷ. Nhưng hãy còn ngờ, chưa rõ có thực hay không.

(2).— Sách Loại-tụ chép : Vua Tấn ốm, chiêm bao thấy con gấu chạy vào cửa sổ. Hàn Tuyên-Tử 韓宣子 hỏi Tử-Sản 子產, Tử-Sản nói : «Đời xưa vua Nghiêu đầy ông Cổn ở Vũ-Sơn, Cổn chết, hóa làm con gấu vàng vào ở Vũ-Uyên. Đời Tam-đại (Hạ, Thương, Chu) đều cúng tế. Nước Tấn từ khi làm minh-chủ chừng chưa cúng tế phải không ? Thế rồi từ đó lại cúng tế thần gấu vàng.

(3).— Đời Xuân-Thu, Tề-Hầu săn ở Bối-Khâu, thấy một con lợn lớn. Kẻ theo hầu nói : «Đó là công-Tử Bành-Sinh 彭生 (Bành- Sinh đã bị Tề-Hầu giết oan) hiện lên đấy». Tề-Hầu nói : «Bành-Sinh sao giám như thế !» Nói rồi dương cung bắn một phát. Con lợn đứng lên như người mà khóc. Hầu sợ ngã xe, bị thương ở chân và rơi mất chiếc giầy. (Theo Tả-truyện).

(4)— Trong bài văn Nguyên-quỷ của Hàn-dũ (Xương-Lê) có nói : Nghe tiếng kêu trên nóc nhà, giơ đuốc lên soi, không thấy gì... Có người đứng ngoài thềm nhà, chạy ra xem, chẳng thấy gì. Phải là ma-quỷ chăng ? — Thưa rằng không phải. Ma quỷ làm gì có nói năng, có hình hài (theo Loại-tụ).

chuyện linh-từ phản án, đem lòng xa kinh quỷ-thần. Nhớ câu : nghi đề truyền nghi, thì chẳng thấy chi là quá đáng ; tiến lên bước nữa, cả những chuyện của Lưu-Xoa, Can-Bảo (1) cũng thường thôi.

---

(1) — Sách Thượng-hữu-lục chú : Lưu-Xoa đời Đường thuở nhỏ làm hiệp-sĩ, về già thích đọc sách. Nghe tin Hàn-Dũ trọng đãi kẻ sĩ trong thiên-hạ, Lưu liền đi theo Hàn. Lưu có làm hai bài thơ «Xe tuyết» và «Cột băng».

Can-Bảo đời Tấn, cha là Oánh có yêu-dấu người nàng hầu. Vợ Oánh có tính quá ghen, lúc Oánh chếtđem mai táng. Vợ Oánh đẩy nàng hầu đó xuống huyệt rồi lấp đất lên. Mười năm sau mẹ Bảo chết, bới đất trên mộ Oánh, nàng hầu phục trên quan tài, sờ còn thấy nóng, lại có hơi thở, liền đem về nhà, suốt một ngày bằn-bặt rồi tỉnh lại, kể chuyện Oánh thường cùng nàng ăn-uống, nằm ngủ như lúc sinh-tiền. Việc hay dở trong nhà nàng đều biết hết chẳng sai câu nào. Vài năm sau nàng mới chết. Nhân đó Can-Bảo làm ra chuyện « Sưu thần ký »

Chuyện đối-đáp của lão Tiều Núi Na

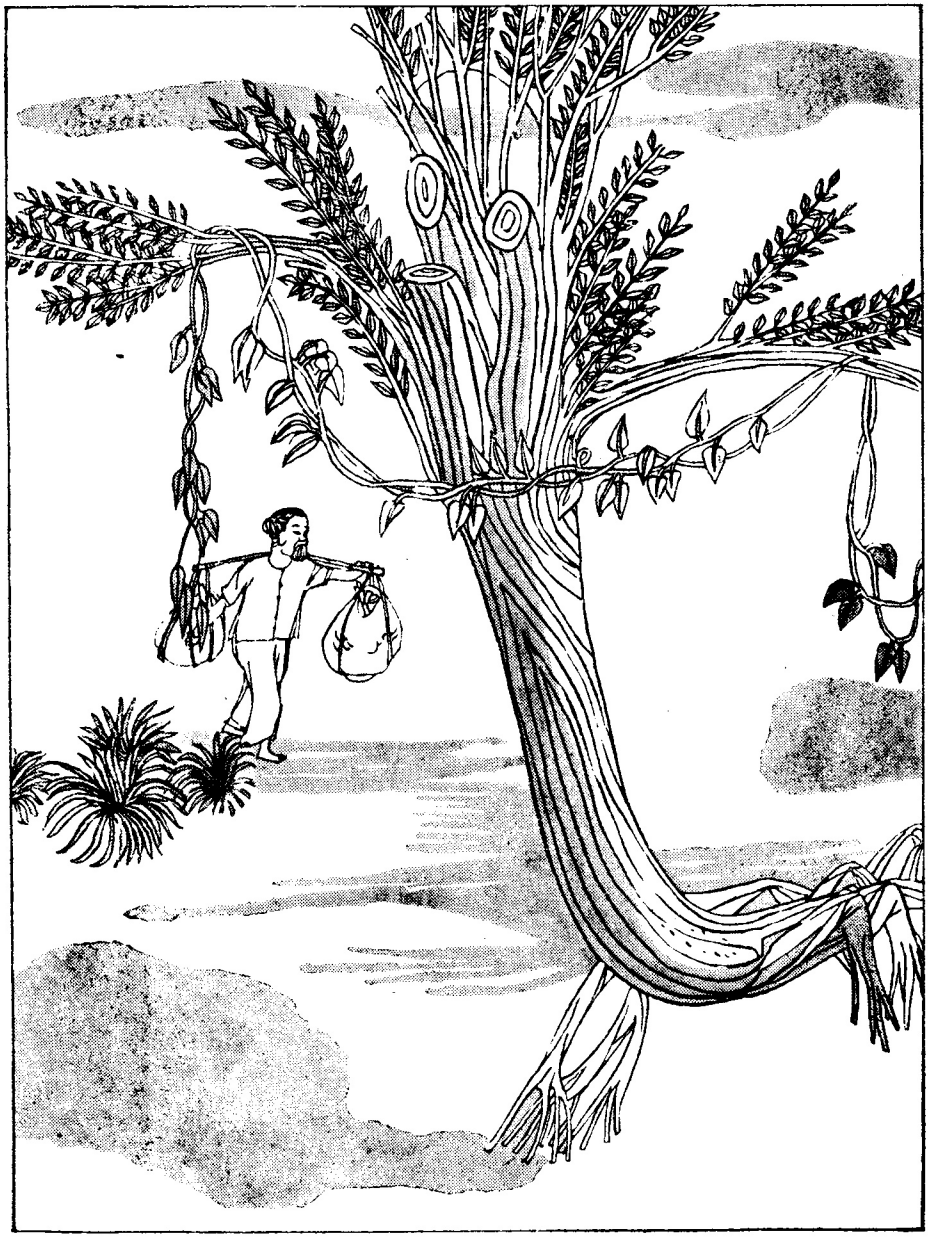

(Tranh vẽ Nuyên)

那山樵對錄

NA-SƠN TIỀU ĐỐI LỤC

TRUYỆN ĐỐI-ĐÁP CỦA LÃO TIỀU NÚI NA (1)

Đất Thanh-Hóa 清化 toàn núi, bát-ngát bao quanh đến vài ngàn dặm. Trong đó có một ngọn cao chót-vót tên gọi núi Na. Trong núi có một động sâu mà hiểm-trở, ẩm-ướt mà quạnh-hiu, chẳng chút bụi trần, không người bén-mảng. Thường ngày chỉ có lão Tiều gánh củi từ trong động đi ra, đem đổi lấy cá và rượu ; cốt được no say, chứ không hề hỏi đến tiền-bạc bao giờ. Hễ gặp ông lão trong thôn hay đứa nhỏ ngoài nội là lại vui vẻ chuyện-trò về việc trồng dâu gai. Ai hỏi đến họ tên, nhà cửa, thì lão chỉ cười mà không trả lời. Cứ đến lúc mặt trời gác núi thì lão lại về động. Người thời ấy cho lão vào hàng Thần-Môn, 晨門 Tiếp-Dư, 接輿 (2) chứ từ Thái-Hòa 泰和 (3) trở xuống đều không đáng kể.

---

(1) — Núi Na tục gọi là núi Nứa, ở về xã Cổ-Định 古定 huyện Nông-Cống, 農貢 tỉnh Thanh-Hóa, cách tỉnh chừng 30 cây số. Lão Tiều Núi Na họ Trần tên Tu, người đương-thời thường gọi là cụ TU-NỨA, chán đời, cất lều tranh gọi là Am-Tiên, ở ẩn trong đó (theo Thành-Ngữ Điển-Tích).

(2) — Thần-Môn là một bậc ẩn-giả lánh đời vào giữ việc mở cổng thành buổi sớm đời Xuân-thu.

— Tiếp-Dư họ Lục tên Thông 陸通, người nước Sở, đời vua Chiêu-Vương, giả điên-dại không chịu ra làm quan, người thời bấy giờ thường gọi Tiếp-Dư là Sở-Cuồng.

(3) — Lam-thái-Hòa không rõ là hạng người nào, lại có thuyết nói Lam là một dật-sĩ vào cuối đời Đường, thường mặc quần áo rách tả-tơi, một chân xỏ dép, một chân không, đi lang-thang ngoài đường, vừa đi vừa gõ thanh gỗ mà hát nghêu-ngao. (Thiên-Hạ dị-kỷ 天下異紀).

Sau đến khoảng năm Khai-Đại nhà Hồ (Hồ Hán-Thương) (1403-1406), Hán-Thương 漢蒼 đi săn, chợt gặp lão Tiều ở giữa đường, vừa đi vừa hát rằng :

Nguyên văn :

1. 那之山有石巑岏
樹蒼蒼
煙莫莫
水潺潺

2. 朝兮吾出
暮兮吾還

3. 有衣兮製芰
有佩兮紉蘭

4. 闥排青兮屏曉嶂
田護綠兮枕晴灘

5. 任他朝市
任他車馬
緇塵不到此江山

6. 幽草宋朝弓劒
古丘晋代衣冠

7. 王謝風流
趙曹事業

8. 算往古來今鄉相

石 篆 苔 漫
9. 爭 如 我 掉 頭 一 覺
紅 日 三 竿

Phiên âm :

1. *Na chi sơn hữu thạch toàn-ngoan.*
Thụ thương thương,
Yên mạch mạch,
Thủy sàn sàn.

2. *Triêu hề ngô xuất ;*
Mộ hề ngô hoàn.

3. *Hữu y hề chế ky ;*
Hữu bội hề nhận lan.

4. *Thát bài thanh hề bình hiểu chướng ;*
Điền hộ lục hề chẩm tình than.

5. *Nhậm tha triều thị ;*
Nhậm tha xa mã ;
Truy trần bất đáo thử giang san.

6. *U thảo Tống-triều cung kiếm ;*
Cổ khâu Tấn-đại y quan.

7. *Vương Tạ phong-lưu ;*
Triệu Tào sự-nghiệp.

8. *Toán vãng cổ lai kim khanh tướng ;*
Thạch triện đài man.

9. *Tranh như ngã trạo đầu nhất giác,*
Hồng nhật tam can.

GIẢI-NGHĨA :

1. Kìa non Na có đá mọc chon-von,

   Có cây xanh-xanh, có khói mờ-mịt, có nước chảy lờ-đờ.

2. Buổi sớm ta ra đi, buổi tối ta lại trở về.

3. Ta chế gương ấu, lá sen làm áo mặc (1) ;

   Ta xâu cỏ lan làm xiêm đeo.

4. Trước cửa động bày ra núi xanh làm tấm bình-phong cho dịu bớt ánh sáng ;

   Ruộng nằm bên bến nước trong như giúp thêm màu lục.

5. Mặc ai ở chốn triều-đình hay ở ngoài chợ (nói những người ham danh vụ lợi).

   Mặc ai cưỡi ngựa hay đi xe ;

   Bụi đen không vẩn đến nước non này.

6. (Xem như) Cung kiếm triều Tống thành vùng cỏ rậm ;

   Áo đai đời Tấn cũng thành đống gò cao (2).

---

(1) — Thi-học đại-thành có câu : Chế kỳ hà dĩ vi y, tập phù-dung dĩ vi thường 製芰荷以爲衣集芙蓉以爲裳 nghĩa là chế lá ấu, lá sen làm áo, xếp lá phù-dung làm xiêm.

(2) — Thơ Lý-Bạch : Ngô-cung hoa-thảo mai u-kính, Tấn-đại y-quan thành cổ-khâu 吳宮花草埋幽徑，晉代衣冠成古丘 Nghĩa là : Hoa-cỏ cung Ngô vùi ngõ tối, Áo đai đời Tấn lấp gò cao. (Đường-Thi).

7. Nào mức phong-lưu họ Vương, họ Tạ ; Nào sự-nghiệp họ Triệu, họ Tào (1).

8. Tính lại các bực khanh-tướng xưa nay, bia đá cũng rêu phủ mà thôi.

9. Đâu có bằng ta lúc ngẫng đầu tỉnh dậy,
Mặt trời đỏ đã lên cao ba sào.

Dịch ra văn tứ lục :

1. *Kìa non Na đá mọc chênh-vênh,*
Cây xanh xanh,
Khói mờ-mịt,
Nước long-lanh.
2. *Sớm ra khỏi động,*
Tối lại về ghềnh.
3. *Xiêm dây đeo mặc sức :*
Áo lá sẵn bên mình.
4. *Cửa động rừng xanh non dịu sáng ;*
Đâu ghềnh ruộng biếc bến thêm xinh.
5. *Mặc ai xe ngựa ;*
Mặc ai thị-thành.
Nước non đây không nhuốm bụi phù-sinh,

---

(1) — Vương-Đạo, 王導 Tạ-An 謝安 là khanh-tướng đời nhà Tấn ; Triệu-Phổ, 趙普 Tào-Bân 曹彬 là khanh-tướng đời nhà Tống.

6. *Tống để cung đao vùi dưới cỏ,*
   Tấn xưa mũ áo chẳng còn manh.

7. *Tạ, Vương phú-quý ;*
   Tào, Triệu công-danh.

8. *Ngồi nghĩ lại cổ-kim khanh-tướng,*
   Bia đá rêu quanh.

9. *Ai đặng bằng ta choàng tỉnh giấc,*
   Ngẩng trông ác đã đầu cành.

Hát rồi, giũ áo đi thẳng, Hán-Thương đoán : hẳn đây là người ẩn-dật, bèn sai quan hầu là Trương-công 張公 đuổi theo mời lại. Nhưng Trương đi gần kịp thì lão đã rảo bước vào động. Trương vội gọi lại nhưng không thấy thưa, chỉ thấy cưỡi mây, lách khỏi, thoăn-thoắt bước mau trong khoảng cành thông ngọn trúc. Trương biết không phải là người thường, cứ trông hút lật-đật theo sau, vừa đi vừa vạch cỏ tìm lối tắt, được chừng hai ba dặm, nhưng đường núi gập-ghềnh, càng vào sâu lại càng hiểm-trở, khôn bề tiến bước. Trong chớp mắt đã chẳng thấy lão đâu nữa. Ngước trông lên mặt trời đã gác đầu non, cây cỏ đã bắt đầu lờ-mờ. Trương bàng-hoàng muốn quay gót trở lại thì đã không kịp rồi, chợt nghe tiếng gà gáy văng-vẳng từ chòm tre cao đưa lại. Trương mừng mà rằng :

— Từ đây đến chỗ có người ở chả còn xa là mấy. Thế rồi cứ chống gậy trèo dốc, lên tới nơi thấy một cái am cỏ, hai bên tả hữu trồng mấy khóm kim-tiền, xen kẽ có mấy cây hồng-hạnh, bích-đào, đều rườm-rà vui

mắt. Trong am có đặt cái giường mày, trên giường có đàn, có sáo và một cái gối tựa. Hai bên vách đông tây đều quét trắng và đề mỗi bên một bài ca. Một bên là bài ca « Thích ngủ » và một bên là bài ca « thích cờ ».

I.— Bài ca « thích ngủ » như sau :

Nguyên văn :

1. 吾 所 愛
   兮 惟 眠
2. 愛 爲 安 舒 適 性 然
3. 淺 墨 帳 添 新 富 貴
   矮 藤 床 結 舊 因 緣
4. 梅 之 軒 竹 之 園
   幽 居 趣 味 有 林 泉
5. 靑 奴 擁 後
   紅 友 羅 前
   媒 引 :
6. 黑 甜 勝 景
   凉 思 輕 便
7. 雙 掩 耳 紅 塵 世 上
   小 曲 肱 白 屋 雲 邊
8. 寄 傲 草 廬 南 陽 閒 日 月

欠 伸 雲 觀 趙 宋 窄 山 川

9. 北 牕 吟 魂 易 促
西 堂 春 夢 常 圓

10. 書 樓 初 捲 夕
酒 店 欲 晴 天

11. 玄 鶴 黃 州 夜 夜
美 人 湘 水 年 年

12. 有 時 向 醉 鄉 打 臥
草 鋪 茵 花 鋪 幄 地 鋪 氈

13. 彭 澤 夜 深 半 簾 殘 月
濂 溪 院 靜 一 枕 啼 鵑
任 人 道 爲 懶 夫 士
爲 渴 睡 漢 爲 隱 神 僊

Phiên âm :

1. *Ngộ hà ái ?*
   — *Ái duy miên.*

2. *Ái vị an thư thích tĩnh nhiên.*

3. *Thiền mặc trướng thiêm tân phú-quý ;*
   Ải (nụy) đàng sàng kết cựu nhàn duyên.

4. *Mai chi hiên, trúc chi viên.*
   Ư cư thú vị hữu lâm-tuyền.

5. *Thanh nô ủng hậu :*

Hồng hữu la tiền.
Mỏi dẫn :

6. *Hắc điểm thắng cảnh ;*
Lương tứ khinh biền.

7. *Song yểm nhĩ hồng trần thế thượng,*
Tiều khúc quăng bạch ốc vân biên.

8. *Ký ngạo thảo lư, Nam-dương nhàn nhật nguyệt :*
Khiếm thân vân-quán, Triệu Tống trách sơn xuyên.

9. *Bắc song ngâm hồn dị xúc :*
Tây dường xuân mộng thường viên.

10. *Thư lâu sơ quyển tịch,*
Tửu điếm đục tình thiên.

11. *Huyền hạc Hoàng-châu dạ dạ,*
Mỹ nhân Tương-Thủy niên niên.

12. *Hữu thời hướng túy-hương đả ngọa.*
Thảo phỏ nhân, hoa phỏ ốc, địa phỏ chiên :

13. *Bành-Trạch dạ thâm, bán liêm tàn nguyệt,*
Liêm-khê viện tĩnh, nhất chẩm đề quyên.

14. *Nhậm nhân đạo vi lãn phu sĩ,*
Vi khát thụy hán, vi ẩn thần-tiên.

GIẢI-NGHĨA :

1. Ta thích gì ? — Thích ngủ thôi ;
2. Thích ngủ vì được an-nhàn thư-thái hợp với tính mình.

3. (Mặc ai) màn ám muội đen để mà thêm phận sang-giầu (1).

   (Mình vẫn) cùng cái giường mây nhỏ kết mối nhân-duyên cũ.

4. Ngoài hiên có mai, ngoài vườn trồng trúc,
   Ở ẩn, có rừng có suối làm thú-vị.

5. Cô hầu xanh đỡ đằng sau.
   Rượu hồng-hữu bày đằng trước (2).

6. Khéo đưa lại : giấc ngủ ngon-lành.
   Thần-trí mát-mẻ, nhẹ-nhõm.

7. Bịt hai tai (không nghe chuyện) hồng-trần trên đời ;

   Co tay gối đầu nằm nơi nhà bạc bên mây.

8. Ngạo-nghễ nằm trong lều tranh, ngày tháng ở Nam-Dương nhàn-nhã thật (3) ;

---

(1) — Phạm-trọng-Yêm 范仲淹 người nước Tống, lúc còn nhỏ, rất chăm học, đêm để đèn trong màn học suốt đêm không ngủ. Sau nên quý-hiển, người vợ đem cái màn trên đỉnh còn vết muội đèn đen như mực, bảo con cháu rằng : cha các con thuở nhỏ chăm học hãy còn lớp muội đèn đây. (theo Thượng-hữu-lục).

(2) — Mùa hè cho chí mùa đông, trúc vẫn xanh-tốt, nên gọi là thanh-nô (cô hầu xanh). Hoàng-lỗ-Trực 黃魯直 gọi trúc là vợ, vì trúc dùng làm gối để đỡ tay yên nghỉ (theo Viên-Cơ).

Bạn đỏ (chữ Hán là Hồng-hữu) tên một thứ rượu (theo sách Quần-ngọc).

(3) — Gia-cát-Lượng 諸葛亮 lúc chưa ra phò Lưu-Bị, 劉備 nằm khểnh trong lều gianh ở Nam-Dương, tiêu-dao tuế nguyệt (theo Tam-Quốc-Chí).

Nằm duỗi chân ở quán Vân-Đài, non sông của họ Triệu nước Tống coi nhỏ xíu (1).

9. Nằm bên cửa sổ hướng bắc mà hồn thơ lai-láng (2).

Nằm nhà hướng tây mà giấc mộng xuân thường được tròn vẹn (3).

10. Ban chiều mới cuốn rèm nơi viện sách ;
Quán rượu muốn để chờ lúc ban mai.

11. Đêm đêm mơ-mộng hạc tía bay qua đất Hàng-Châu (4).

---

(1) — Trần-Đoàn 陳摶, một cao-sĩ đời Tống, ẩn trong núi Vũ-Đương 武當 (còn có tên Thái-Hoa-Sơn, nay ở phía nam huyện Quân, Tỉnh Hồ-Bắc). Mấy triều vua vời không chịu ra. Sau lại vào tu ở Hoa-Sơn 華山 (nay thuộc huyện Hoa-Âm, tỉnh Thiểm-Tây 陝西) tịch cốc luyện khí, mỗi lần ngủ trăm ngày không dậy. Tống Thái-Tôn 宋太宗 ban cho đạo-hiệu là 希夷 Hi-Di tiên-sinh.

(2) — Thơ Tô-Đông-Pha : Bất như tam-phục nhật, cao thụy bắc-song lương 不如三伏日 高睡北窗涼. Nghĩa là : Gì bằng gặp giữa ngày tam-phục, cửa bắc nằm cao, mát-mẻ thay (theo âm-lịch thì những ngày « canh » sau tiết hạ-chí là sơ-phục, trung-phục ; ngày «canh» sau tiết lập-thu là mạt-phục).

(3) — Tạ-linh-Vận 謝靈運 rất thân cùng người em họ là Huệ-Liên 惠連 thường ở nhà hướng tây làm thơ. Có lúc bí không nghĩ ra, nằm mơ thấy Huệ-Liên mà nẩy ra câu hay. Tạ cho là câu ấy có thần giúp (theo Sách Thị-tộc 氏族).

(4) — Tô-Đông-Pha đời Tống làm quan, bị đổi ra Hoàng-Châu, cùng bạn bơi thuyền chơi trên sông Xích-Bích. Gần nửa đêm, chợt thấy con hạc bay qua thuyền, sa xuống kêu to. Đến lúc đi ngủ, Tô nằm mơ thấy người đạo-sĩ áo lông đến vái chào mà hỏi rằng : « Tiên-sinh chơi sông Xích-Bích có vui không ? ». Tô hỏi lại « Có phải lúc nãy bay qua thuyền ta mà kêu là ngươi không ? ». Đạo-sĩ chỉ nhìn Tô mà cười. Tô giật mình tỉnh dậy. (theo sách Cổ-Văn tất độc).

Quanh năm mơ-mộng người đẹp chơi trên sông Tương (1).

12. Có lúc đến làng say đánh một giấc,

Lấy cỏ làm đệm, hoa làm màn, đất làm chăn.

13. (Nhớ cảnh) đất Bành-Trạch lúc canh khuya, trăng tà rèm cuốn (2) ;

Đất Liêm-Khê khi nhà tĩnh-mịch, tựa gối ngủ nghe tiếng quyên kêu (3).

14. Ai muốn bảo là anh chàng lười, anh đói ngủ, hay là thần-tiên lánh đời thì cũng mặc.

Dịch ra văn vần :

1. *Hỏi thích gì đây ? — Thích ngủ thôi.*

2. *Bởi thú an-nhàn bén nết rồi.*

3. *Màn muội, ai kia thèm phú-quý,*

Giường mây mình vẫn kết duyên-hài.

4. *Kia vườn trúc, nọ hiên mai,*

Ẩn náu rừng khe thú tuyệt-vời.

5. *Sau sẵn thanh-nô đon-đả,*

---

(1) — Xưa có người được chiếc gối, lấy gối đầu ngủ. Đêm nào cũng nằm mơ thấy người đẹp đi chơi thuyền trên sông Tương (theo Cổ-Văn).

(2) — Đào-Tiềm 陶潛 mẹ già, nhà lại nghèo, làm quan lệnh quận Bành-Trạch, sau từ quan về ở ẩn, nằm ngủ ở dưới cửa sổ đằng bắc hóng mát, tự coi mình là người đời Hy-Hoàng 羲皇 (theo Thị-Tộc).

(3) — Chu-Liêm-Khê có cái gối, mỗi khi gối đầu ngủ lại nghe thấy tiếng quốc kêu, nhân đặt tên là « Đề quyên chẩm ».

Trước thêm hồng-hữu chào mời.

Khéo gạ :

6. *Mộng hồn túy-lý ;*

Thần-trí chơi-vơi.

7. *Nhà bạc khoanh tay kềnh một giấc ;*

Bụi trần chuyện thế bít hai tai.

8. *Am cỏ ngủ khoèo, Nam-dương ngày tháng dư nhàn hạ,*

Quán mây nằm khểnh, Triệu-Tống non sông đáng mấy mươi.

9. *Cửa bắc hồn thơ lai-láng ;*

Hiên tây xuân-mộng bồi-hồi.

10. *Vườn văn dành buổi tối ;*

Quán rượu để ban mai.

11. *Hạc tía Hoàng-Châu quanh quẩn mãi ;*

Bóng hồng Tương-thủy nhởn-nhơ hoài.

12. *Có lúc lại làng say ngả-ngón,*

Mượn gối cỏ, màn hoa, chăn đất giữa trời.

13. *Bành-Trạch canh khuya, nửa rèm trăng chếch ;*

Liêm-khê nhà vắng chiếc gối quyên ai.

Ai muốn gọi :

14. *Rằng « đại-lãn » hay rằng « đói ngủ »,*

Rằng « ẩn thần-tiên » cũng mặc đời.

II.— BÀI CA « THÍCH-CỜ »

Nguyên văn :

1. 吾 何 愛 ? 愛 惟 棋
   愛 爲 風 雲 變 態 奇
2. 劣 處 類 龍 蛇 失 勢
   勝 邊 如 熊 虎 揚 威
3. 車 雙 馳 馬 雙 飛
   度 河 一 卒 靠 重 圍
4. 北 南 勢 相 界
   形 勢 相 依 運
   默
5. 方 圓 動 靜
   妙 算 無 遺
6. 春 寂 寂 乍 敲 殘 夢
   手 搖 搖 攏 碎 香 泥
7. 獨 樂 園 中 賓 朋 初 定 候
   黃 州 樓 曉 酣 酊 半 醒 時
8. 晝 永 天 留 客 久
   庵 高 子 落 聲 遲
9. 院 教 慵 妾 掃
   簾 許 小 童 窺
10. 贏 輸 賭 江 山 半 局
    功 名 消 得 失 間 機

11. 渾 不 覺 一 天 向 夕
月 斜 牕 煙 斜 篆 竹 斜 枝

12. 閬 苑 神 僊 閒 中 度 日
長 安 公 子 醉 裡 忘 歸
相 對 處 兼 些 琴 兼 些 畫
兼 些 壁 題 詩

Phiên âm :

1. *Ngô hà ái ? Ái duy kỳ.*
Ái vị phong vân biến thái kỳ.

2. *Liệt xứ loại long xà thất thế ;*
Thắng biên như hùng hổ dương uy.

3. *Xa song trì, mã song phi,*
Độ hà nhất tốt khảo trùng vi.

4. *Bắc nam tương giới,*
Hình-thế tương y.
Mặc vận :

5. *Phương viên động tĩnh ;*
Diệu toán vô di.

6. *Xuân tịch tịch sạ xao tàn mộng :*
Thủ dao dao lung toái hương ni (nê).

7. *Độc-Lạc viên trung, tân bằng sơ định hậu ;*
Hoàng-Châu lâu hiểu, mính-đính bán tỉnh thi.

8. *Trú vĩnh thiên lưu khách cửu ;*
Am cao tử lạc thanh trì.

9. *Viện giao dung-thiếp tảo ;*
Liêm hứa tiểu-đồng khuy.

10. Doanh thâu đồ giang-sơn bàn cục ;
Công danh tiêu đắc thất nhàn kỳ (cơ)

11. Hồn bất giác nhất thiên hướng tịch.
Nguyệt tà song, yên tà triện, trúc tà chi.

12. Lãng uyển thần tiên nhàn trung độ nhật,
Tràng an công-tử, túy lý vong quy.
Tương đối xứ kiếm ta cầm, kiếm ta họa.
Kiếm ta bích đề thi.

GIẢI-NGHĨA :

1. Ta thích gì ? — Thích cờ thôi.
   Thích vì (đánh cờ giống như) gió mây biến-chuyển lạ thường.
2. Bên bĩ như rắn rồng thất thế ;
   Bên thắng chẳng khác gì gấu, cọp lúc dương oai.
3. Hai bên xe ruổi, ngựa bay,
   Một tốt qua sông hãm vòng ngoài.
4. Nam bắc chia đôi bờ cõi, hình-thế vẫn nương nhau.
5. Lặng-lẽ vần xoay : vuông, tròn, động, tĩnh (1).

(1) — Đời Đường Huyền-Tôn (712-755), Lý-Bật 李泌 xin Trương-Thuyết 張說 cho nghe khái-niệm về Phương, Viên, Động, Tĩnh. Thuyết đọc : Phương nhược kỳ-cục, Viên nhược kỳ tử, động nhược kỳ-sinh, tĩnh nhược kỳ tử 方若碁局，圓若碁子，動若碁生，靜若碁死. Nghĩa là : Vuông như bàn cờ, tròn như quân cờ, động như quân còn, tĩnh như quân chết. Bật đọc luôn : Phương nhược hành nghĩa, viên nhược dụng tri, động nhược sinh tài, tĩnh nhược đắc ý 方若行義，圓若用智，動若騁材，靜若得意. Nghĩa là : Vuông như làm điều nghĩa, tròn như dùng trí-khôn, động như trổ tài, tĩnh như đắc ý. (theo Viên-Cơ).

Toan tính nhiệm mầu, không để sót nước.

6. Chiều xuân yên-lặng, chợt khua tỉnh giấc mơ tàn ;

Tay lay-động đánh tan mùi thơm (ở quân cờ) (1).

7. Trong vườn Độc-Lạc (2), bạn bè vừa ngồi xuống,

Buổi sớm trên lầu đất Hoàng-Châu (3), rượu say mới nửa tỉnh.

8. Ngày dài, trời lưu khách ở lâu ;

Am cao, tiếng quân rơi chậm-chạp.

9. Nhà để cô hầu quét ;

Rèm để bà vợ ngấp-ngó trông.

10. Cá cuộc hơn thua, tranh-giành nửa giang-sơn ;

---

(1) — Những nhà sang ở đất Quan-Trung dùng lõi cây tử-đàn làm con cờ nên có mùi thơm (theo Hợp Bích). Con cờ vì có nhiều tay người đánh cầm vào làm cho mùi thơm phai-lạt.

(2) — Tư-Mã Ôn-Công 司馬溫公 làm bài ký vườn Độc-Lạc có câu : tôn-tửu lạc dư-xuân, kỳ cục tiêu trường hạ 樽酒樂餘春暮局消長夏. Nghĩa là : Chén rượu dư-xuân còn đượm thú, cuộc cờ trường-hạ cũng mau qua. (theo Cổ-Văn).

(3) — Vương-nguyên-Chi 王元之 làm bài Ký lầu trúc ở Hoàng-Châu có câu : Hạ-nghi cấp vũ, hữu bộc-bố thanh, đông nghi mật tuyết, hữu toái ngọc thanh, nghi vi kỳ tử thanh đinh đinh nhiên... 夏宜急雨,有瀑布聲,冬宜密雪,有碎玉聲,宜圍碁子聲丁丁然.Nghĩa là :Mùa hạ nên mưa rào, có tiếng như thác chảy; mùa đông nên tuyết dầy, có tiếng như ngọc vỡ ; nên đánh cờ, tiếng quân đập lát-chát... Khi men rượu tỉnh, hương trà hết, tiễn mặt trời, đón mặt trăng, đều là những thú ở lầu Trúc (Cổ-Văn).

Bỏ hết tâm-cơ về sự thành bại trên bước đường công-danh.

11. Tuyệt không biết đến trời đã xế chiều, trăng xế cửa, khói lả ngọn, trúc lả cành.

12. Thần-tiên vườn Lãng, (đánh cờ để tiêu khiển) cho qua ngày nhàn-hạ ;

Công-Tử đất Tràng-An, lúc say-sưa (đánh cờ) quên cả đường về.

13. Cùng đối cảnh (với cờ) có cả đàn, có cả họa, có cả thơ đề trên vách.

Dịch ra văn vần :

1. Lấy chi làm thú ? — Đánh cờ chơi,
Biến ảo phong-vân thực lạ đời.
2. Bĩ tựa rắn rồng khi thất thế ;
Thắng nhường gấu cọp lúc dương oai.
3. Đôi hàng xe ngựa ruổi dài,
Một tốt sang sông hãm mặt ngoài.
4. Trận đồ một cuộc ;
Nam bắc đôi nơi.
5. Trù liệu :
Vuông tròn động tĩnh.
Suy tính không sai.
6. Êm-ả trời xuân khua mộng tỉnh,
Dập-dìu ngón ngọc quét hương phai.
7. Độc-lạc vườn kia, hò-hẹn người chung một hội ;
Hoàng-Châu gác nọ, say-sưa rượu nhắp nửa vời.
8. Ngày rộng dùng-dằng lưu khách lại,

Am cao, văng-vẳng tiếng quân rơi.

9. *Ngoài viện có hầu quanh-quẩn quét ;*
Trong rèm bà chủ thập-thò coi.

10. *Mảng cuộc hơn thua giành nửa nước ;*
Lảng đường danh-lợi chả hoài hơi.

11. *Cũng chẳng biết khi trời sắp tối,*
Khi khói tỏa, khi trăng nghiêng, khi cành trúc lả-lơi.

12. *Vườn Lãng thần-tiên, thong-thả cho qua ngày hạc;*
Kinh-Kỳ công-tử mê say quên trở gót hài.

13. *Đối cảnh có : này đờn, này họa,*
Này thơ trên vách một đôi bài.

Lúc đó, lão Tiều đang ngồi ở hiên đá dạy chim vẹt học nói, bên cạnh có mấy trẻ nhỏ đương đánh cờ.

Lão Tiều thấy Trương-Công đến, kinh-ngạc hỏi :

— Nơi đây vắng vẻ, đất thẳm rừng sâu, chim núi líu-lo giọng hót, thú rừng chằng-chịt vết chân. Có việc chi ông lần mò đến tệ-xá, há chẳng cũng khó nhọc lắm ư ?

Trương-Công thưa rằng :

— Tôi làm chức cung-phụng đương triều. Vì ngài là bực cao-sĩ, nên tôi vâng chỉ đem mệnh cung-tinh (1) đến tuyên triệu, sẵn có xe loan, xin ngài chút lòng huệ-cố.

Lão Tiều cười mà rằng :

— Ta là kẻ dật-dân (2) trốn đời, lão phu lánh bụi, gởi

---

(1) — Mời quan Sĩ thì dùng cung-nỏ, mời quan đại-phu thì dùng cờ tinh (theo Lễ-Ký).

(2) — Người có đức mà đi ẩn gọi là dật-dân (Luận-Ngữ).

tĩnh-mệnh chốn lều tranh ngõ hẻm ; tìm sinh-nhai nơi búa gió rìu trăng ; ngày rồi lối làng say (1), cửa không chân khách tục ; bạn-bè cùng tôm cá hươu nai, đan-díu với phong hoa tuyết nguyệt. Ta chỉ biết hè đơn mà đông kép, ngủ khói lại nằm mây ; bới núi mà ăn, múc khe mà uống, có biết chi đến việc bên ngoài : triều-đại nào, vua quan nào ? Nhân lưu Trương ở lại ngủ đêm, cơm thổi bằng hạt điêu-hồ (2), canh nấu bằng rau cẩm-đới, luộm-thuộm bày lên mâm, lại thêm vài món rau suối nữa. Hai người đối diện chuyện trò cho đến canh khuya, đều là những điều lý-thú, nhưng tuyệt không có câu nào đả-động đến thời-sự cả.

Hôm sau, Trương-Công lại mời nói :

— Những bậc quân-tử đời xưa không phải là không muốn giúp đời hành đạo, sở dĩ còn giấu-giếm tên tuổi là cốt để đợi giá cao đó thôi. Cho nên tất phải có tiếu-tượng đi cầu rồi sau đồng Thương mới đẫm nước (3) ; tất có hậu-xa đi đón mà sau nội Mục (牧野) mới thành

---

(1) — Làng say (Túy Hương) là nói ở ẩn vào một cõi say-sưa riêng biệt. Hoàng-phủ-Tùng 皇甫松 có soạn ba quyển « Túy-Hương nhật-nguyệt ». Vương Tích có tập « Túy hương ký ».

(2) — Điêu Hồ 雕胡 cũng là một thứ lục cốc, hạt to mà dẻo-có thể ăn thay cơm.

(3) — Vua Cao-Tôn nhà Thương nằm mộng thấy Thượng đế cho một kẻ tôi hiền, bèn theo trong mộng vẽ một bức ảnh rồi sai người đem ảnh ấy đi khắp nơi tìm kiếm, sau quả tìm được Ông Phó-Duyệt, đương đắp đập ở đất Phó-Nham (nay thuộc Sơn-Tây), đón về lập làm Tướng (Tướng Văn). Vua bảo Ông Duyệt : « Khi trời đại-hạn, dùng khanh làm mưa rào ». (theo Thượng Thư).

công (1). Nay phu tử đem tấm thân kim-ngọc, ôm một bọc kinh-luân ; giấu thanh-danh ngoài trường vinh-lợi, vùi thịnh-đức trong thú ngư-tiều ; tuy hình còn náu chốn sơn-khê, mà tiếng đã lọt tai thánh-chúa. Nay chính là lúc phu-tử xé áo lá, đốt xiêm sen rồi đây. Xin sớm bỏ bờ đập Phó-Nham (傅巖), vứt cần câu Vị-Thủy (渭水), để khỏi uổng lòng khát-vọng của dân đen.

Lão Tiều đáp :

— Kẻ sĩ mỗi người có một chí-hướng, có phải ai cũng thế đâu. Kìa Nghiêm-Tử-Lăng 嚴子陵 không màng chức giám-nghị ở Đông-đô để phải xa cảnh yên-ba bến Đồng-Lại 桐瀨 (2), nọ Khương-Bá-Hoài 姜伯淮 không vì bức họa-đồ của Thiên-tử mà đánh đổi thú non-nước đất Bành-Thành 彭城 (3). Ta dẫu tài hèn so với người xưa còn cách bức, nhưng may mà giầu hơn

---

(1) — Chu-Văn-Vương đi săn, gặp Lã-Thượng 呂尚 (Lã-Vọng) ngồi câu cá trên bờ sông Vị, mời lên xe sau chở về, tôn lên làm bậc thầy. Sau ông Lã-Vọng bày trận Bát-Quái phá nhà Ân ở Mục-Dã (nay thuộc huyện Hồng tỉnh Hà Nam)vào năm 1122 trước công-nguyên, tức năm thứ 13 đời Chu-Vũ-Vương.

(2) — Nghiêm-tử-Lăng đời Hán, vua Quang-Vũ 光武 mấy lần vời ra cho làm quan gián-nghị đại-phu, nhưng Nghiêm không nhận, bỏ đi câu ở núi Phú-Xuân, cạnh sông Đồng-Giang (huyện Đồng-Lư, tỉnh Chiết-Giang), trên sông có đền câu của Nghiêm-Tử-Lăng.

(3) — Khương-bá-Hoài đời Hán người đất Bành-Thành 彭城 cùng hai em là Trọng-Sửu 仲丑 và Quý Giang 季江 có lòng hiếu-hữu, tiếng đến Triều-đình, vua Hoàn-Đế sai thợ vẽ hình đi mời, Khương không đến, vào ẩn ở cõi Thanh-Châu 青州, xem bói độ nhật. Đến năm 77 tuổi mới trở về. (theo Hán Cương-Mục).

Kiềm-Lâu 黔婁 (1), thọ hơn Vệ-Giới 衛玠 (2), no hơn Viên-Tinh 袁旌 (3), đạt hơn Phụng-Thiển 奉倩 (4), kể ra cũng là được trời đất ban cho khá nhiều rồi. Nếu còn tham cầu quá phận, mưu-toan vào đường sĩ-hoạn thì không những thẹn cùng các bậc hiền-giả đời xưa, mà còn tệ với những loài viên-hạc lúi cũ. Ông về đi, đừng nói lời thôi nữa.

Trương lại nói :

— Ngài cho hiện-thời không bỗ làm chăng ? Thực ra, nay thánh-nhân ngự-trị, bốn bề trông chờ. Người Chiêm 占 cắt đất xưng thần ; quân Minh 明 nộp người

---

(1) — Kiềm Lâu nhà nghèo, lúc chết chỉ có một manh áo, đắp kín đầu thì hở chân, đắp kín chân thì hở đầu. Lúc ấy Tăng-Tây 曾西 lại viếng, trông thấy bảo rằng : đắp lệch đi thì kín được cả đầu lẫn chân. Người vợ Kiềm-Lâu không nghe, nói : Nhà tôi lúc sống vẫn ngay-thẳng, lúc chết lại để lệch lạc, thế là không hợp lý. Đắp lệch mà có thừa sao bằng đắp ngay mà không đủ. Vợ lại đặt tên thụy là Khang. Tăng-Tây nói : Tiên-sinh ăn không đủ no, áo không đủ kín mình, sao gọi là « khang » được ? Bà vợ Kiềm-Lâu nói : Vua muốn cho làm Tướng-Quốc mà không làm, thế là thừa sang rồi ; cho thóc mà không nhận, thế là thừa giầu rồi, đặt tên thụy là Khang, chẳng cũng đáng lắm ru ? (theo chuyện Cao-Sĩ).

(2) — Vệ-Giới đời Tấn, người đẹp văn hay, thọ được có 27 tuổi thì mất (theo Thị Tộc).

(3) — Viên-Tinh là học-trò, chết đói ở dọc đường, có kẻ trộm là Khâu-Hồ-Phủ 丘狐父 nấu hồ đồ cho. Viên hỏi tỉnh hỏi : Có phải ngươi là kẻ trộm không ? Sao lại nuôi ta ? Nói rồi mửa hết ra, chịu nằm mà chết. (theo Bạch-My Cố-Sự 白眉故事).

(4) — Tuân-Sán đời Ngụy, tự là Phụng-Thiển, có người vợ đẹp lắm. Sau vợ ốm chết. Phụng-Thiển cũng chết theo (theo sách Thị-Tộc).

(Trần-thiêm-Bình 陳添平) xin rút (1). Các nước Đại-Lý 大理, Lão-Qua 老撾 (nay thuộc tỉnh Vân-Nam bên Tàu) tranh nhau quy phục. Hiện chỉ thiếu mặt dật-sĩ núi rừng chịu về phò-tá, khiến cho công-đức chúa-thượng sánh tày vua Nghiêu 堯, vua Thuấn 舜 đời xưa. Nếu ngài định trọn đời ẩn lánh như Vụ-Quang 務光, Quyến-Tử 涓子 (2), thì như vậy mãi cũng không sao, như còn có chút lòng vì dân, mà bỏ lỡ dịp này không ra thì tôi e rằng sẽ cùng cỏ cây cùng mục nát, không còn có cơ hội-ngộ nào nữa.

Lão Tiều biến sắc nói :

— Theo lời ông nói há chẳng là khoe khoang thái-quá sao ? Khiến người nghe phải thẹn mặt hổ lòng. Tôi xin hỏi : Ông vua đang ngự-trị phải chăng người họ Hồ.

Trương-Công thưa rằng :

— Phải.

Lão Tiều hỏi :

---

(1) — Nhà Minh sai lữ Hàn-Quan, 韓觀 đem quân sang xâm lấn, mượn tiếng đưa Trần-thiêm-Bình về nước. Hán-Thương sai bọn Hồ-Xạ chận ở cửa ải Chi-Lăng, 支稜 quân Minh bèn đưa trả Thiêm-Bình và xin rút quân về (theo Quốc-Sử).

(2) — Vụ-Quang người nhà Hạ, 夏 vua Thang 湯 đánh chúa Kiệt 桀 đến bàn với Quang. Quang nói là không phải việc mình. Khi được thiên-hạ rồi, vua Thang lại nhường cho Quang. Quang nói : Bỏ vua không phải là nghĩa, giết dân không phải là nhân ; người phải gian-nan, mình hưởng quyền-lợi, không phải là liêm. Ta không nỡ trông thấy cái đời vô-đạo này nữa, rồi tự buộc đá dìm mình xuống sông mà chết. Quyến-Tử người nước Tề, cũng là một nhà ẩn-dật ở Nham-Sơn.

— Có phải nhà Vua đã bỏ khu Long-Đỗ 龍肚 (Hà-Nội) mà về đóng ở đất An-Tôn 安孫 (1) không ?

Trương-Công thưa rằng :

— Phải.

Lão Tiều nói :

— Ta tuy chân không bước vào thành-thị, mình không ở chốn đơn-trì, nhưng cũng từng nghe ông vua ngày nay là người thế nào. Ông ấy nói hay dối-trá, tính lại tham-lam ; xây cung Kim-Âu, kiệt sức nhân-dân ; dựng điện Hoa-Nhai cực kỳ xa-xỉ (2), đã rẻ-rúng gấm-là, lại coi thường châu-ngọc. Dùng vàng như cỏ rác, tiêu tiền tựa đất bùn. Ngục-tù có của đút là xong, quan-tước có tiền mua là được. Người hiến điều ngay, chưa thốt lời đã bị gia-hình ; kẻ dâng câu nịnh, lại được thưởng mà không tội-vạ. Bởi xao-xuyến lòng dân mà xảy việc tràn quân sông Đáy 底江 (3) ; gây rối-ren ngoài cõi phải cam bề mất đất Cổ-Lâu 古樓 (4). Vậy mà các kẻ đình-thần : trên dưới theo hùa, trước sau

---

(1) — Long-Đỗ tức là thành Thăng-Long (Hà Nội) ; An-Tôn là tên một làng ở huyện Vĩnh-Phúc (nay là Vĩnh-Lộc) tỉnh Thanh-Hóa, họ Hồ thiên đô từ Thăng-Long vào đấy.

(2) — Kim-Âu, Hoa-Nhai là hai làng thuộc huyện Vĩnh-Phúc, nhà Hồ xây dựng cung-thất, điện-đài ở đấy.

(3) — Đáy đây là sông Tiểu-Đáy ở địa-hạt tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ. Tháng 8 năm Kiến-Tân thứ 2 đời Trần Thiếu-Đế (1399), Nguyễn-nhữ-Cái 阮汝盖 nổi lên làm giặc ở đấy, có đến hơn một vạn quân, tung hoành khắp mấy huyện. Sau do Nguyễn-bằng-Cử dẹp yên được.

(4) — Nhà Minh sai sứ sang đòi đất Lộc-Châu, tỉnh Lạng-Sơn. Hồ Quý-Ly cho Hoàng-hối-Khanh ra cắt đất Cổ-Lâu cả thảy 59 thôn trả cho nhà Minh (theo Quốc-Sử).

nối vết. Duy còn lũ : Nguyễn-bằng-Cử 阮鵬舉 (1) tuy có lượng nhưng mà chậm-chạp ; Hoàng-hối-Khanh 黃晦卿 (2) tuy có học song lại lờ-mờ ; Lê-cảnh-Kỳ 黎景琦 (3) giỏi mưu-mô lại không quyết-đoán ; Lưu-thúc-Kiệm 劉叔儉 (4) dù quân-tử mà chửa khoan-nhân. Còn ngoài ra chẳng lũ tham tiền thì phường bét rượu ; phi lấy yên-vui tự mãn thì dùng thế-lực tương khuynh ; chưa thấy ai có mưu cao chước lạ để lo việc cho dân-chúng cả. Nay ta ẩn-tích ở chốn núi rừng, lánh đi chưa được, há còn rấn thân vào nữa hay sao (5). Xin ông vui lòng trở về, làm ơn vì ta mà từ-tạ hộ cho. Ta không thể đem viên ngọc Côn-Sơn để cùng cháy chung trong ngọn lửa ở Côn-Sơn 崑山 (6) được.

Trương-Công nói :

— Sự xuất-xứ của hiền-nhân lại cố-chấp đến thế kia ư ?

---

(1) — Nguyễn-bằng-Cử người huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Giang 北江 làm quan đời Trần đến chức Đông-Lộ An-phủ sứ (theo Quốc-Sử).

(2) — Hoàng hối Khanh đỗ Thái-học-Sinh đời Trần Phế-Đế 陳廢帝. Cuối đời Hồ làm đến Thị-Lang kiêm lãnh Tiết-độ.

(3) — Lê cảnh Kỳ trước tên là Nhân-Thống, làm quan với nhà Trần đời vua Thuận-Tôn (1388-1397). Sau nhà Hồ cướp ngôi, Lê lại làm quan với nhà Hồ đến chức Hành-Khiển (theo Quốc sử)

(4) — Lưu-thúc-Kiệm đỗ đầu khoa Thái-học-Sinh cuối đời Trần (theo Quốc-Sử)

(5) — Trương-Hoa đời Tấn đón mời ẩn-sĩ là Vi-Trung 韋忠. Trung thác bệnh không ra. Người ta hỏi cớ. Trung nói : « Ta còn đương lo sóng rớt ở cái vực sâu kia nó tràn đến há lại còn xấn áo mà lội vào ư ? »

(6) — Trong Kinh-Thư, thiên Thuấn-Điển 舜典 có câu : Hỏa viêm Côn-Cương, ngọc thạch câu phần 火炎崑岡玉石俱焚 nghĩa là : Lửa đốt non Côn, ngọc đá đều cháy.

Lão Tiều đáp :

— Không phải ta cố-chấp đâu, ta chỉ ghét những kẻ khéo nịnh-bợ, đã thất thân vào trong cái triều-đình trọc-loạn, lại còn toan lôi kéo người khác vào để cùng chìm-đắm với mình.

Trương-Công im-lặng không còn biết nói sao được nữa, bèn xin cáo-từ trở về phục mệnh. Trương về đem hết những lời của lão Tiều tâu lại với chúa. Hồ Hán-Thương tuy không bằng lòng, nhưng còn muốn đem xe đi cố đón mời cho bằng được, bèn sai Trương-Công đi lần nữa.

Trương vào đến nơi thì rêu phong cửa động, gai-góc đầy non, dây leo, cành rậm đã lấp mất lối đi bữa trước rồi. Chỉ còn thấy trên vách đá, chỗ mài nhẵn có đề hai câu thơ rằng :

奇羅海口吟魂斷
高望山頭客思愁

Kỳ-La hải khẩu ngâm hồn đoạn ;
Cao-Vọng sơn đầu khách tứ sầu.

DỊCH :

Kỳ-La cửa bể hồn thơ dứt (1) ;
Cao-Vọng đầu non dạ khách sầu (2).

---

(1). Cửa bể Kỳ-La ở xã Kỳ-La, huyện Kỳ-Hoa tỉnh Hà-tĩnh bây giờ. Ngày 11 tháng 5 năm Đinh-Hợi (1407), Hồ Quý-Ly bị bắt ở đấy, (theo Quốc-Sử)

(2) — Núi Cao-Vọng ở làng Bỉnh-Lễ 秉禮, huyện Kỳ-Hoa 奇華, tỉnh Hà-Tĩnh. Ngày 12 tháng 5 năm Đinh-Hợi (1407), Hồ Hán-Thương bị bắt ở đấy (theo Quốc-Sử)

Xem lời văn có giọng trào-phúng như họ Nguyên, họ Bạch 元，白 (1) ; nét chữ theo lối triện-lệ của ông Lưu 籀, ông Tư 斯 (2), nhưng chẳng hiểu là nói gì.

Hán-Thương cả giận, hạ lệnh đốt núi. Núi cháy hết mà vẫn chẳng thấy gì, chỉ thấy con hạc đen liệng trên không, lững-lờ bay múa.

Sau hai cha con họ Hồ bị họa, đều đúng như câu thơ trên. Còn lão Tiều kia, có phải là người đắc đạo rồi chăng ?

PHẦN BÌNH-LUẬN

Có cái « thần » để hay biết việc tương-lai, có cái « trí » để ẩn-tàng điều quá vãng, (3) đó là việc của thánh-nhân. Lão Tiều dầu là hiền-giả nhưng đâu đã được vào bậc ấy. Tuy nói việc họ Hồ táng bại rõ như bói rùa, bói cỏ, chẳng qua là nghiệm với lẽ trời, xét theo lòng người, nói nhiều may có điều trúng là lẽ cố-nhiên.

Bậc làm vua-chúa phải lấy việc CHÍNH lòng mình để làm gốc CHÍNH Triều-đình, CHÍNH trăm quan và CHÍNH muôn dân, đừng để cho kẻ xu-sĩ bàn ngang vào là hay hơn cả.

---

(1) — Nguyên-Chẩn, 元稹 tự là Huy-Chi về đời Đường, người tỉnh Hà Nam, đỗ đầu Chế-Khoa triều Nguyên-Hòa (806-820) rất hay thơ, làm quan tả-thập-di.

Bạch-Cư-Dị, tự Lạc Thiên, người Thái-Nguyên đỗ tiến-sĩ cũng về triều Nguyên-Hòa, làm quan Tả-thập-di, làm thơ rất nhiều. Thời bấy giờ nói đến Nguyên-Bạch tức là để trỏ hai ông này. (theo Thượng Hữu Lục)

(2) — Thái-sử-Lưu nhà Chu chế ra lối chữ đại triện. Thừa-Tướng Lý-Tư nhà Tần chế ra lối tiểu-triện.

(3) — Câu : Thần dĩ tri lai, trí dĩ tàng vãng 神以知來知以藏往 là câu hệ từ trong kinh Dịch.

Truyện Ngôi Chùa Hoang ở Huyện Đông-Triều

Tranh vẽ NUYÊN

東潮廢寺錄

ĐÔNG-TRIỀU PHẾ-TỰ LỤC

TRUYỆN NGÔI CHÙA HOANG Ở HUYỆN ĐÔNG-TRIỀU

Đời nhà Trần, có tục sùng-thượng quỷ-thần. Đền, chùa chẳng đâu là không có, như chùa Hoàng-Giang, chùa Đồng-Cổ, chùa Yên-Sinh, chùa Yên-Tử, chùa Phổ-Ninh cùng quán Ngọc-Thanh, dựng lên nhan-nhản khắp nơi. Những người cắt tóc đi tu làm tăng, làm ni bằng nửa số dân thường. Nhất là về huyện Đông-Triều (Hải-Dương), sự sùng-bái lại càng thịnh hành hơn nữa. Chùa-chiền xây cất lên, xã lớn có đến trên mười ngôi, xã nhỏ cũng đến năm, sáu. Ngoài thì lũy tre rậm-rạp, trong chùa thì vàng dát son tô.

Phàm ai có tật bệnh, đều tin theo vào đạo Phật hư-vô. Hàng năm, những tuần-tiết sóc vọng thì nào rượu thịt tế lễ, nào cờ đủ cúng vái, nhộn-nhịp không ngớt. Thần Phật có chỗ tựa-nương, dân gian cầu sao được vậy, rất là linh-ứng. Cho nên ai thấy cũng đều thành-kính, tin-cậy, không ai dám khinh thường.

Đời vua Giản-định nhà Hậu-Trần (1407), binh-lửa trong mấy năm liền. Chùa-chiền bị cháy gần hết, mười phần không còn được một, mà còn ngôi nào cũng bị mưa rung gió chuyển, vách đổ cột xiêu ; tượng thờ cũng nát cốt, rữa mình. Đến khi quân Ngô (Tầu) rút lui, dân-gian mới trở về phục-nghiệp.

Hồi ấy, có viên quan là Văn-tư-Lập, đến làm huyện-doãn huyện Đông-Triều, thấy cảnh hoang-tàn đổ-nát,

đôn-đốc dân-đinh đánh gianh, ken nứa, tu-sửa sơ-sài. Ngồi huyện này được một năm, thấy dân quanh huyện khổ về cái nạn trộm cắp, từ lợn, gà, ngan, ngỗng trong nhà, cho đến cá dưới ao, trái cây ngoài vườn, phàm cái gì ăn được đều bị mất hết, Tư-Lập than rằng :

« Ta nay được nhậm chức ấp-tể, đã không có óc sáng-suốt để xét cho ra kẻ gian, lại không có oai cứng dắn để chế-phục kẻ ác, bởi nhân-nhu nên hỏng việc, thì ra mình chỉ là cái hư vị ». Song Tư-Lập cho là những đám trộm vặt, không đáng lo ngại cho lắm, nhưng cũng chia phiên cho thôn-dân đêm đêm phải gia-tâm canh phòng. Trong khoảng tuần-nhật canh-gác chẳng thấy chi cả, nhưng tài vật vẫn mất như trước. Lâu dần, càng thấy chúng không kiêng-sợ chi nữa. Thậm chí lần vào bếp mà khoắng cả vò rượu; lẻn vào buồng mà trêu ghẹo vợ con người ta. Khi đến vây bắt thì chẳng thấy đâu, mịt-mờ như theo gió, đuổi bóng, không bắt được kẻ phạm.

Tư-Lập cười mà rằng :

« Té ra làu nay vẫn ngờ oan cho kẻ trộm, đây chỉ là lũ yêu-ma quỉ-quái quấy nhiễu đấy thôi ; những chuyện rắc-rối bấy nay đều do loại này mà ra cả ».

Thế rồi cho đi khắp nơi tìm kiếm danh-sư, đón mời thầy pháp cao tay, làm bùa trấn-yểm, dùng thuyền-bè giấy-mã tiễn đưa. Nhưng càng trấn-yểm, tiễn-tống thì sự quấy-nhiễu lại càng tệ hơn. Tư-Lập sợ lắm bèn họp người trong thôn xã mà bàn rằng :

— Các ngươi ngày thường thờ Phật rất là kính-cẩn. Chỉ vì mới đây gặp cơn binh lửa mà hương-khói vắng-tanh cho nên yêu-nghiệt hoành-hành mà Phật cũng không cứu giúp cho, sao không thử đi kêu cầu đến Phật, tưởng cũng là một cách quyền-nghi, may ra có thể giúp mình được.

Mọi người đều lên chùa thắp hương, lễ Phật mà khấn rằng :

— Bọn chúng-sinh này vẫn thành-kính Phật Trời, quy-y đã lâu, dốc lòng trông cậy Phật-pháp. Nay bị yêu-quái quấy nhiều dân lành, họa lây súc-vật, thế mà Phật cứ lặng-thinh ngồi nhìn, chẳng hóa ra từ-bi quá lắm ru? Cúi xin rủ lòng thương-xót, ra uy trừ-khử, khiến Thần, Người khỏi bề hỗn-tạp (1) mà dân-gian cùng vạn-vật đặng hưởng an-ninh. Hết thảy chúng sinh đều tâm-niệm báo ơn. Song loạn-lạc vừa yên, sinh-kế chưa hồi phục được. Từ tấc gỗ, viên ngói trở đi, đều chửa biết xoay vào đâu. Đợi sau này dân-gian được phú-túc, sẽ xin xây dựng chùa mới để báo đền công-đức. Ngay đêm ấy, lại càng mất-mát tệ hơn trước. Tư-Lập không biết tính sao được, nghe nói có Vương tiên-sinh ở huyện Kim-Thành (Hải-Dương), giỏi nghề bói dịch, bèn đến bói một quẻ xem sao.

Bói được quẻ rằng :

有 馬 而 騎

Hữu mã nhi ky,

有 褐 而 披

Hữu hạt nhi phi.

皮 囊 錫 箭

Bì nang tích tiến,

---

(1) Đời vua Thiếu-Hiệu 少昊 (2597-2514 trước công-nguyên), rợ Cửu-Lê 九黎 làm loạn đạo-đức ; thần, dân hỗn-tạp. Sau vua Chuyên-Húc 顓頊 (2513-2436 trước Công-nguyên) dẹp yên loạn Cửu-Lê. Thần và người hết xen lấn vào nhau, muôn vật đều có thứ-tự, nhân-dân được sống yên-ổn (theo sách ngoại-kỷ 外紀).

的 是 神 師

Đích thị thần si (sư).

DỊCH :

Có người cưỡi ngựa,
Mặc áo sợi bông,
Túi da, tên thiếc,
Đủ phép thần-thông.

Thầy bói lại dặn thêm rằng :

— Ông muốn được việc, thì sớm mai do mé tả cổng huyện, nhằm hướng nam mà đi, hễ thấy người nào ăn mặc, mang xách như thế, thì người ấy quyết trừ hại được đó, nên cố mời cho kỳ được, dù họ cố từ-chối cũng đừng nghe.

Sáng hôm sau, Tư-Lập bèn cùng các phụ-lão theo đúng lời của Vương tiên-sinh đi đón xem, thấy người đi nam, kẻ đi bắc, đông như mắc cửi, mà chẳng một ai giống thế cả. Xế chiều, ai nấy đều lặng-lẽ, chán nản muốn trở về, chợt có một người trong núi đi ra, mặc áo vải bông, đeo cung, cưỡi ngựa đi đến, mọi người đều chạy trước mặt sụp lạy.

Người kia kinh-ngạc hỏi thì mọi người nói rõ ý muốn.

Người kia cười mà rằng :

— Các ông sao lại quá tin bói-toán như vậy ? Tôi từ nhỏ làm nghề săn bắn : thân không rời yên ngựa ; tay không bỏ cung tên. Hôm qua nghe nói núi Yên-Phụ có nhiều nai béo, thỏ ngon, ngẫu-nhiên ra đó săn bắn, chứ có biết lập đàn bắt tả là gì đâu ?

Tư-Lập nghĩ thầm : người này hẳn là thầy Pháp cao tay, không muốn nổi tiếng về việc bùa-chú, để mang lụy vào người, nên ngao-du trong chốn núi khe, mượn cung-tên để mà ẩn tích. Nghĩ vậy rồi năn-nỉ cố mời, không chịu bỏ qua.

Người kia xem chừng không thể đi thoát, miễn-cưỡng nghe theo.

Tư-Lập đón vào ở trong huyện. Giường-chiếu, chăn màn, đều dùng đồ mới, tiếp-đãi rất châu-đáo, coi như một vị thần-minh.

Người kia tự nghĩ rằng : Sở-dĩ họ đón tiếp, cung-kính mình thế này là tưởng mình có tài trừ quỷ. Nhưng tự xét mình chẳng biết tí vì về việc ấy cả mà cứ hưởng sự cung-cấp quá hậu, đâu có hợp lý người xưa nuôi kẻ có công. Nếu không sớm liệu bỏ đi, ắt sẽ bị nhục.

Đến nửa đêm, nhân lúc mọi người ngủ say, người kia rón-rén ra khỏi huyện. Khi đến phía tây cái cầu ván gỗ, lúc ấy trời tối lờ-mờ, trăng suông chưa ló, bỗng thấy mấy người cao lớn đẫy-đà, từ ngoài cánh đồng hớn-hở đi vào. Người kia bèn lẩn vào chỗ khuất, nhìn xem bọn này làm gì. Giờ lâu thấy chúng thò tay khoắng xuống một cái ao bắt cá tươi, bất, kỳ lớn bé, đều cho vào miệng nhai nghiến-ngấu, nuốt rồi lại nhìn nhau vừa cười, vừa nói :

— Phong-vị cá ngon quá chỉ cần nhai kỹ ! Tuyệt hơn những món hương-hoa nhạt-nhẽo mà họ thường đem cúng chúng mình. Chỉ đáng tiếc là mình biết quá muộn mà thôi.

Một người cười mà rằng :

— Chúng mình thật to đầu mà dại, bấy lâu bị người đời lừa dối. Ai đời lại đem lưng thưng vực đấu gạo xôi oản đổ vào cái bụng khổng-lồ này rồi mình cứ đứng giữ cửa cho chúng nó mãi bao giờ ? Nếu không được mấy bữa như hôm nay, thành ra cứ bị chúng đem sự ăn chay mà dối chúng mình thật là phí mất một đời.

Lại một người nữa nói :

— Tôi bình-sinh vẫn được hưởng huyết thực, không phải ăn chay như các bác. Nhưng hiện nay dân-sự túng kiết, không ai cúng tế ; bụng đói miệng thèm, không thể nhịn được, không biết đến mùi thịt đã bấy lâu nay, đâu phải chuyện nằm ở nước Tề ăn chay ba tháng mà thôi (1). Song đêm nay trời rét, giá lạnh, không thể đứng đâu lâu được. Chi bằng lần sang vườn mía mà bắt chước Hổ-đầu tướng-quân ngày trước (2).

Đoạn, chúng dắt nhau đi lên, kéo vào vườn mía, nhổ mấy cây, vừa tước, vừa hút nước ngọt, tựa như người uống nước trà.

Người thợ săn bèn dương cung, đặt tên, đứng chỗ cao bắn ngầm, liền trúng hai người. Chúng kêu rú lên rồi co giò chạy trốn, chừng vài mươi bước, thoắt chẳng thấy đâu nữa, song còn nghe chúng cả tiếng mắng nhau :

---

(1) Đức Khổng-Tử sang nước Tề nghe nhạc thiều ba tháng, không biết mùi thịt (theo sách Luận-ngữ).

(2) Đời vua Tấn An-Đế 晉安帝 (đầu thế-kỷ thứ 5), Cố Khải-Chi 顧愷之 làm chức Hổ-Đầu tướng-quân, người ta gọi là Cố Hổ-Đầu (顧虎頭). Mỗi khi Cố ăn mía, ăn từ trên ngọn xuống đến gốc. Có người hỏi thì Cố nói : có ăn như thế thì mới thấy thú-vị.

— Đã bảo gặp ngày giờ bất lợi thì đừng ra đi. Không nghe lời ta. Giờ tính sao đây ?

Người thợ bắn liền kêu réo rầm-rĩ khắp xa gần, dân làng choàng tỉnh dậy, đốt đuốc, chia đường truy-nã, theo vết máu còn vấy trên mặt đất đi về phía tây. Đi chừng hơn nửa dặm vào một ngôi chùa hoang, còn thấy hai pho tượng hộ-pháp nát, trên lưng mỗi pho tượng có một mũi tên cắm vào sâu lắm. Mọi người đều lắc đầu, lè lưỡi, cho là một sự lạ xưa nay chưa từng thấy.

Họ bèn đập phá hai pho tượng. Lúc cốt tượng vỡ nát, còn nghe thấy tiếng nói rằng :

— Những tưởng kiếm bữa no bụng, ai ngờ đến bị họa nát thân. Chúng ta đành dã vậy, nhưng còn như lão thủy-thần kia, y chủ mưu vụ này, lại được thoát họa. Chúng ta chỉ theo y mà bị tai-nạn, thực đáng buồn cười.

Khi sai người sang miếu Thủy-thần, thì thấy pho tượng đất, bỗng rưng biến sắc, mặt như chàm đổ, trên mép hãy còn dính mấy cái vẩy cá. Bèn đập tan cả pho tượng ra.

Văn-Tư-Lập đem hết tiền của ra tạ người đi săn. Người này chất nặng, mang đi. Từ đó yêu-tà tuyệt không thấy tăm-hơi nữa.

PHẦN BÌNH LUẬN

Than ôi ! Thuyết-lý nhà Phật thực không ích gì mà còn có hại. Nghe lời nói năng, có vẻ từ-bi quảng-đại ; tìm điều báo-ứng lại như trò bắt gió mịt-mờ. Nhân-dân kính tin, có người phá sản đem cúng vào chùa-chiền.

Nay xem cái dư-nghiệt ở ngôi chùa nát mà còn gớm-ghê là thế. Huống chi thời bình, việc thờ-phụng linh-

đình thì còn hại đến đâu mà kể. Vậy mà các vị vua sáng, chúa hiền có muốn trừ bỏ cũng không thể được, bởi các bậc cao-minh quân-tử có nhiều người phò-tá đại-đễ như Tô Học Sĩ (1) đời Tống, như Lương Trạng-nguyên (2) triều Lê.

Ước sao có được trăm ông Xương-Lê (3) ra đời, xúm lại trừ diệt, đốt hết sách và chiếm hết nhà mới có thể được.

---

(4) Tô Đông-Pha (tức Tô Học-Sĩ) giao-du thân-mật với trụ-trì chùa Kim-Sơn rồi tặng nhà sư cái đai-ngọc, nhà sư lấy áo cà-sa đề tạ lại (theo Viên-Cơ).

(5) Lương-thế-Vinh 梁世榮 (tức Lương Trạng-Nguyên) triều Lê-thánh-Tôn rất mộ đạo Phật.

(6) Hàn-Dũ (được phong Xương-Lê bá) rất ghét đạo Phật, có bài biểu công-kích đạo Phật dữ lắm.

Tranh vẽ NUYÊN

翠綃傳

THÚY-TIÊU TRUYỆN

TRUYỆN NÀNG THÚY-TIÊU

Dư-Nhuận-Chi 余潤之 tên là Tạo-Tân 造新, người đất Kiến-Hưng 建興, có tiếng hay thơ, nhất là về những bài hát, Dư lại càng nổi danh ở kinh-sư. Cứ làm được một thiên thì ca-công lại đến xin và tặng tiền rất hậu. Cũng vì thế mà thanh-giá Dư càng lên cao trong tao-đàn.

Cuối đời Thiệu-Phong 紹豐 nhà Trần (1341-1357) Dư nhân có việc đến yết-kiến quan Nguyên-soái Nguyễn-Trung-Ngạn 阮忠彥 (1) tại trấn Lạng-Giang 諒江 (Bắc-Giang). Nguyễn-Công nghe tin Dư đến, lật-đật ra đón, thết tiệc tại Phiếm-Bích-Đường 泛碧堂, gọi mười mấy cô đào ra ca hát. Trong đó có ả Thúy-Tiêu rất xinh đẹp. Nguyễn-Công đùa bảo Dư-Sinh rằng :

— Đấy, tùy thầy lựa chọn, cô nào vừa ý, xin « gió đông » tự tiện cáng-đáng (2) đi cho.

---

(1) — Ông Nguyễn-trung-Ngạn người xã Thổ-Hoàng, 土黃, huyện Thiên-Thi 天施 (Ân-Thi, Hưng-Yên), 16 tuổi đỗ Tiến-Sĩ, vào năm thứ 12 đời Trần Anh-Tôn 陳英宗 (1304), người đương-thời gọi ông là thần-đồng. Ông làm kinh-lược-sứ trấn Lạng-Giang, sau lại vào làm quan tại triều, thọ ngoài 80 tuổi (theo Quốc-Sử).

(2) — Cáng-đáng : lãnh người hoặc công-việc để mà lo-liệu, do chữ 幹當 cán-đáng mà ra. Đây nói tùy ý thích cô nào thì cứ việc lãnh đi mà lo-liệu cho người ấy.

Rồi âm-nhạc nổi lên, Sinh ngâm thơ rằng :

Nguyên văn :

1. 蓮 花 朵 朵 倚 紅 酣，
2. 曾 對 傔 家 玉 麈 談。
3. 醉 挽 綃 衣 呼 得 起，
4. 數 聲 好 唱 望 江 南。

Phiên âm :

1. *Liên-hoa đóa đóa ỷ hồng hàm,*
2. *Tằng đối tiên-gia ngọc-chủ đàm.*
3. *Túy vãn tiêu y hô đắc khởi,*
4. *Sổ thanh hảo xướng « Vọng Giang-Nam ».*

Giải nghĩa :

1. Mấy đóa hoa sen dựa vào sắc đỏ như say-sưa(1)
2. Từng được kề-cận các tiên-gia cầm đuôi con Chủ (2) trong khi đàm-luận.
3. Say rượu thì níu áo lụa mà gọi dậy. (3)

---

(1) — Câu này trỏ các ca-kỹ

(2) — Con thú giống con hươu mà lớn hơn gọi là con Chủ. Sách Bản thảo Cương-Mục 本草綱目 chú : đàn hươu đi theo con Chủ thường trông đuôi con này vẫy làm chuẩn-đích mà đi. Thế nên ngày xưa những cuộc đàm-luận có tiêu-chuẩn gọi là « chủ-đàm ». Sách Thư-Ngôn Cố-Sự 書言故事 chú : Vương-Diễn 王衍 đời Tấn, mỗi khi giảng về đạo Lão 老 đạo Trang 莊 thường cầm đuôi con Chủ có chuôi bằng ngọc mà nói.

(3) — Áo lụa do chữ tiêu-y, có ý trỏ vào nàng Thúy-Tiêu.

4. Nghe mấy tiếng hát khúc « Vọng Giang-Nam » (1) thật là hay.

Dịch ra thơ :

1. Ngây-ngất sen hồng mấy đóa hoa,
2. Diễn đàn góp mặt với tiên-gia.
3. Say dìu áo lụa tai còn vọng :
4. Khúc « vọng Giang-Nam » mấy điệu ca.

Nguyễn-Công cười bảo Thúy-Tiêu rằng :

— Thầy Tú để ý tới ngươi đó.

Hôm ấy Sinh quá chén say ngủ li-bì, canh khuya sực tỉnh thì đã thấy Thúy-Tiêu ở bên cạnh, trong lòng cảm ơn Nguyễn-Công khôn xiết. Hôm sau, Sinh vào bái-tạ Nguyễn-Công.

Nguyễn-Công nói :

— Cô ta có vẻ phong-lưu đấy chứ? Thầy nên khéo thương yêu lấy. Sinh bèn từ-tạ đưa Thúy-Tiêu về Kiến-Hưng.

Nàng sẵn khiếu thông-tuệ, mỗi khi nghe Sinh đọc sách nàng chỉ lầm-nhầm mà thuộc hết. Thấy vậy, Sinh liền đem những sách cổ kim nói về thi ca, từ khúc ra

---

(1) — Nhà sư chùa Nhân-Vương 仁王 hay hát khúc « Vọng Giang-Nam », sau đi xuống núi đến đứng chủ một ngôi chùa khác. Nhưng chưa được bao lâu, nhà sư đã muốn trở về cảnh cũ. Trong bài thơ nhớ chùa Nhân-Vương có câu : hà tự Nhân-Vương cao các thượng, ỷ lan gian xướng « vọng Giang-Nam » 何似仁王高閣上，倚闌閒唱望江南 ». Nghĩa là : đâu có được như ở trên gác cao chùa Nhân-Vương, ngồi tựa lan-can mà hát khúc « Vọng Giang-Nam ».

dạy nàng. Mới chưa đầy một năm mà bất luận lối trường-thiên, đoản-tập nào nàng làm cũng ngang với Sinh.

Năm Mậu-Tuất (1358) có mở khoa thi hương, Sinh sắm sửa hành-trang tiến kinh, không nỡ dời nhau nên cho nàng cùng đi. Hai vợ chồng đưa nhau vào trọ ở Phường-Thái 坊綵 ngay cửa sông.

Gặp ngày mùng một tết (nguyên-đán), Thúy-Tiêu rủ mấy người bạn gái đến tháp Báo-Thiên 報天 dâng hương lễ Phật. Lúc ấy có quan Trụ-Quốc họ Thân 申柱國 ngầm đi chơi phố, ngó thấy Thúy-Tiêu vừa ý, liền sai bắt đem về làm của mình. Sinh đem việc này kiện tới Triều-đình, nhưng chỗ nào Thân cũng có thế-lực; các tơ, tòa, hết thảy tránh kẻ quyền-hào, đều gác bút không dám xét-xử. Sinh đành ôm mối đau thương, buồn-bã bỏ cả thi cử. Một hôm đang đi tản bộ ngoài đường phố, Sinh gặp một đoàn người ngựa xem hoa trở về, tiền hô hậu ủng, hồng tía rợp đường, trăm hoa rơi rắc, gần xa tấp-nập. Sau cùng thấy Thúy-Tiêu ngồi trong kiệu che rèm, đi qua dưới rặng liễu. Sinh muốn chạy tới than-thở nỗi-niềm, ngặt vì trong đám đi đó đều là bậc quyền-quí cả, nên không dám đường-đột, đành đứng bần-thần mà nhìn, lệ rơi tầm-tã, không nói được nửa lời.

Nhân Thúy-Tiêu trước có nuôi một đôi chim vẹt, Sinh về trỏ bảo chim rằng :

— Chúng mi là loài vật nhỏ-mọn còn được suốt ngày quấn-quít với nhau, không đến nỗi như ta phải chăn đơn gối chiếc. Ước gì chúng mi đôi cánh tung mây, vì ta mà đưa thơ cho nàng được chăng ?

Chim vẹt nghe nói nhầy-nhót ríu-rít, ra dáng muốn xin đi. Sinh bèn viết thơ buộc vào chân vẹt. Thơ rằng:

Nguyên văn:

1. 昨者：
柳陰一過，
道達無由。
2. 寄雙眼於片時；
曾咫尺而千里。
3. 始信侯門之似海；
第嫌客思之如秋。
4. 備述舊由，
倍增深感。
5. 憶昔：
我倍詩席，
子侑歌筵。
6. 不勞綠綺之彈，
辱荷紫雲之惠。
7. 笑未酬於繾綣，
恨已早於分飛。
8. 鴻別燕而秋聲，
雲愁秦而暝色，

9. 一則暖流蘇之帳，
一則寒糊紙之衾。

10. 但貪綉幕之歡，
豈念書樓之苦。

11. 每聽：
短墻滯雨，
廢壁寒蟹。

12. 長天霜鴈之征離，
寂宵風笛之唱晚。

13. 每有：
含情不語；
掩卷長吁！

14. 對景關懷，
不能已已。

15. 噫！
許虞侯之不作；
崑崙奴之已非。

16. 應無反璧之期；
空負尋芳之約。

17. 爰憑寸楮，
用寫哀篇。

Phiên-âm :

1. *Tạc giả :*
   Liễu-âm nhất quá,
   Đạo đạt vô do.
2. *Ký song nhẫn ư phiến thời ;*
   Tằng chỉ-xích nhi thiên lý.
3. *Thủy tín hầu-môn chi tự hải ;*
   Đệ hiềm khách-tứ chi như thu.
4. *Bị thuật cựu-do,*
   Bội tăng thâm cảm.
5. *Ức tích :*
   Ngã bồi thi-tịch :
   Tử hựu ca-diên.
6. *Bất lao Lục-ỷ chi đàn ;*
   Nhục hạ Tử-Vân chi huệ.
7. *Tiếu vị thù ư khiển-quyền ;*
   Hận dĩ tảo ư phân phi.
8. *Hồng biệt yến nhi thu thanh ;*
   Vân sầu Tần nhi mính sắc.
9. *Nhất tắc noãn lưu-tô chi trướng ;*
   Nhất tắc hàn hồ-chỉ chi khâm.
10. *Đãn tham tú-mạc chi hoan ;*
    Khởi niệm thư-lâu chi khổ.
11. *Mỗi thính :*
    Đoản tường trệ vũ,
    Phế bích hàn-tương.

12. *Trường-thiên sương-nhạn chi chinh ly ;*
Tịch-tiêu phong-địch chi xướng vãn.

13. *Mỗi hữu :*
Hàm tình bất ngữ,
Yểm quyển trường hư.

14. *Đối cảnh quan hoài,*
Bất năng dĩ dĩ . . .

15. *Ý !*
Hứa Ngu-Hầu chi bất tác ;
Còn-Luân nô chi dĩ phi.

16. *Ưng vô phản bích chi kỳ ;*
Không phụ tầm phương chi ước.

17. *Viên bằng thốn chử.*
Dụng tả ai thiên.

GIẢI-NGHĨA :

1. Bữa trước đi qua dưới bóng liễu,
Muốn gởi lời cho nàng mà không có cách nào.

2. Đành rán cặp mắt trông một hồi,
Trong gang-tấc mà xa dường ngàn dặm.

3. Mới hay : của quyền sâu tựa bể,
Lại hiềm lòng khách sầu như mùa thu.

4. Thuật hết nỗi xưa,
Càng thêm cảm-động sâu xa.

5. Nhớ lại ngày trước :
Tôi dự chiếu thơ,

Nàng hát giúp vui trong bữa tiệc.

6. Chẳng nhọc tiếng đàn Lục-ỷ (1) ;
Luống thẹn mang ơn được nàng Tử-Vân (2).

7. Nực cười tình quyến-luyến chưa được đền-bù ;
Đã mang mối hận sớm phải chia-lìa.

8. Chim Hồng biệt chim Yến mà tiếng buồn như trời thu (3) ;

---

(1) Lục-Ỷ là tên cái đàn của Trường-Khanh 長卿, tức Tư-Mã Tương-Như 司馬相如 đời Hán. Trường-Khanh đã bảnh trai, lại văn hay chữ tốt và gẩy đàn rất giỏi. Một hôm, Trường-Khanh sang đất Lâm-Cung 臨邛 (ở phía tây-nam tỉnh Tứ-Xuyên), vào nhà Trác-Vương-Tôn 卓王孫 gẩy khúc « Phượng-cầu-hoàng » mà con gái Vương-Tôn là Trác-văn-Quân 卓文君 mới hóa chồng phải say mê, rồi đến đêm nàng lén theo Trường-Khanh. Khi ấy Trường-Khanh sắp lấy người con gái ở Mậu-Lăng (nay thuộc Hưng-Bình, Thiểm-Tây) làm vợ. Trác-văn-Quân liền làm bài « Bạch-đầu-ngâm » để tự-tuyệt. Trường-Khanh cảm-động quá, thôi không lấy người con gái kia nữa (theo Thượng-hữu-lục).

(2) — Đỗ-Mục đời Đường làm quan Ngự-Sử phân-ty ở Lạc-Dương, đến dự tiệc nhà Lý-Thông 李聰. Lý cho nhiều danh-kỹ ra hầu tiệc. Rượu say, Đỗ hỏi Lý : Nghe đồn nhà ngài có ả danh-kỹ là Tử-Vân, chẳng hay là cô nào vậy ? — Lý trỏ cho biết. Đỗ trừng-trừng nhìn hồi lâu rồi nói : Lời đồn không ngoa. ngài cho tôi quách. Bọn ca-kỹ ngoảnh lại nhìn rồi phá lên cười, Đỗ nhân làm một bài thơ tức cảnh tiệc « Hoa-Đường ». (theo Viên-Cơ).

(3) — Thơ cổ có câu : Cánh văn phong diệp hạ, tích-lịch độ thu-thanh 更聞楓葉下，淅瀝度秋聲. Nghĩa là : vẳng nghe phong rụng lá, xào-xạc tiếng thu sang (theo Vận-thụy 韻瑞) •

Áng mây nước Tần sầu mà ảm-đạm (1).

9. Một người êm-ấm trong trướng lưu-tô (2) ;
Một kẻ lạnh-lùng trong chăn hồ giấy (3).

10. Mảng ham cuộc vui trong màn gấm, (4)
Há nghĩ tới nỗi đau khổ của người trong viện sách.

11. Hằng nghe :
Mưa rơi tí-tách đầu tường đổ ;
Tiếng ve rộn-rã dưới vách xiêu.

12. Chiếc nhạn bay trong vòm trời bát-ngát ;
Tiếng sáo gió vi-vu trong đêm khuya tịch-mịch-

13. Thường khi :
Ngậm sầu chẳng nói,
Gấp sách thở dài !

---

(1) — Sách Viên-Cơ nói : Hàn vân như bố, Sở vân như nhật, Chu vân như luân, Tần vân như mỹ-nhân 韓雲如布，楚雲如日，周雲如輪，秦雲如美人。 Nghĩa là : Mây nước Hàn trông như vải ; mây Sở như mặt trời, mây nhà Chu như bánh xe ; mây nước Tần như người đẹp.— Trong bài phú Lý-Bạch đưa bạn là Vương-Viêm 王炎 vào đất Thục 蜀 cũng có câu : Hồng biệt yến hề thu thanh, vân sầu Tần nhi minh sắc.

(2) — Trướng lưu-tô là điểm màn có những tua bằng lụa màu kết hình trái cầu hay trái đồng-tàm rủ xuống. (theo Vận-Thụy).

(3) — Sách Thượng-hữu-lục chép rằng : Dương-Tục 羊續 đời Hán làm quan Thái-thú hai quận Nam-Dương 南陽 và Lư-Giang 廬江, dẹp yên giặc-giã, săn-sóc đến nỗi khổ-sở của dân. Dương thường mặc áo rách, cưỡi ngựa gầy, đáp chan vải, chăn rách thì lấy giấy và hồ dán để vá lại.

(4) — Thơ của Lý-Hạ 李賀 đời Đường có câu : La-vi túc-mạc vi xuân-phong 羅幃綉幕圍春風. Nghĩa là Trướng là màn gấm bọc gió xuân (theo Thi-học Đại-Thành 詩學大成).

14. Đối cảnh trạnh niềm,
Không thể dừng được.

15. Hỡi ôi !
Không người hành-động được như Hứa Ngu-Hầu (1) ;
Đầy tớ như người ở Côn-Luân cũng chẳng có (2)

16. Đã không trả ngọc bích đúng kỳ (3)
Thôi đành lỗi hẹn tìm hoa (4)

17. Bèn nhờ tấc giấy,
Để viết bức thư thương tâm này.

---

(1) Hứa Ngu-Hầu tức là Hứa-Tuấn (xem chú trong truyện « Người nghĩa phụ ở Khoái-Châu »).

(2) Khoảng năm Đại-Lịch 大歷 đời Đường (766-799) Thôi-Giốc 崔角 làm chức khiển-ngưu, một hôm vâng lời cha sang thăm quan Nhất-phẩm đương triều. Quan sai một nàng ca-kỹ mặc áo lụa đỏ (Hồng-Tiêu 紅綃) ra rót rượu mời Giốc. Lúc Giốc ra về, quan lại sai Hồng-Tiêu tiễn chân ra đến cổng. Giốc về rồi ngơ-ngẩn buồn-rầu, quên ăn quên ngủ. Đầy tớ nhà Giốc tên là Ma-Lặc 磨勒, người ở Côn-Luân, biết chuyện, tìm cách đánh chết con chó giữ cửa viện ca-kỹ bên nhà quan Nhất-phẩm. Đoạn cõng Giốc sang gặp Hồng-Tiêu, rồi lại cõng luôn cả Giốc và Hồng-Tiêu vượt tường chạy hơn mười dặm về nhà để ở với nhau trong thư-viện. (Theo Thiên-Hạ Dị-Kỷ).

(3) Sách Tả Truyện chép : Đời Lỗ Hi-Công, Tấn Trùng-Nhĩ chạy sang nước Tào (nay là phủ Tào-Châu, tỉnh Sơn-đông), được Hy-phụ-Cơ đãi cơm và tặng ngọc-bích. Trùng-Nhĩ đói quá, nhận cơm ăn, còn trả lại ngọc cho Hy.

(4) Thơ Đỗ-Mục có câu : Tự hận tầm phương khứ hiệu trì. 自恨尋芳去較遲 • Nghĩa là : giận mình tìm hoa trễ mất rồi.

Dịch ra văn tứ-lục :

1. *Hôm trước :*
Qua nhìn rặng liễu.
Khôn hở ra lời.

2. *Dù tắc-gang coi tựa ngàn trùng ;*
Trong khoảnh-khắc nhìn nhau khóe mắt,

3. *Mới biết cửa quyền sâu tựa bể ;*
Mà xui lòng khách thẩm dường thu.

4. *Kể rõ tình xưa,*
Càng rầu nghĩa cũ.

5. *Nhớ lại trước đây :*
Tôi lấy văn-thơ bồi tiệc,
Nàng đem giọng hát giúp vui.

6. *Chẳng dàn Lục-ỷ cũng vương tơ ;*
Nhớ chuyện Tử-Vân thêm thẹn mặt,

7. *Chửa mấy vui niềm xum-họp ;*
Sớm đà mang hận chia-ly.

8. *Già-từ hồng yến nỉ-non ;*
Thẩm-đạm mày Tần mờ-mịt.

9. *Người êm-ấm lưu-tô trướng rủ ;*
Kẻ lạnh-lùng hồ-chỉ chăn đơn.

10. *Mảng say-mê màn gấm vui-vầy ;*
Hà bứt-rứt phòng văn đau-đớn.

11. *Lắng nghe :*
Mưa tuôn tường đổ ;
Ve rộn vách trơ.

12. *Trời cao sương lạnh chiếc chim bay ;*
Canh vắng gió reo hồi sáo thổi.

13. *Cũng có lúc :*
Nuốt sầu lặng-lẽ ;
Gấp sách thở-than !

14. *Đối cảnh trạnh niềm,*
Khôn bề yên dạ.

15. *Ôi !*
Đã chẳng thấy Ngu-Hầu Hứa-Tuấn ;
Lại tìm đâu nghĩa-bộc Côn-Luân ?

16. *Nếu không trả ngọc đúng kỳ ;*
Ắt hẳn tìm hoa lỡ hẹn.

17. *Đành nhờ mảnh giấy,*
Để tả tình thương.

Chim vẹt tức thời bay đi, đến đậu trong màn Thúy-Tiêu. Nàng nhận được thơ, bèn mở giấy Tiết-đào (1), dầm ngọn bút Lâm-xuyên (2), viết thơ trả lời. Thơ rằng :

---

(1) — Nàng Tiết-Đào 薛濤, đời Đường Hiến-Tòn 唐憲宗 (806-820) là một danh-kỹ ở đất Thục 蜀, hay làm những bài thơ ngắn, vì tiếc giấy nên cắt những mảnh nhỏ để viết. Từ đó, tài-tử đất Thục lấy thế làm tiện, cũng cắt giấy nhỏ để viết thơ và gọi là giấy Tiết-Đào (theo sách Quần-Ngọc).

(2) — Vương Hi-Chi 王羲之 đời Tấn viết chữ rất tốt, làm chức nội-sử đất Lâm-Xuyên 臨川, cho nên người ta thường nói ngòi bút Lâm-Xuyên. Bài tựa Đằng-Vương-Các 藤王閣 của Vương-Bột 王勃 có câu : Nghiệp-Thủy chu hoa, quang chiếu Lâm-Xuyên chi bút 鄴水朱華，光照臨川之筆。 Nghĩa là : Hoa đỏ ở Nghiệp-Thủy, sáng soi ngòi bút Lâm-Xuyên.

Nguyên văn :

1. 妾翠綃：
少倚市門，
長投樂籍。

2. 調歌接曲徒誇河右之風流；
舉按齊眉未識孟光之態度。

3. 誰知好席，
便是良媒。

4. 綠綺琴心不假長卿之調；
華堂詩句酷憐杜牧之才。

5. 自喜針芥之有緣；
深慶藤蘿之得托。

6. 天台客逢客未盡深歡；
章臺人送人載將離恨。

7. 佳偶翻成怨偶；
好緣轉作惡緣。

8. 恥忍棲鴉，
懼頻打鴨。

9. 出入起居之際未免從權；

別離契濶之懷不勝感舊。

10. 惟餘：
翠蛾倦掃，
綠鬢慵梳。
11. 粉壁燈殘，
傷春腸斷。
12. 香奩繡倦，
別淚痕多。
13. 昨承寄鴈之書；
倍切離鸞之想。
14. 雖韓翃之柳暫折長條；
然合浦之珠當還故郡。
15. 悠悠心緒，
書不盡言。

Phiên âm :

1. *Thiếp Thúy-Tiêu ;*
Thiếu ỷ thị môn,
Trưởng đầu nhạc tịch.
2. *Điều ca tiếp khúc, đồ khoa Hà-Hữu chi phong-lưu :*
Cử án tề my, vị thức Mạnh-Quang chi thái-độ.
3. *Thùy tri hảo-tịch,*
Tiện thị lương mỏi.

4. *Lục-ỷ cầm tàm, bất giả Trường-Khanh chi điệu :*
   Hoa-Đường thi cú, đản lận Đỗ-Mục chi tài.
5. *Tự hỷ châm giới chi hữu duyên ;*
   Thâm khánh đẳng la chi đắc thác.
6. *Thiên-Thai khách phùng khách, vị tận thâm hoan ;*
   Chương-đài nhàn tống nhàn, tái trường ly hận.
7. *Giai-ngẫu phiên thành oán-ngẫu ;*
   Hảo-duyên chuyển tác ác-duyên.
8. *Sỉ nhẫn thê nha,*
   Cụ tần đả áp.
9. *Xuất nhập khởi cư chi tế, vị miễn tòng quyền ;*
   Biệt-ly khiết-khoát chi hoài, bất thăng cảm cựu.
10. *Duy dư :*
    Thủy nga quyện tảo ;
    Lục mấn dung sơ.
11. *Phấn bích đăng tàn,*
    Thương xuân trường đoạn.
12. *Hương liêm tú quyện,*
    Biệt lệ ngân đa.
13. *Tạc thừa ký nhạn chi thư ;*
    Bội thiết ly loan chi tưởng.
14. *Tuy Hàn-Hoành chi liễu, tạm chiết trường điều ;*

Nhiên Hợp-phố chi châu, đương hoàn cố-quận.

15. *Du du tâm tự,*
Thư bất tận ngôn.

GIẢI NGHĨA :

1. Thiếp là Thúy-Tiêu :
Thuở nhỏ tựa cửa đón khách ; (1)
Lớn lên vào sổ nhạc-quan (2).

2. Lựa giọng hát, tiếp khúc nhạc, từng khoe vẻ phong-lưu đất Hà-Hữu (3) ;
Nâng án ngang mày, chưa hiểu thói-phép nàng Mạnh-Quang (4).

---

(1) — Sách Sử-Ký Hóa-Thực 史記貨殖 có câu : thích tú văn bất như ỷ thị môn 刺綉文不如倚市門 • Nghĩa là : thêu-thùa không bằng tựa cửa đón khách, tức là nói người con gái làm ăn vất-vả không lợi bằng đón khách đến mua cười. (Theo Tử-Hải).

(2) — Sổ nhạc-quan : Sổ ghi tện những người ca-nhạc.

(3) — Thuần-Vu-Khôn 淳于髡 nói : Trước kia Vương-Bảo 王豹 ở đất Kỳ 其 mà đất Hà-Tây khéo ngâm ; Miên-Cầu 綿駒 ở đất Cao-Đường 高唐 mà nước Tề có người hát giỏi (theo sách Mạnh-Tử 孟子).

(4) — Sách Thượng-hữu-lục chép : Nàng mạnh-Quang xấu lại béo đen, sức khỏe cất nổi cối đá, nhưng là người có đức-hạnh. Nàng kén chồng, đến năm 30 tuổi chưa lấy ai. Cha mẹ hỏi thì nàng nói : Có được người tiết-tháo như Lương-Hồng 梁鴻 mới vừa lòng. Sau quả Lương-Hồng hỏi lấy nàng. Nàng vẫn giữ thói quê mùa, quần sồi áo vải. Mỗi khi lấy thức ăn cho chồng, nàng bưng dâng lên mà không dám ngẩng lên nhìn chồng, cho nên có câu « nâng án ngang mày ».

3. Ai ngờ bữa tiệc tốt,
   Lại hóa mối duyên lành.

4. Cung-đàn Lục-ỷ, không cần mượn điệu của Trường-khanh.
   Nhưng câu thơ Hoa-Đường, rất ưa tài Đỗ-Mục (1)

5. Những vui thầm kim-cải gặp duyên may (2)
   Lại rất mừng chút sắn-bìm được gửi phận (3).

6. Động Thiên-Thai khách gặp khách, chưa mãn ái-ân (4)
   Chốn Chương-Đài người đưa người, đã đem mối hận li-biệt (5).

7. Lứa-đôi tốt biến thành đôi ai-oán,
   Duyên may lại hóa ra duyên ôi.

8. Nhịn nhục như con quạ đậu ;

---

(1) — Hai điển này đã chú ở bài thơ trên.

(2) — Bản thảo Cương-Mục chú : đá nam-châm hút kim ; ngọc hổ-phách hút hạt cải.

(3) — Trong Viên-Cơ có câu : Quân vi nữ-la thảo, thiếp tác thỏ-ti hoa, bách trượng thác viễn tùng, chiên-miên thành nhất gia 君爲女蘿草，妾作兎絲花，百丈托遠松，纏綿成一家 Nghĩa là : người làm cỏ nữ-la, thiếp làm hoa thỏ-ty, cùng gửi vào cây tùng trăm trượng, quấn quít nên một nhà.

(4) — Xem chú thích trong « Truyện người nghĩa phụ ở Khoái-Châu ».

(5) — Xem chú thích trong « Truyện người nghĩa-phụ ở Khoái-Châu ».

Hãi-hùng khi con vịt phải đánh (1).

9. Những lúc ra vào ăn ở, đành phải tòng quyền ;
Ôm sầu xa-cách chia ly, khôn xiết cảm người cũ.

10. Những là :
Mày biếc lười tô ;
Tóc xanh biếng chải.

11. Vách phấn đèn tàn,
Thương xuân ruột đứt.

12. Hộp hương bỏ mốc,
Nước mắt ly-biệt thành ngấn đã nhiều.

13. Mới đây nhận được thơ chàng gởi nhạn đến (2) ;

---

(1) — Ngụy Tần thi-thoại 魏秦詩話 chép rằng : Lữ-Sĩ-Long 呂士隆 hay đánh đập kỹ-nữ trong nhà. Một hôm có người kỹ-nữ ở Hàng-Châu đến, Sĩ-Long rất vừa ý. Hôm ấy các kỹ-nữ trong nhà có lỗi nhỏ, Sĩ-Long lại muốn đánh. Các kỹ-nữ nói : Ông đánh, chúng tôi không dám kêu-ca gì, chỉ e cô ở Hàng-Châu mới đến kinh-sợ mà thôi. Sĩ-Long liền tha, không đánh nữa. Mai-thánh-Du 梅聖俞 làm thơ có câu rằng : Mạc đả áp kinh uyên-ương 莫打鴨驚鴛鴦 • Nghĩa là : đừng đánh vịt để uyên-ương phải kinh-sợ.

(2) — Hán-Sử chép rằng : Tô-Vũ 蘇武 sang sứ Hung-Nô 匈奴 Hung-Nô giữ ở lại, cho ra bờ bể Bắc-Hải chăn dê. Đến lúc Thuyền-Vu 單于 lên làm vua nước Hung-Nô, trong nước chia-lìa, Vệ-Luật 衛律 mưu cùng nhà Hán hòa thân, Hán sai sứ đến đòi Tô-Vũ. Thuyền-Vu nói dối là Tô-Vũ chết rồi. Thường-Huệ 常惠 xúi sứ-giả trách Thuyền-Vu rằng : Thiên-Tử vừa bắn trong vườn Thượng-Lâm được một con nhạn, chân có buộc lá thơ của Tô-Vũ nói là hiện bị đầy. Thuyền-Vu cả sợ, phải trả Tô-Vũ về nước.

Lại càng bội phần xót-xa nhớ khúc ly-toan (1).

14. Dẫu cành liễu Hành-Hoành, tạm bẻ cành dài (2)
Song hạt Châu Hợp-Phố, mong về cố-quận (3).

15. Mối sầu rằng-rặc,
Thơ nói không hết.

Dịch ra văn tứ-lục :

1. Thiếp Thúy-Tiêu :
Ngày-thơ đón khách hào-hoa ;
Khôn lớn vào làng ca-nhạc.

2. Điệu ca tiếp khúc, phong-lưu chỉ biết thú Hà-Tây ;
Nâng áu ngang mày, thói-phép chưa quen lề Mạnh-thị.

3. Ai hay tiệc ngọc,

---

(1) — Sách Tây-Kinh Tạp-Ký 西京雜記 nói : Trương-An-Thế 張安世 lúc 15 tuổi làm chức Thị-Trung triều vua Hán Thành-Đế hay gảy khúc đàn « song phượng ly loan » (theo Viên-Cơ).

(2) — Xem chú-thích trang truyện người Nghĩa-phụ ở Khoái-Châu.

(3) — Huyện Hợp-Phố ở phủ Liêm-Châu 廉州 tỉnh Quảng-Đông 廣東. Quận này không cấy lúa, nhưng bể có nhiều hạt châu. Đời Đông-Hán, triều vua Thuận-Đế (126-144), Mạnh-Thường đến làm thái-thú quận Hợp-Phố. Hạt châu ở quận này khi trước gặp quan thái-thú tham-tàn bỏ sang quận Giao-Chỉ cả. Mạnh-Thường đến trị nhiệm chức được một năm, hạt châu lại trở về quận Hợp-Phố (theo thượng-hựu-lục).

Đem lại duyên may.

4. *Đàn Lục-ỷ vài cung, chẳng lọ Trường-Khanh lựa khúc ;*

   Thơ Hoa-Đường mấy vận, chẳng ưa Đỗ-Mục khoe tài.

5. *Đã mừng lòng kim-cải bén duyên ;*
   Lại phỉ nguyện sắn-bìm nương bóng.

6. *Động Thiên-Thai khách gặp khách, chưa thỏa ái ân ;*

   Chốn Chương-Đài tay chia tay, đà sầu ly-biệt.

7. *Bạn tốt phút thành ra bạn oán ;*
   Duyên may đâu bỗng hóa duyên ôi.

8. *Nín như quạ gửi thân,*
   Sợ khi vịt phải đánh.

9. *Những lúc ra vào ăn-ở, tạm phải tòng quyền ;*
   Ôm sầu gian khổ chia-ly, xiết bao nhớ bạn !

Có lúc :

10. *Tóc mây biếng chải ;*
    Mày biếc ngại tô.

11. *Vách phấn đèn tàn ;*
    Thương xuân ruột đứt.

12. *Hộp hương bỏ mốc ;*
    Lệ biệt thành quầng..

13. *Xem thơ chiếc nhạn mới đưa tin ;*
    Tưởng khúc ly-toan thêm xót dạ.

14. *Cành liễu Hàn-Hoành tuy đã bẻ ;*
    Hạt châu Hợp-Phố vẫn mong về.

15. *Tâm sự còn dài*
    Thơ khôn nói hết.

Từ đó Thúy-Tiêu nhân buồn thành bệnh. Trụ-Quốc hỏi nàng:

— Chắc là ái-khanh lại nhớ thằng cha bán thơ phải chăng?

Thúy-Tiêu đáp:

— Vâng, quả có thế. Thiếp cùng chàng tình sâu đôi lứa, hờn nặng chia ly; nguyền chung sống chưa phai, hẹn trăm năm đã phụ. Ngày nay Yên tạnh Sở mưa, đào tươi liễu ủ; cách xa mờ-mịt, ôm hận ngàn năm. Cho nên người trước coi nhẹ giầu sang trước mắt, mà không quên người bán bánh năm xưa (1); xem thường cảnh phồn-hoa quá phận, cam gieo lầu tự vẫn (2). Nói rồi nàng toan lấy khăn là thắt cổ.

Trụ-Quốc bèn nói gạt rằng:

— Ta cũng đang suy-nghĩ về việc đó. Nàng cứ yên tâm bảo dưỡng thân-thể, gắng mà ăn uống, sớm muộn thế nào rồi ta cũng cho gọi Dư-lang đến đây để cùng nàng nối lại mối nhân-duyên nợ cũ, can chi coi rẻ sinh-mạng mà hấp-tấp chết một cách không đâu như vậy.

---

(1) — Đường Ninh-Vương 唐寧王 (?) thấy vợ người bán bánh ở gần có nhan-sắc xinh đẹp, liền chiếm lấy. Được một năm, Vương hỏi nàng có nhớ chồng cũ không thì cho gọi đến để nàng được thấy mặt. Khi người chồng cũ đến, vợ trông thấy khóc sướt-mướt. Vương bèn cho về với chồng (theo Bản-Sự tập 本事集).

(2) — Thạch-Sùng 石崇 đời Tấn, nhà giầu lắm, có người thiếp là nàng Lục-Châu 綠珠, nhan-sắc rất xinh-đẹp. Triệu Vương-Luân 趙王倫 trông thấy, sai Tôn-Tú đến cầu mà không được. Tú xui Luân tìm cách giết Thạch-Sùng. Sùng bảo Lục-Châu rằng: Ta vì nàng mà phải tội.— Lục-Châu nói: Vậy thiếp xin chết trước mặt chàng. Nói rồi đứng trên lầu gieo đầu xuống tự-tử (theo Văn-Uyển).

Thúy-Tiêu nói:

— Nếu thực được như lời, thiếp xin vâng mệnh. Bằng không tính-mệnh thiếp đến hôm nay là hết.

Trụ-Quốc không đừng được, sai người đi triệu Dư-Sinh đến, dỗ-dành ngỏ ý sẽ trả châu về chủ cũ (1) và bảo rằng:

— Ta ngôi ở chức thượng-công, quyền cao lộc trọng, hàng ngày tổn-phí vào việc khoản đãi khách-khứa có đến ngàn chung. Nay ta mời thầy đến là do hậu-tình, chứ không phải vì bạc-ý đâu. Huống chi ở đất Tràng-An gạo châu củi quế (2) này, thầy khó lòng tự cung-cấp lấy được. Nếu thầy không ngại tiếng-tăm, thì cứ ở đây cho đỡ tốn về khoản gạo nước, củi lửa. Nói rồi cho

---

(1) — Sách Thượng-Hữu-Lục chép rằng: Lâm-Tích 林積 thuở nhỏ đến kinh-sư, dọc đường ngủ trọ tại một nhà hàng ở Sái-Châu 蔡州, bắt được một túi ngọc châu đến mấy trăm hạt. Tích hỏi chủ quán ai đã đến trọ trước. Chủ quán đáp là trước có Chu-trọng-Tân, 周仲津 người ở Tầm-Dương trọ ở đây. Tích kể họ tên cùng chỗ ở của mình và dặn chủ quán hễ Trọng-Tân trở lại thì bảo đến tìm, vì mình muốn gặp. Sau mấy hôm, Chu-trọng-Tân quả đến tìm châu, Chủ quán bảo Tân tìm đến Tích. Tích hỏi thì Tân trả lời đúng số hạt châu đã mất, bèn đưa ra trả tất cả. Trọng-Tân muốn đưa lại một phần để tạ ơn, nhưng Tích nhất định không lấy. Trọng-Tân bèn bỏ ra hơn trăm quan tiền làm lễ cầu phước cho Tích. Sau Tích thi đỗ làm đến chức Thái-Trung đại-phu. Con Lâm-Tích là Lâm Đức-Tân cũng làm đến Lại-Bộ Thị-Lang. Nhà ấy kế-thế trâm-anh không bao giờ hết.

(2) — Tô-Tần 蘇秦 đến nước Sở, ba ngày không được yết-kiến vua Sở, bèn lên ngựa về nước Triệu. Sở-Uy-Vương nghe tin, thân hành chạy theo xin lỗi. Tô-Tần thưa: Gạo ăn nước Sở quý như ngọc châu, củi quí như cây quế. Kẻ đến xin bái-yết khó lòng được thấy mặt nhà vua, chẳng khác loài tiểu-quỷ không được thấy Thượng-Đế. Sở-Vương tái tam xin lỗi rồi đón Tần về triều mời ngồi để thỉnh giáo (theo Sử-Ký Thế-Gia).

dọn cái gác nhỏ làm chỗ cho Sinh đọc sách. Hàng ngày để một đứa tiểu-hoàn ở hầu-hạ luôn bên cạnh. Mỗi khi yến ẩm gặp Sinh, Trụ-Quốc lại lấy lời lẽ dịu-dàng mời mọc, nhưng tuyệt không đả-động gì đến việc Thúy-Tiêu cả. Hễ Sinh làn-la muốn hỏi tới, thì Trụ-Quốc vội gạt đi mà rằng :

— Chút lòng luyến-ái ai ai cũng lòng. Thầy nhớ nàng làm sao thì nàng nhớ thầy làm vậy. Nhưng nàng đương khó ở, chưa thể cùng thầy tương kiến được. Việc đó hãy thong-thả rồi sẽ bàn tới.

Về phần Thúy-Tiêu nghe Dư-sinh đến, cũng muốn gặp mặt hỏi-han, nhưng trong nhà hầu thiếp rất nhiều, lại phòng-giữ nghiêm-nhặt, chưa có dây lát nào được dịp thuận-tiện để lại chỗ Sinh.

Một hôm, thừa cơ Trụ-Quốc đi chầu sớm chưa về, hầu thiếp hãy còn ngủ cả, nàng lẻn đến thư-phòng, nhưng lại phải lúc Sinh ra ngoài nên không được gặp. Nàng trông lên vách thấy có đề hai bài thơ như sau :

BÀI THỨ NHẤT

1. 小 堦 破 履 落 苔 衣 ，
2. 客 舍 凄 凉 獨 掩 扉 。
3. 青 鳥 不 來 春 信 晚 ，
4. 莎 庭 漠 漠 又 斜 暉 。

Phiên Âm :

1. Tiểu giai phá lý lạc đài y,
2. Khách xá thê-lương độc yểm phi.
3. Thanh điểu bất lai xuân tín vãn,
4. Sa đình mạc-mạc hựu tà huy.

GIẢI NGHĨA :

1. Thềm nhỏ, dép nát vết in trên rêu.
2. Một mình khép cửa ngồi trong thư-phòng hiu-quạnh.
3. Chim xanh không đến tin xuân muộn (1).
4. Sân cỏ um-tùm bóng xế chiều.

Dịch ra văn vần :

Quanh thềm dép nát gót in rêu,
Khép cửa phòng văn cảnh quạnh hiu.
Mong mỏi chim xanh tin vắng ngắt,
Cỏ sân san-sát bóng nghiêng chiều.

BÀI THỨ HAI

1. 月 [illegible] 長 寒 [illegible] 翠 眉 ，
2. 傷 娥 何 日 是 歸 期 ？
3. 相 [illegible] 空 [illegible] 無 佳 句 ，
4. 不 把 文 章 怨 [illegible] 離 ？

Phiên Âm :

1. *Nguyệt-điện trường hàn tỏa thúy-mi,*
2. *Tiên-nga hà nhật thị quy kỳ ?*

---

(1) — Hán Vũ-Đế (140-87 trước công-nguyên) đương ngồi ở điện Thừa-Hoa, chợt có hai con chim xanh từ phương tây bay lại, đậu ở trước điện. Đông-phương-Sóc nói : Bà Tây-Vương-Mẫu sắp đến chơi, cho nên chim lại báo tin trước. Một lát, quả thấy Vương-Mẫu đến, có hai người thị-nữ áo xanh theo hầu. Người ta nói hai tên thị-nữ này tức là hai con chim xanh lúc trước.

3. Tương tư khởi trực vô giai cú,
4. Bất bả văn-chương oán biệt-ly ?

GIẢI NGHĨA :

1. Cung trăng lạnh mãi khóa mây xanh,
2. Biết ngày nào Hằng-Nga lại trở về (1).
3. Nhớ nhau chẳng lẽ không có câu thơ thống-thiết,
4. Chẳng đem văn-chương oán nỗi chia-lìa sao ?

Dịch ra văn vần :

1. Cung trăng lạnh lẽo khóa mây xanh,
2. Trở gót tiên-nga hẹn chửa rành.
3. Mong nhớ lẽ nào không lựa vận ?
4. Chẳng đem văn-tự oán chung-tình ?

Nàng toan họa thơ để lại, bỗng nghe thấy tiếng ngọc kha (2) về đến cổng rồi, nên không kịp để nữa.

---

(1) — Sách thiên-hạ dị-kỷ chép rằng : Hậu-Nghệ đời nhà Hạ được thuốc trường-sinh bất tử của bà Tây-Vương-Mẫu cho ; vợ Nghệ là Hằng-Nga lấy trộm thuốc ấy uống rồi bay lên cung trăng. Nghệ truy-tầm không được. Thơ vịnh-sử có câu : Hằng Nga thiết dược xuất nhân gian, tiềm tại thiềm-cung bất khẳng hoàn, Hậu-Nghệ biến tầm vô xứ mịch, thùy tri thiên thượng diệc dung gian. 嫦娥竊藥出人間,潛在蟾宮不肯還,后羿遍尋無處覓,誰知天上亦容奸。 Dịch nghĩa : Hằng-Nga trộm thuốc lánh phàm trần, Nguyệt-điện ngồi lỳ để nảu thân. Hậu-Nghệ ra công tìm chẳng thấy, ai ngờ trời cũng chứa gian-nhân.

(2) — Ngọc-kha là thứ đá giống như ngọc, có thứ gọi là Mã-não, trắng trong như tuyết ; có thứ là loài ốc biển. Thơ Quang Ly 光義 có câu : Ngũ-Lăng qui công-tử, song-song minh ngọc-kha. 五陵貴公子，雙雙鳴玉珂。 Nghĩa là : khách Vương-tôn công-tử, rộn-rã tiếng Ngọc-Kha. Đây là nói tiếng báo hiệu Trụ-Quốc đi chầu về.

Lại một hôm, Thúy-Tiêu cho con hầu thân-tín là Kiều-Oanh 嬌鶯 đến buồng Sinh ngủ, nhưng Sinh không cho vào, Kiều-Oanh liền nói :

— Thúy-Tiêu nương-tử cho thiếp đến đây là vì người thấy lang-quân không có ai bầu-bạn, nên sai thiếp đến hầu-hạ chăn gối, cũng như chính người được kề-cận lang-quân vậy. Sinh nghe nói vậy mới bằng lòng. Từ đó mới có tin-tức qua lại mà Sinh được rõ tình-hình chốn buồng the.

Sắp đến ngày trừ-tịch, Sinh lựa dịp nói với Trụ-Quốc rằng :

— Tôi vì có mối ân-tình mà lặn-lội tới đây làm người khách trọ. Song non Vu gang-tấc mà tin-tức không hay ; tháng lại ngày qua, năm đã gần hết. Cái việc trả châu không dám nói đến nữa. Chỉ mong trước rèm được thay mặt nàng trong chốc-lát để có đôi lời từ-biệt mà thôi.

Trụ-Quốc bằng lòng nói :

— Chỉ mấy hôm nữa là đêm tốt lành, ta sẽ làm cái việc Xương-Lê trả nàng Liễu-Chi (1). Nghi-Thành 宜成 buông ả Cầm-Khách 琴客 (2), quyết không ngăn cấm lòng ham muốn của người để thỏa cái vui tai mắt riêng mình. Thầy hãy nán chờ, đừng ngại chậm-trễ.

Sinh vâng dạ lui ra.

Đến đêm hôm đã hẹn, Sinh chong đèn không ngủ, ngóng trông hàng giờ, mới thấy tiếng dép đi lẹp-kẹp bên

---

(1) — Xem chú-thích trong « Truyện cây gạo ».

(2) — Cầm-Khách là thiếp yêu của Liễu Nghi-thành, gảy đàn rất hay. Nghi-Thành cáo lão hồi hưu cho Cầm-Khách về đi lấy chồng (theo Lệ-Tình-Tập).

khóm trúc, Sinh mở cửa ra đón, té ra là con hầu áo xanh. Sinh hỏi nó đến làm gì thì ra nó mang trà lại. Sau một lúc lại thấy tiếng sột-sạt ở trước khóm hoa rồi có tiếng gõ cửa. Sinh xốc áo ra xem, lại thấy thằng nhỏ đi chân không. Sinh hỏi nó lại làm gì thì ra nó mang rượu đến. Sinh chờ đến quá nửa đêm chẳng thấy tăm hơi, rất là thất vọng.

Sáng hôm sau, Sinh bảo Kiều-Oanh rằng:

— Ta nhờ em về nói với Thúy-Tiêu rằng: Ta bị tình riêng cõi dục ràng-buộc mà vui-vẻ nghe lời ngon-ngọt gạt-gẩm. Có dàu chỉ xin chuốc chén, bày tỏ chút tình mà còn chưa được, thì mong chi đến chuyện trả con đòi cho Thôi-Giao 崔交 (1), hoặc chuyện Xử-Trọng 處仲 mở cửa gác tha người nữa (2). Sợ khi muôn một thế

---

(1) — Thôi-Giao là một nhà học-giả, ngụ ở Hán-Thượng 漢上, nhà nghèo, có nàng hầu đẹp lại giỏi đàn. Giao phải đem nhờ Vu-Liên-Súy 于連帥 nuôi dưỡng. Súy đem lòng yêu dấu. Thôi-Giao cũng rất nhớ nàng, liền đến phủ Liên-Súy để tìm cách gặp mặt. Chàng đứng ở dưới bóng cây liễu, thấy nàng hầu ra, liền đưa cho bài thơ trong có câu: Hầu môn nhất nhập thâm như hải, Tòng thử Tiêu-Lang thị lộ nhân: 侯門一入深如海，從此蕭郎是路人 Nghĩa là: Vào thấy cửa quyền sâu tựa bể, Tiêu-Lang rầy giống kẻ qua đường. Có người không ưa Giao biết chuyện, viết câu thơ đó lên tường. Liên-Súy sai người tìm Giao đến. Giao lo sợ và hối-hận vô cùng, nhưng phải đến yết-kiến Liên-Súy. Súy chỉ trách qua-loa sao không cho mình hay, rồi trả nàng hầu cho về với Giao (theo Thiên-Trung-Ký 天中記).

(2) — Vương-Xử-Trọng được đời khen là bực cao-thượng, nhưng phải nết háo sắc. Mọi người cản ngăn thì Xử-Trọng nói: Ta không ngờ các ngươi lại kỳ-quặc đến thế! Nói rồi mở cửa gác sau đuổi hết mấy chục tỳ-thiếp ra đường, để mặc ai muốn đi đâu thì đi. Người đương thời lại càng kính nể Xử-Trọng (theo Thiên-Trung-Ký).

nào, lòng lang nghi-kỵ, nết rùa nỗi ghen (1) thì mũi gai rất dễ gây tai vạ, cành ngả từng phen chịu búa rìu (2), thế là mình thất cơ, mà họ đắc kế. Về đi thôi! Về đi thôi! Há vì lẽ tìm châu mà lại đến nằm trước hàm con ly-long (rồng đen) bao giờ (3).

Thúy-Tiêu sai Kiều-Oanh đến nói lại với Sinh rằng:

— Thiếp sở dĩ nấn-ná lâu ngày, chưa làm được cái chết như nàng Lục-Châu là vì lang-quân còn ở đây, ngày nay nghe nói chàng về, còn có ước hẹn điều chi chăng? Thiếp nghe lệ cũ bản-triều cứ đêm mồng một tết có đốt cây bông ở bến Đông-Tân 東津. Hầu hết

---

(1) — Xem chú-thích trong « Truyện yêu-quái ở Xương-Giang ».

(2) — Hàn-Ngụy-Công đời Tống 宋韓魏公 làm quan tại đất Trung-Sơn 中山, có người môn-khách đêm vượt tường sang ngủ nhà con hát. Ngụy-Công đò biết, bèn làm bài thơ trồng trúc có câu : Ân cần tẩy địch gia bồi thực, mạc khiến cuồng chi loạn xuất tường 慇懃洗滌加培植，莫遣狂枝亂出墻. Nghĩa là : Siêng-năng tưới tắm cùng vun bón, không để cành ngang vượt khỏi tường. Người khách liền đáp lại bằng hai câu : Vương-nhân nhược dã liên cao tiết, mạc vị cuồng chi tặng phủ cân 王人若也憐高節，莫為狂枝贈斧斤. Nghĩa là : Giống cao vì được quan thương lại, đừng để cành ngang chịu búa rìu. Ngụy-Công liền tặng khách một ả nữ-tỳ (Theo Cố-Sự).

(3) — Hà-Thượng-Ông nhà nghèo, người con trai lặn xuống sông mò được một hạt châu đáng giá ngàn vàng. Ông bảo : Ngọc-Châu này tất ở hàm con ly-long. Nay mày gặp lúc nó ngủ; chứ nếu nó thức thì đã chết với nó rồi, còn đâu mà lấy được ngọc nữa, (Theo sách Quần-Ngọc).

nhân-dân trong thành kéo nhau đi xem đông như kiến cỏ. Nếu chàng chưa nỡ rẻ bỏ thiếp, thì đến đêm đó xin chờ đợi nhau. Loan chia, phượng hợp, quyết ở phen này. Thiếp xin hoãn cái chết để chờ chàng.

Ý Sinh bèn nhất-quyết.. Trụ-Quốc thấy Sinh xin đi, lấy làm vừa lòng, tặng cho rất hậu, vàng bạc, tơ lụa không tiếc chút gì. Sinh chất đầy lên xe chở về. Giữa đường, Sinh gặp người lão-bộc.

Lão hỏi Sinh :

— Hẳn cậu có điều chi buồn thì phải? Sao người gầy võ hẳn đi, không được như ngày xưa?

Sinh nói rõ duyên cớ và bảo cho biết lời ước-hẹn của Thúy-Tiêu.

Lão-bộc nói :

— Việc này rất dễ, tôi xin hết sức giúp cậu.

Đến hôm mồng một tết, thầy trò cùng nhau ra bến Đông-Tân, quả thấy trong đám mấy cỗ xe có Thúy-Tiêu đang xem ở đó. Lão-bộc rút dùi sắt dắt sẵn trong tay áo ra đập bừa vào đám người hầu cận, khiến bọn phu kiệu, phu tàn chạy tán-loạn rồi lén vào cướp Thúy-Tiêu giữa đám rừng người đem đi. Dư-sinh và Thúy-Tiêu được thấy nhau, nửa phần thương-xót, nửa phần mừng vui. Nhưng còn sợ bọn kia biết, đuổi theo bắt lại.

Thúy-Tiêu bàn rằng :

— Hẳn là kẻ tư-cách đê-hèn mà nắm quyền Vệ 衛

Hoắc 霍 (1) Vì y hay môi-cầu, chạy chọt nên trong nhà nhộn-nhịp khách ra vào. Vàng bạc, châu báu chứa-chất đầy kho. Ngoài sự gặp hỏa tai dữ-dội, thì của cải nhà ấy tưởng không có cách nào phá-tán được. Nhưng y tội ác sâu cay, oán hờn đầy dẫy, thế tất chẳng được lâu dài. Chỉn e hiện giờ thời-vận của y như là thế lửa đương thịnh, sức nóng ghê người. Chi bằng ta hãy tạm ẩn mình náu vết, tránh về thôn quê cho khuất mắt mọi người, mới khỏi mắc vòng tai họa.

Sinh theo kế ấy, bí-mật đưa nhạu xuống Thiên-Trường (Xuân-Trường, Nam-Định), ở đỗ tại nhà người bạn họ Hà 何.

Năm Đại-Trị 大治 (Trần Dụ-Tôn 陳裕宗) thứ 7 (1364) Trụ-Quốc vì xa-xỉ mà bị tội, Sinh mới trở về kinh-sư, thi đỗ tiến-sĩ, vợ chồng ăn ở với nhau đến già.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! Trai bất trung, ông vua trung-chính xấu

---

(1) — Vệ, Hoắc : tức Vệ-Thanh 衛青 và Hoắc-khứ-Bệnh 霍去病.

Vệ-Thanh tên tự là Trọng-Khanh 仲卿, người đời Hán, ở đất Bình-Dương 平陽 có người chị là Vệ Tử-Phu 子夫 được Hán Vũ-Đế sủng-ái. Vệ-Thanh nguyên trước họ Trịnh, mạo nhận họ mẹ. Khi Hán Vũ-Đế đánh Hung-Nô 匈奴, Thanh làm đại-tướng-quân, lập được nhiều công và được phong Trường-Bình Hầu (theo Từ-Hải).

Hoắc Khứ-Bệnh, cũng người đời Hán, quê Bình-Dương, là con bà chị Vệ-Thanh, Triều Hán Vũ-Đế làm chức Phiêu-kỵ Tướng-quân, sang đánh Hưng-Nô 6 lần, có nhiều công-trạng, được phong Quán-quân hầu, và được nhà vua rất trọng-vọng. (Theo Từ-Nguyên).

hổ lấy làm bày tôi ; gái bất chính, kẻ sĩ trung-chính xấu hổ lấy làm vợ.

Ả Thúy-Tiêu xuất thân ở nhà hát, vốn không có đức đoan-trang ; chẳng hiểu sao Dư Nhuận-Chi lại lấy ả và mê-mệt đến thế được. Tại ả hiền chăng ? — Thời hết lấy chàng Trương 張 lại gạ họ Lý (1) 李. Tại nàng đẹp chăng ? — Thời đã làm mê Dương-Thành 陽城 lại hoặc Hạ-Sái 下蔡 (2).

Dư lại coi thường cả sự lui tới, nhẫn nhục đem thân vào ở với người, sờ đầu cọp, vuốt râu cọp, thiếu chút nữa là không thoát khỏi miệng hùm.

Như chàng Dư Nhuận-Chi thật là người ngu-xuẩn vậy.

---

(1) — Bài tự-sự của La Ái-Khanh 羅愛卿 có câu : Đông-gia thực nhi tây-gia túc, cửu tập di phong ; Trương-Lang phụ nhi Lý-lang thê, bản vô định-tính 東家食而西家宿，久習遺風，張郎婦而李郎妻，本無定性。Nghĩa là : Ăn nhà đông lại ngủ nhà tây, quen tuồng lữa-lận ; Vợ họ Trương còn hầu họ Lý, vốn tính đong-đưa.

Lại có truyện : Lý-Quý 李季 có hai vợ, lại hay đi chơi xa. Vợ có tư-tình với người khác. Một hôm Quý về, gian-phu còn ở trong nhà. Vợ cả sợ hãi quá. Vợ lẽ bày mưu rằng : Bảo chàng (tức gian-phu) cởi trần, xõa tóc đi thẳng ra cổng, Bọn mình giả tảng không trông thấy gì. Gian-phu theo kế ấy, cởi trần xõa tóc chạy nhanh ra cổng. Quý trông thấy vội hỏi : Ai chạy ra đó ? Mọi người đáp : Có ai đâu, chúng tôi chẳng thấy chi hết.— Quý nói : Vậy ra ta trông thấy quỉ ư ? Bây giờ làm thế nào ? — Vợ nói : Vậy phải lấy nước ngũ-tính — 五姓 mà tắm gội. Quý nghe theo.

(2) — Dương-Thành, Hạ-Sái là hai huyện thuộc nước Sở đời Xuân-Thu, là nơi các quí công-tử được phong đến đấy. Bài phú của Tống-Ngọc·宋玉 có câu : « Hoặc Dương-Thành mê Hạ-Sái ». Đây ý nói sắc đẹp làm mê cả các bậc công-tử Vương-Tôn.

Truyện bửa tiệc đêm ở Sông Đà

Tranh vẽ NUYÊN

沱江夜飲記

ĐÀ - GIANG DẠ ẨM KÝ

CHUYỆN BỮA TIỆC ĐÊM Ở SÔNG ĐÀ

Năm Bính-Dần (1386), Trần Phế-Đế 陳廢帝 (1) đi săn, đóng hành-cung ở bắc-ngạn sông Đà, đêm mở tiệc yến-ẩm ở trong trướng. Có con cáo từ chân núi đi về phía nam, giữa đường gặp một con vượn già. Cáo bảo vượn :

— Vua tôi Xương-Phù 昌符(tức Trần Phế-Đế) đến săn ở núi này, để ý đến bọn ta lắm đấy. Tính-mạng các loài chim muông, thật như treo đầu dây cung, miệng lưới. nếu thần Đằng-Lục 滕六 còn chậm xuống tuyết, thần Tốn-Nhị 巽二 (2) không mau nổi gió thì nguy đấy. Mình

(1) — Trần Phế-Đế là cháu Trần Nghệ-Tôn 陳藝宗, con Trần Duệ-Tôn 陳睿宗 Duệ-Tôn đi đánh Chiêm-Thành rồi không trở về. Nghệ-Tôn liền dựng Phế-Đế lên thay (theo Quốc-sử).

(2) — Đằng-Lục là thần tuyết, Tốn-Nhị là thần gió. Sách Văn-Uyển chép rằng : Quan thứ-sử Tấn-Châu 晉州 là Tiêu-Chí-Trung 蕭至忠 lúc sắp đi săn, có người tiều-phu ở Hoắc-Sơn 霍山 (thuộc tỉnh Sơn-Tây 山西) thấy một người lớn, quay vào hang núi hú lên một hồi, rồi bỗng thấy hơn trăm con thú chạy tới. Người đó nói : Ta là Huyền-Minh Sứ-Giả 玄明使者 vâng mệnh vua Bắc-Đế báo cho chúng mi biết : ngày mai Tiêu Sứ-quân đi săn, bọn mi sẽ phải chết, có con hươu già quì gối xin cứu mạng. Sứ-giả bảo chúng đến xin thần Nghiêm-Tứ 嚴四 ở hang bên đông giải-thoát cho. Người tiều-phu lại theo đi ngó trộm thì thấy có người đội mũ vàng ra nói : Tiêu Sứ-quân là người nhân-đức mỗi khi sai khiến ai, vẫn thương người phục-dịch bị đói rét, nếu được thần Đằng-Lục làm mưa tuyết, thần Tốn-nhị nổi gió lên, thì Tiêu Sứ-quân sẽ bãi cuộc săn. Hôm sau, quả nhiên nổi gió to, mưa tuyết lớn. Tiêu Sứ-quân không đi săn nữa.

mà không đi cầu-cạnh, thì đến sào huyệt cũng bị phá tan. Tôi định ngang-nhiên vào kiếm lời ngăn cản, anh có vui lòng đi với tôi không?

Vượn già đáp :

— Nếu anh có thể đem lời lẽ sắc bén mà giải vây được, thì thật là thú quá. Nhưng chỉ sợ nói không ăn-thua gì, họ lại sinh nghi, thì sao cho thoát khỏi nạn cháy thành vạ lây (1), há không nhớ chuyện Hồ-tinh, hoa-biểu đó ư (2)?

Cáo nói :

— Những người theo nhà vua đi săn, phần nhiều là hàng võ-biền, bụng dã không có tài bác-học như Trương-Hoa 張華, (3), mắt lại chẳng thấy xa như Ôn-Kiệu (4) thì còn có điều chi mà ngại.

---

(1) Cháy thành vạ lây là do câu «Thành trung thất hỏa, họa cập trì ngư 城中失火禍及池魚». Nghĩa là : trong thành xảy việc hỏa-tai, tai vạ lây đến đàn cá dưới ao. Sách Bách-Gia-Thư 百家書 chép rằng : cửa thành nước Tống phát hỏa, người ta lấy nước ao chữa cháy. Ao cạn hết nước làm cá phải chết khô.

(2) — Sự-tích Hồ-ly, Hoa-biểu đã chú-thích trong «Truyện yêu-quái ở Xương-Giang».

(3) — Trương-Hoa đời Tấn, tự là Mậu-Tiên 茂先 người đất Phương-Thành 方城 học nhiều xem rộng, sách nào cũng nhớ, lại có tính thành nhân chi mỹ, gặp người nghèo hèn mà có chút sở-trường đều được ông tán thưởng, cất nhắc. Trương có công trong việc đánh Ngô, được phong Quảng-Vũ-Hầu 廣武侯 Năm Vĩnh-Hy 永熙 (Tấn Huệ-Đế) (290), con Trương-Hoa là Đề 題 thấy sao Trung-Thai sa xuống, khuyên cha tạm lánh đi, nhưng Hoa không nghe, sau bị Triệu-Vương-Luân sát hại. Phàm sách bí-mật, kỳ-lạ đều do tay Trương-Hoa chép cả, Hoa còn làm ra sách Bác-Vật-Chí. Người thời bấy giờ ví Trương-Hoa như Tử Sản nước Trịnh đời xưa.(Theo Thượng-Hữu-Lục).

(4) — Sự-tích Ôn-Kiệu đã chú-thích trong «Truyện yêu-quái ở Xương-Giang» .

Chúng bèn hóa ra hai người đàn ông mà đi: một người xưng là tú-tài họ Viên 袁 (1), một người xưng là xứ-sĩ họ Hồ 胡 (2), đang đêm đến gõ cửa hành-cung, nhờ kẻ nội-thị đệ lời tâu vào rằng:

— Chúng tôi nghe: Thánh-nhân trị vì thì càn-khôn trong lặng; minh-vương sửa đức thì chim-muông hoà vui. Nay Chúa-thượng đương thời hanh-thái, làm chúa muôn loài, chỉ nên quăng lưới vét người hiền, dăng chài thu kẻ sĩ, đương gội đầu thì vội quấn tóc (3), ngồi trong xe thì dành bên tả (4); đem xe Bồ ngựa Tứ mà săn người hiền nơi thôn-dã, (5), lấy lễ hậu lời khiêm mà đón kẻ

---

(1) — Viên 袁 đây là họ Viên, đồng âm với Viên 猿 là con Vượn.

(2) — Hồ 胡 là họ Hồ, đồng âm với hồ 狐 là con cáo,

(3) — Chu-Công đã là bậc đại-thánh mà tất-tả tiếp-kiến người hiền. Có lần gội đầu mà phải vội quấn tóc đến ba lượt để chạy ra tiếp khách (Theo sách Tính-Lý 性 理).

(4) — Đời xưa Ngụy Công-tử là Tín-Lăng-Quân Vô-Kỵ 信陵君無忌, có đức yêu người tài, kính kẻ sĩ. Trong nhà có đến ba ngàn thực khách, nghe trong nước có bậc ẩn-sĩ là Hầu-Doanh 侯 嬴, đã 70 tuổi lại nhà nghèo, Vô-Kỵ đặt tiệc lớn, họp đủ tân-khách. Ai nấy an-toạ rồi Vô-Kỵ tự cưỡi xe ra đi, bỏ trống chỗ ngồi mé tả, để đi đón Hầu-Doanh. Hầu-Doanh đến, công-tử mời ngồi chỗ cao. Tân khách đều kinh-ngạc. Chú: Theo phép ngồi xe, người được tôn-trọng nhất ngồi mé tả. Sỡ-dĩ Ngụy-Công-Tử ngồi xe mà để trống mé tả là để tỏ lòng tôn-kính người hiền (Theo sách Chu-Kỷ),

(5) — Bồ 蒲 là thứ cỏ ở dưới nước, có thể dùng làm chiếu được. Xe Bồ là lấy cỏ bồ bọc bánh xe để ngồi cho đỡ xóc. Tứ mã 駟馬 là cỗ xe có bốn ngựa kéo. Tây Hán-Sử chép rằng: Hán Vũ-Đế (140-87 trước công-nguyên) dùng xe bồ để đón Mai-Sinh, lại sai sứ đem lụa là, ngọc bích, xe êm, ngựa tứ đi rước 申公 Thân Công,

cao-sĩ minh-hồng (1), để trong triều sẵn người gương mẫu mà ban ân-trạch cho muôn dân, đưa cuộc đời chúng sinh vào cõi nhân-thọ (2). Có sao lại đi săn gấu bắt thỏ, tranh cả công việc của chức sơn-ngu (3) như vậy.

Lúc ấy nhà vua đang say rượu muốn đi nằm, bèn sai quan thủ-tướng Quý-Ly 季璃 mời hai người vào tiếp-kiến, bày tiệc ở thềm khách và hiểu-dụ cho biết việc săn-bắn là phép tắc đời xưa, không thể bỏ được.

Hồ xử-sị nói :

— Những việc đuổi loài tê, tượng là để trừ tai, mở lễ sưu-miêu (4) là để giảng võ. Cuộc săn ở đất Vị-Dương

---

(1) — Vua Chiêu-Vương 昭王 lên làm vua rồi, đi thăm-viếng người mệnh-một, săn-sóc kẻ mồ-côi, chia sướng khổ cùng trăm họ ; nhún mình, hậu lễ để đón người hiền (Theo sách Chu-Kỳ) .

Bốn vị ân-giả ở Thương-Sơn 商山, thường gọi là Tứ hạo, được Hán Cao-Tổ mời ra giúp nước, Tứ-hạo không chịu ra, làm bài hát có câu rằng «Hồng phi minh minh, dặc giả hà tư? 鴻飛冥冥，弋者何思？ - Nghĩa là : Chim Hồng bay cao-tít, người săn nghĩ thế mô ? (theo sách Hán-Thư) .

(2) — Nhân-thọ là nói chúng-sinh được yên-nghiệp và sống lâu (Theo Từ-Nguyên) .

(3) — Sơn-ngu : tên một chức quan đời Chu, trông nom đồ-đạc, xem núi lớn nhỏ và sản-vật có những gì (Theo Từ nguyên). Thiên Thuấn-Điển kinh Thư chú : Vua Thuấn 舜 sai Bá-Ích 伯益 làm chức Ngu-Công để coi công việc núi chằm.

(4) — Sưu 蒐 là lễ đi săn về mùa xuân ; Miêu 苗 là lễ đi săn về mùa hạ.

渭陽 là vì « ông già không phải gấu » (1). Vì muốn khoa-trương sĩ-tốt mà có cuộc săn ở đất Hồng 紅 (2) ; muốn kỳ-thị rợ Hồ 胡 mà có cuộc bắn ở Trường-Dương 長楊 (3). Nay thì không thế, đang mùa hè lại bày việc làm khổ dân là không phải thời (4) ; giẫm lên lúa-má cho thỏa cái thích đuổi chim là không phải chỗ ; quanh chằm mà vây, bọc núi mà đốt là không phải lễ (5). Sao ngài không tâu thánh-chúa tạm lui xa-giá để người cùng loài vật đều được yên-ổn.

---

(1) — Cảnh-Hồi 景囘 ẩn ở bến sông Vị 渭 (sông này phát nguyên ở Điểu-Thử-Sơn, Cam-Túc, chảy qua tỉnh Thiểm-Tây rồi đổ vào sông Hoàng-Hà). Chu Văn-Vương sắp đi săn đến xin Cảnh-Hồi xem bói cho. Cảnh-Hồi bói rồi nói : chuyến này nhà vua sẽ săn được không phải gấu cũng chẳng phải hùm, mà được người về phò-tá nên nghiệp Bá-Vương. Quả-nhiên gặp Thái-Công 太公 (tức Khương-Tử-Nha), rước về tôn làm thầy, (Theo sách Sử-Ký Thế-Gia) .

(2) — Sách Tả-Truyện 左傳 có ghi việc Lỗ-Chiêu-Công 魯昭公 , năm thứ 8 (534 trước công-nguyên), đi săn ở đất Hồng, (nước Lỗ) đem đi đến hàng ngàn cỗ xe.

(3) — Sách Thiên-Trung-Ký chép rằng : Trường-Dương vốn là cung nhà Tần, nhà Hán sửa lại làm nơi nghỉ chơi. (Vì ở đây có nhiều cây thùy-dương nên gọi là Trường-Dương). Hán Bình-Đế 平帝 (1-5) muốn khoe khoang chim muông với rợ Hồ, mà đến săn ở đây, có đem theo đi rất nhiều chim muông.

(4) — Đang mùa thịnh-hạ, cây cỏ đương lớn, nếu đi săn bắn thì giẫm nát lúa má và hại cả khí dương đương lên, thế là làm việc không đúng thời. Sách Vũ-Kinh Tư-Mã pháp 武經司馬法 có nói : mùa đông, mùa hạ không dấy quân là vì lòng kiêm-ái muôn dân.

(5) — Sách Lễ-Ký chép : Chớ tát khô chằm lạch, đừng đốt hết núi rừng. Lại theo Vương-Chế 王制 thì Thiên-Tử không nên vây kín; Chư-hầu không úp cả đàn, côn-trùng chưa ẩn-nấp thì đừng đốt ruộng.

Quý-Ly nói :

— Không được.

Hồ lại nói :

— Đó là tôi thương chim con, thú nhỏ mà nài xin cho chúng, chứ còn những giống tài cao, chân lẹ, thì há chúng lại chả biết xa chạy cao bay đến mé nam núi nam, mé bắc núi bắc (1), đâu có dại như hạng ấp cây đợi thỏ nữa (2).

Quý-Ly nói :

— Nhà Vua đi săn chuyến này, không phải vì ham-mê thú nội, chim rừng (3), mà chỉ vì hằng nghe ở đây có con hồ-tinh ngàn tuổi, cho nên ngài muốn một phen đại-cử để tiễu-trừ, khiến loài gian hết đất dong thân, khôn bề tác quái, còn ngoài ra không can chi cả.

Viên đưa mắt cho Hồ và mỉm cười. Quý-Ly hỏi tại sao mà cười, thì Hồ chợt đáp rằng :

---

(1) — Tiêu-Đại-Viên 蕭大圓 người thời Nam-Bắc Triều, mới lên 4 tuổi mà đã đọc được bài phú Tam-Đô cùng sách Luận-Ngữ và sách Hiếu-Kinh, lòng rất an-nhàn, phóng-khoáng. Tiêu thường nói : Đồng quê có cái thú tiêu-dao, triều-đình phải cái luỵ cài trâm. Phía bắc núi bắc hết vết chân người, phía nam núi nam, ngoài vòng trần-tục. (Theo sách Thượng-Hữu-Lục)

(2) — Đời Tống có người cày ruộng, đêm kia thấy một con thỏ chạy đụng đầu vào gốc cây mà chết. Từ đó anh bỏ nghề cày bừa, cứ ra ngồi đợi dưới gốc cây chờ thỏ chạy va đầu vào gốc cây để bắt, nhưng chẳng bao giờ được thỏ cả. Ai cũng cười anh là đồ ngu-ngốc. (Theo sách ấu-Học 幼學)

(3) — Sách Ngoại-Kỷ 外紀 chú : Hậu-Nghệ, đời nhà Hạ, cậy tài bắn giỏi; không nghĩ tới việc trị dân, chỉ ham-mê săn bắn.

— Hiện còn giống sài-lang đầy đường, sao đã hỏi đến giống hồ-ly làm chi (1) ?

Quý-Ly hỏi :

— Ông nói vậy là ý thế nào ?

Hồ nói :

— Nay thánh-hóa chưa khắp, bờ-cõi chưa yên ; Bồng-Nga 蓬峨 (2) là con chó dại cắn càn ở phương nam ; Lý-Anh 李瑛 (3) là con hổ đói gầm thét ở tây-bắc ;. Ngô-Bệ 吳陛 (4) cú kia dù tuyệt-diệt, song Đường-Lang 唐郎 (5) chuột nọ vẫn rình-mò. Sao không

---

(1) — Hán Thuận-Đế 漢順帝 (126-144) sai bọn Đỗ-Kiều 杜橋 và Trương-Cương 張綱 đi tuần-hành các châu quận, bọn Kiều thì tuân mệnh nhà vua ra đi, còn Trương-Cương nằm lì ở Lạc-Dương và nói rằng : hiện giống sài-lang còn đầy-dẫy, chưa trừ, đi hỏi đến Hồ-ly làm chi ? Bèn bắt chước Đại-tướng-quân là Lương-Kỷ 梁冀 ăn ở ra dạ vô-quân. (theo Đông-Hán-Sử 東漢史).

(2) — Vua Chiêm-Thành 占城 là Chế Bồng-Nga hồi ấy thường đem quân vào quấy rối nước ta. (Theo Quốc-Sử).

(3) — Nhà Minh sai quan Cẩm-y-vệ là Lý-Anh đến mượn đường sang đánh Chiêm-Thành. Lý-Anh đòi phải cho 50 con voi. Từ phủ Nghệ-An 義安 phải đặt đường dịch-lộ và phải cấp lương-thảo đưa đến phủ Vân-Nam 雲南 (Theo sách Quốc-Sử).

(4) — Năm Mậu-Tuất đời Trần Dụ-Tôn (1358), mùa thu tháng 8, Ngô-Bệ, người làng Trà-Hương 茶鄉 họp đảng làm loạn ở núi Yên-Phụ, dựng cây cờ lớn ở trên núi, tiếm vị xưng Vương, yết bảng rằng : «Chẩn cứu dân nghèo» . Từ đất Thiên-Liêu 天寮 (?) đến huyện Chí-Linh 至靈 (Hải-Dương) đều thuộc về y, sau bị quân địa-phương bắt được, đóng cũi đem về Kinh chém. (Theo Quốc-Sử).

(5) — Đời Trần Phế-Đế năm thứ 3 (1379), Nguyễn-Bổ 阮補 ở lộ Bắc-Giang, tự xưng là Đường-Lang Tử-Y 唐郎紫衣 dùng pháp-thuật tiếm hiệu xưng vương, làm loạn, rồi sau bị giết. (Theo Quốc-Sử).

dương cây cung thánh-nhân, tuốt lưỡi gươm thiên-tử ; lấy nhân làm lưới làm giàm, lấy nghĩa làm phên làm mộc ; lấy trung-tín làm giáp làm trụ, (1), lấy hào-kiệt làm vuốt làm nanh ; bền lòng cũi để cầm chân những tướng khó chế-ngự, (2) chuốt cung tên để thị uy những nước chửa phục tòng, đón chẹn quân cùng khấu, bắt giải bọn hung-đồ. mình chẳng mất một mũi tên, mà giặc không còn một mảnh giáp. Cớ sao bỏ những việc đó không làm mà chỉ quanh-quẩn trong việc săn bắn thì dù có được chim muông chất đầy như núi, tôi cũng cho là không đáng kể vậy.

Qúy-Ly bằng lòng nghe theo.

Hai người mừng thầm rằng lời thỉnh-cầu của mình đã đắt rồi. Bèn nâng chén rượu lên uống, rồi bàn luận đâu ra đấy, nói trôi như nước chảy, không hề bị đuối lý.

Quý-Ly giận nói :

— Ta từng lên mặt cùng Minh-Quốc (người Tầu), đấu khẩu với Chiêm-Thành, hùng biện kinh cả đám,

---

(1) — Kinh Lễ, thiên Nho-hạnh 儒行 ghi : Nhà nho có trung-tín để làm giáp trụ, có lễ-nghiã để làm phên-mộc. Chư : Trung, tín, lễ, nghiã để chống lại kẻ khính-mạn, cũng như giáp, trụ, phên, mộc để che đỡ khi gặp nguy-cấp.

(2) — Vua nước Tiền Tần là Kiên (符堅) muốn cho Mộ-Dung-Thùy 慕容暐 (Vua nước Hậu-Yên) ra ở biên-giới phía bắc. Quyền-Dực 權翼 can rằng : Thùy vốn là kẻ đũng-lược hơn người, là thế-gia đất Đông-Hạ, chỉ vì lánh nạn mà đến, bản tâm đâu có phải chỉ muốn làm một chức quán-quân mà thôi. Nuôi y cũng như nuôi chim ưng, chỉ lúc đói thì theo người, mỗi khi nghe gió to nổi lên, lại muốn bay bổng trên mấy từng mây. Ta phải riết giây lồng cho chặt, há lại thả lỏng cho y muốn đi đâu thì đi hay sao ? Kiên không nghe. (theo Tấn-Sử).

chưa từng chùn-nhụt bao giờ, mà nay lại chịu thua các ngươi. Nếu không phải là yêu rừng quỉ nội, thì sao lời lẽ lại sắc nhọn và có sức mạnh đến thế ?

Hai người cũng nổi giận nói :

— Ông là một vị thủ - tướng, đáng lẽ nên tiến - dẫn hiền-tài để làm đồ-dùng cho Nhà-nước (1). Sao lại ghen người hiền, ghét kẻ có tài, há không nhớ Kinh Thư đã có câu « thấy người có tài cũng như mình có » đó du ?

Quý-Ly bèn đổi sắc mặt xin lỗi và an-ủi rằng :

— Tôi nghĩ hiện nay không có nhân-vật nào được như các ông, sao không đốt bỏ áo lá, từ-giã cá tôm ; như : đất Nam - Dương 南陽 rồng nằm chỗi dậy (2) ; Bàng Sĩ-Nguyên 龐士元 vỏ kỷ ruỗi-rong (3) ; bỏ ẩn-dật ra làm khanh-tướng, thay áo vải mà vận xiêm-y ; Làm nên công cao một thời, danh vang muôn thuở, lại nằm chết khô trong hang núi, còn ai biết đến nữa ?

---

(1) — Tây-Hán-Sử chép rằng : Thừa-tướng Điền-Phân 田蚡 đời Hán đón mời tân-khách, tiến-cử hiền-tài, dựng nhà lớn để chứa khách. Vương-Bao 王褒 làm thơ ca-tụng vua thánh được tôi hiền có câu : Hiền - giả quốc - gia chi khí-dụng 賢者國家之器用。

(2) — Từ-Thứ 徐庶 yết kiến Lưu-Bị mà thưa rằng; Chư-Cát Khổng-Minh 諸葛孔明 (thường đọc là Gia-Cát, là con rồng đương nằm ngủ ở Nam-Dương. Lưu-Bị thân-hành đến cầu ba lần mới được Gia-Cát-Lượng dậy ra giúp (Hậu-Hán-Sử) .

(3) — Lưu-Bị đặt Bàng-Thống 龐統 (tức Bàng-Sĩ-Nguyên) làm chức lệnh ở Lỗi-Dương, Thống không chịu làm việc gì hết. suốt ngày chỉ uống rượu. Lưu-Bị nghe tin giận lắm. Khổng-Minh nói : Bàng-Sĩ-Nguyên không phải là tài một trăm dặm, nếu cho ở chức trị-trung biệt-giá, thì người đó mới chịu tung chân ngựa Kỳ. (Hậu-Hán-Sử) .

Hai người cười mà rằng :

— Chúng tôi gửi mình nơi ngọn khói, náu vết chốn hang mây ; ngủ thời lấy cỏ làm đệm êm, khát thời có suối đưa rượu ngọt ; mày khói quẩn chân, hươu nai kết đảng ; bạn lâu ngày cùng lũ khỉ, bạn vong-niên với đàn dê. Chỉ biết ăn bách nhai tùng, ngâm trăng vịnh gió, ngõ hầu khỏi vướng lưới trần, hoài công đâu lo việc thiên-hạ, dù là chỉ phải nhổ một mảy lông (1). Rồi bảo nhau :

— Chúng ta quen tuồng phóng-lãng, không chịu được trong vòng trói buộc. Trước vẫn hay thơ, ngâm vang hang động, đêm nay hầu tiệc, chẳng lẽ lại không có câu nào để kỷ-niệm sao ?

Hồ bèn ngâm rằng :

Nguyên văn :

1. 飲了清泉又碧灘
   悠悠名利不相干
2. 雲邊石窟跳身易
   世上塵籠著脚難
3. 日落眠殘山峙迥
   更闌聽倦夜冰寒
4. 煙霞此去無踪跡
   子我相期久遠看

---

(1) — Dương-thị 楊氏 chỉ biết mình, không nghĩ đến ai, dù chỉ mất một sợi lông mà có lợi cho thiên-hạ cũng không chịu làm. (Theo sách Mạnh-Tử 孟子).

Phiên Âm :

1. *Ẩm liễu thanh toàn hựu bích than,*
   Du-du danh lợi bất tương can.
2. *Vân biên thạch quật khiêu thân dị ;*
   Thế thượng trần lung trước cước nan.
3. *Nhật lạc miên tàn sơn trĩ quỳnh,*
   Canh lan thính quyện dạ băng hàn.
4. *Yên hà thử khứ vô tung-tích ;*
   Tử ngã tương kỳ cửu viễn khan.

GIẢI NGHĨA :

Đại ý.— Bài thơ này con cáo tự-sự, đồng thời để từ-biệt con vượn.

1. Lúc uống nước suối trong, lúc lại uống nước thác biếc.
   Không vương-víu vào vòng danh-lợi nhiêu-khê.
2. Trong hang đá bên mây muốn nhảy ra rất dễ ;
   Còn ở lồng bụi trần thì khó lòng mà nhấc chân ra được.
3. Mặt trời lặn, tỉnh ngủ rồi nhìn chỉ thấy núi cao trơ đó ;
   Canh tàn, đêm lặng, lắng nghe tiếng băng tan thành nước chảy (1).

---

(1) — Sách Viên-Cơ bài Thuật-Chinh Ký 述征紀 chú : Tuyết ở sông mới đông lại thành băng, cần cho con cáo qua sông trước, rồi quân mới qua sau, vì loài cáo muốn sang sông nước đóng thành băng, nó phải lắng tai nghe không có tiếng băng tan ra nước chảy, rồi nó mới sang.

4. Ra đi phen này vào chốn khói mây biệt tích
Xin hẹn cùng anh sau này còn nhiều phen gặp gỡ.

Dịch ra văn-vần :

1. *Suối trong, thác biếc uống quen mùi,*
Danh-lợi nhiều khê chẳng bén mùi.
2. *Hang đá bên mây mình dễ tếch,*
Vòng trần dưới thế bước khôn lui.
3. *Tỉnh mơ, ác lặn, non tro-trền,*
Mỏi lắng canh khuya tuyết xập-xùi.
4. *Mây khói phen này đi biệt tích,*
Còn nhiều gặp gỡ để chung vui.

Viên cũng ngâm rằng ;

Nguyên văn :

1. 萬壑千溪有徑通
悠然拂袖任西東
2. 興來逐伴春山雨
愁去分携別浦風
3. 湘嶺無聲啼落日
楚天有淚泣鸞弓
4. 我投林木君巖穴
堪笑求安計不同

Phiên Âm :

1. *Vạn hác thiên khê hữu kính thông,*
   Du nhiên phất tụ nhiệm tây đông.
2. *Hứng lai trục bạn xuân-sơn vũ ;*
   Sầu khứ phân huề Biệt-phố phong.
3. *Tương-lĩnh vô thanh đề lạc nhật ;*
   Sở-thiên hữu lệ khấp loan-cung.
4. *Ngã đầu lâm mộc, quân nham huyệt,*
   Kham tiếu cầu an kế bất đồng.

GIẢI NGHĨA :

Đại-ý : Bài này con vượn làm để tự-sự mình và cũng để từ-biệt con cáo.

1. muôn ngách ngàn khe có lối thông (1).
— Vụt một cái, phất tay áo, mặc lòng muốn đi về phương nào thì đi.
2. Thích lên theo bạn trên núi Xuân-Sơn lúc trời mưa (2).

---

(1) — Ý nói con vượn đi khe ngách nào cũng lọt.

(2) — Tôn Khác 孫恪 lấy Viên-thị 袁氏, một hôm theo vợ về Nam-Hải thăm nhà, qua đất Thụy-châu 瑞州, ghé vào chùa Thiềm - Sơn 陝山 để thăm người học trò cũ. Đến nơi, nhìn kỹ đường lối, cầm vòng bích-ngọc dâng nhà sư. Sau khi ăn cơm xong, thấy hơn chục con vượn khoác tay nhau đi xuống. Viên-thị động lòng đề thơ rằng : Bất như trục bạn quy sơn khứ, trường khiếu nhất thanh yên vụ thâm 不如逐伴歸山去，長嘯一聲烟霧深. Nghĩa là : Sao bằng theo bạn đi về núi, một tiếng kêu vang đám khói mây. Đề xong quẳng bút rồi hóa ra con vượn mà đi (Theo Thi-học đại-thành).

— Buồn lúc chia tay cùng kẻ mang đồ-vật cho mình (1) trong khi gió thổi bến sông.

3. Tại đỉnh núi Tương không gào lúc mặt trời lặn (2).

— Ở nước Sở có lần sa lệ khóc lúc giương cung (3)

4. Tôi về rừng cây, anh về hang núi, Nực cười cho cái chước cầu yên của chúng ta thực khác đời.

Dịch ra văn vần :

1. *Ngàn ngách muôn khe có lối thông,*
   Phất tay nào ngại bước tây đông.

2. *Vui khi theo bạn cơn mưa núi ;*
   Buồn lúc chia tay ngọn gió sông.

---

(1) — Trong Chu-Thư có chữ : tả hữu huề bộc 左右携僕 là nói người đầy tớ đem đồ-vật cho mình.

(2) — Vận-Thụy có câu : Đề thời mạc cận Tiêu-Tương lĩnh, Minh nguyệt cô chu hữu lữ-nhân 啼時莫近瀟湘嶺，明月孤舟有旅人。 Nghĩa là Vượn có kêu thì đừng đến gần núi Tiêu-Tương mà kêu, vì dưới bóng trăng, trong chiếc thuyền lẻ-loi có người khách phương xa ngụ. Câu này ý nói không muốn cho người nghe vượn kêu buồn mà thêm trạnh niềm cố quận (theo Viên-Cơ). Núi Tiêu-Sơn nay thuộc đạo Cối-Kê (會稽) tỉnh Chiết-Giang (浙江). Núi Tương-Sơn còn gọi là Động-Đình sơn vì ở trong hồ Động-Đình 洞庭, về phía Tây-Nam huyện Nhạc-Dương 岳陽, tỉnh Hồ-Nam 湖南 (theo Từ-Nguyên).

(3) — Sách Ấu-học Kỹ-Nghệ loại 幼學技藝類 chép rằng : Sân nước Sở có con Vượn trắng gọi là thần Bạch-viên, bao nhiêu tay thiện-xạ đều không bắn trúng được. Sau Sở Trang-Vương sai Dưỡng-Do-Cơ ra bắn. Dưỡng-Do-Cơ 養由基 vừa xách cung tên ra chưa bắn, Vượn trông thấy đã ôm cột mà khóc. Khi vừa bắn ra thì Vượn theo tên rơi xuống.

3. *Tiếng bặt trời Tương khi hết nắng ;*
   Lệ tràn đất Sở lúc dương cung.

4. *Tôi về rừng rậm, anh về núi,*
   Cười chước an thân thực lạ lùng.

Ngâm rồi, hai người cáo từ xin đi. Quý-ly mật sai người theo rồi. Đi gần đến lưng chừng núi, chúng hóa thành con cáo và con vượn mà đi mất.

PHẦN BÌNH - LUẬN

Than ôi ! Trời đất sinh ra muôn vật, mà hậu đãi riêng có loài người (1), cho nên người khôn hơn loài vật, dẫu phượng-hoàng là chim thiêng, kỳ-lân là giống thú có nhân, cũng chỉ là loài vật mà thôi.

Cuộc nghị-luận ở sông Đà, cớ sao loài người lại chịu thua loài vật ? - Ôi ! thực có lý - do thay ! Bởi Quý-Ly tâm - thuật bất chính, nên loài vật thành yêu mới dám dở thói khinh nhờn. Giả-sử ngay thẳng như Ngụy-nguyên-Trung 魏元忠 (2) tận trung như Trương-Mậu-Tiên 張茂先 (3), thì chúng nghe giảng sách giữ bếp lửa chưa xong, còn dám đâu tranh-biện gì nữa.

---

(1) — Trời đất sinh muôn vật mà riêng hậu với loài người ; trời đất sinh loài người mà riêng hậu với bậc thánh-nhân. (Theo Kinh Thư, thiên Thái-Thệ).

(2) — Ngụy-Nguyên-Trung đời Đường vốn tính cương-trực lúc còn hàn vi, nhà nghèo, chỉ có một đứa hầu gái, nhân lúc nó phải bỏ bếp để ra ngoài múc nước, có con vượn già vào ngồi coi bếp. Con hầu trở vào bếp trông thấy sợ quá, lên bẩm với Ngụy-Nguyên-Trung. Trung nói : Ý hẳn nó thấy ta thiếu người sai khiến, nên vào coi bếp hộ. Như vậy càng hay chứ sao ? Sao quả không có sự gì khác. (Theo Văn-Uyển).

(3) — Trương Hoa tự Mậu-Tiên đời Tấn, làm chức Thị-Trung, hết lòng trung-trực giúp vua, tiếng vang một thời. Sau bị Phùng-Thống gièm-pha, phải đổi ra làm đô-đốc U-Châu 幽州 vỗ yên Di Hạ 夷夏 , tiếng-tăm lại càng vang-dội, Giả-Hậu là người hiểm-ác mà vẫn phải kính-trọng Trương-Hoa. (Theo sách Thượng-Hữu-Lục).

Ôi! Nước sông Thương-Lang 滄浪 (1), trong thì để giặt mũ, đục thì để rửa chân (2). Việc gì cũng là tự mình hết.

---

(1) — Sông Thương-Lang nay gọi là sông Hán 漢水 là một chi-lưu lớn của sông Giang (Dương-Tử-Giang 揚子江) phát nguyên từ phía bắc Bàn-trủng sơn, huyện Ninh-Quang, tỉnh Thiểm-Tây, chảy qua địa-giới sáu phủ : Hán-trung 漢中, Hưng An 興安, Vân-Dương 鄖陽, Tương-Dương 襄陽, An-Lục 安陸, và Hán-Dương 漢陽, rồi đổ vào sông Giang. (Từ-Nguyên).

(2) — Trẻ con thường hát rằng : Nước sông Thương-Lang chừ ! trong thì để giặt giải mũ, nước sông Thương-Lang chừ ! đục thì để rửa chân. Đức Khổng-Tử nghe tiếng bảo học-trò rằng : Các con nghe đấy. Nước trong để giặt giải mũ, nước đục để rửa chân. Các con liệu mà tự giữ mình (Theo sách Mạnh-Tử).

Truyện người con gái ở Nam-Xương

Tranh vẽ NUYÊN

TÂN-BIÊN TRUYỀN-KỲ MẠN-LỤC

QUYỂN THỨ IV

南昌女子傳

NAM-XƯƠNG NỮ-TỬ TRUYỆN

TRUYỆN NGƯỜI CON GÁI Ở NAM-XƯƠNG

Vũ-Thị-Thiết, 武氏設 quê ở Nam-Xương (Nam-Xang, Hà-Nam), đã dịu-dàng hiền-thục, lại nhan-sắc xinh-tươi. Trong làng có Trương-Sinh 張生 say nết yêu người, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới nàng làm vợ. Nhưng chàng có tính cả ghen, phòng ngừa thái quá, song nàng vẫn một mực khuôn phép, không hề nặng mặt sa mày.

Cuộc đoàn-viên chưa được bao lâu, trong nước có việc đi đánh Chiêm-Thành, bắt nhiều binh lính. Trương-Sinh vốn dòng hào-trưởng, song không theo nghiệp thi thư, lại đương tuổi nhập-ngũ. Theo tên trong sổ đầu quân, chàng phải ra lớp đầu. Lúc chàng ra đi, mẹ dặn rằng :

— Nay con ra tòng quân, xa lìa dưới gối, dẫu là hội công-danh từ xưa hiếm có, nhưng trong vòng tên đạn, phải lấy sự giữ mình làm trọng (1), cần phải biết

(1) — Sách Mạnh- Tử có chữ : Thủ thân vi đại 守身爲大 nghĩa là việc giữ thân mình là trọng đại.

đường tiến-thoái, liệu sức giao-phong, chớ nên tham miếng mồi thơm, để mang vạ mắc vào lưới cá (1). Quan cao, tước hậu, để nhường bạn khác, có thế mẹ mới dỡ lo-âu.

Chàng quỳ mọp vâng lời mẹ dạy.

Vũ-nương cũng rót chén rượu đầy mà thưa rằng :

— Lang-quân ra đi phen này, thiếp chẳng giám mong chàng đeo ấn phong hầu (2), mặc áo gấm về quê (3). Chỉ xin ngày nào hát khúc khải-hoàn mang theo hai chữ bình-an là đủ. Chỉn e việc binh khó liệu, thế địch khôn dò ; man-mọi mà còn lẫn-lút, vương-sư phải dẹp lâu-lai ; công-huân đâu có dễ-dàng, kỳ-hạn còn nhiều trắc-trở, khiến cho vợ trẻ nhớ mong, mẹ già khắc-

---

(1) — Sách Vũ-Kinh Văn-Thao 武經文韜 chú : Trọng-lộc chi hạ, tất hữu tử sĩ ; phương-nhị chi hạ, tất hữu huyền ngư 重祿之下必有死士，芳餌之下必有懸魚 Nghĩa là : dưới bả bổng-lộc, tất có kẻ sĩ phải chết ; dưới miếng mồi thơm, tất có cá phải mắc câu.

(2) — Vương Xương-Linh 王昌齡 đời Đường làm bài « khuê oán thi 閨怨詩 » (nỗi oán hận chốn phòng the) có câu : Khuê-trung thiếu-phụ bất tri sầu, xuân-nhật ngưng trang thướng thúy lâu, Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc, hối giao phu-tế mịch phong hầu : 閨中少婦不知愁，春日凝妝上翠樓；忽見陌頭楊柳色，悔教夫婿覓封侯。 Nghĩa là : Người thiếu-phụ chốn buồng the chưa hiểu nỗi buồn thảm, ngày xuân lên trang điểm trên gác Thúy, chợt trông thấy liễu dủ bên đường, mới hối-hận để chồng ra đi tìm bước công-danh.

(3) — Liễu-Khánh-Viễn 柳慶遠 làm thứ-sử châu Ung 雍 (vùng Thiềm-Tây, Cam-Túc, Thanh-Hải ngày nay). Lương Vũ-Đế 梁武帝 (502-549) nói : khanh đã mặc áo gấm về quê, trẫm không phải lo về phía tây nữa. (Thượng-Hữu-Lục)

khoải. Nhìn mảnh trăng kinh-địa, trạnh nhớ người quan-ải lạnh-lùng ; trông bóng liễu tha-ma, thêm thương kẻ chòi canh tịch-mịch. Dẫu rằng : ngàn hàng kể-lể gần xa, cánh hồng, tăm cá đâu mà nhăn-nhe? Nàng nói đến đó, mọi người đều bùi-ngùi sa lệ.

Rồi đó, chén đưa vừa cạn, dứt áo ra đi. Đoái trông phong-cảnh y-nguyên, mà người đã quan-san cách-biệt.

Bấy giờ nàng đã có mang ; sau khi tương biệt, vừa đủ tiệp-tuần 浹旬 (12 ngày), nàng sinh con trai, đặt tên là Đản 誕. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm. Mỗi khi thấy : bướm bay vườn trước, núi phủ mây Tần (1), trạnh nhớ người góc bể bên trời, càng thêm chua xót.

Bà mẹ cũng vì nhớ Sinh lâu ngày thành bệnh. Nàng hết sức thuốc-thang, lễ-bái, xem bói cúng lễ và tìm lời ngọt-ngào đủ cách khuyên lơn mẹ chồng. Song bệnh tình ngày thêm trầm-trọng, khôn bề qua khỏi. Bà trối lại nàng rằng :

— Tươi héo bởi trời, ngắn dài có số. Mẹ không phải là không muốn đợi chồng con về, mà gắng-gượng thuốc thang cơm cháo ; nhưng dẫu lòng còn muốn sống mà hạn đã đến nơi ; số tận mình cùng, canh tàn chuông

---

(1) — Trong bài thơ Tư-biên thi 思邊詩 (nhớ người biên thú) của Lý-Thái-Bạch 李太白 có câu : Khứ tuế hà thời quân biệt thiếp ? nam viên tuyến thảo phi hồ-điệp. Kim tuế hà thời thiếp ức quân ? Tây-sơn bạch tuyết ám Tần-Vân 去歲何時君別妾？南園線草飛蝴蝶；今歲何時妾憶君？西山白雪暗秦雲。 Nghĩa là : Năm ngoái hồi nào chàng giã thiếp ? Hồi đó bướm vờn lối cỏ vườn nam ; Năm nay hồi nào thiếp nhớ chàng ? Nhớ chàng những lúc mây Tần phủ đầu non Tây đầy tuyết trắng. (theo Cổ-văn).

điểm (1). Tấm thân tàn-tạ, nguy tại hôm mai, không khỏi phiền lụy đến con. Chồng con xa vắng, sống chết nơi đâu, không thể đền ơn con cho phu được. Sau này, trời giúp người lành, ban cho phúc trạch, giống-dòng tươi-tốt, con đống cháu đàn. Mẹ cầu đấng cao xanh kia chẳng phụ con, cũng như con đã không nỡ phụ mẹ vậy. Bà cụ nói xong thì mất. Nàng rất đỗi đau thương, phàm việc ma-chay, tế-lễ, nàng nhất-thiết lo-liệu như đối với cha mẹ đẻ vậy.

Đến năm sau, giặc Chiêm hàng phục, quân lính khải hoàn. Trương-Sinh về đến nhà thì mẹ đã từ trần, con đương học nói. Sinh hỏi mồ mẹ táng ở đâu, rồi một mình ẵm con đi thăm. Đứa trẻ khóc khôug chịu theo cha. Sinh nựng con :

— Con ơi ! Thôi con nín ngay, đừng khóc nữa. Lòng cha cũng đang đau-đớn cảm thương đây.

Đứa trẻ hỏi :

— Ồ ! Ông cũng là cha Đản à ? Sao ông lại biết nói nhỉ ? — Ông không giống cha Đản khi trước, chỉ ngậm miệng chẳng nói tiếng nào.

Chàng lấy làm lạ, gạn hỏi cho tường, thì đứa trẻ nói :

---

(1) — Điền-Dự 田預 đời Tam-Quốc làm quan ở nước Ngụy, sau lãnh chức Thú ở Nam-Dương (thuộc tỉnh Hà-Nam),dẹp tan đạo-tặc, dân-cư yên-ổn, mấy lần cáo quan không được, nói rằng : Tuổi đã 70 mà còn làm quan thì chẳng khác chuông vẳng lúc canh tàn, đêm đi không nghỉ, thế là tội-nhân, bèn cáo bệnh bỏ đi. (theo Thượng-Hữu-Lục). (Chú thêm : Nước Ngụy thời Tam-Quốc gồm những tỉnh : Trực-Lệ, Hà-Nam, Sơn-Đông, Sơn-Tây, Cam-Túc, trung bộ tỉnh Thiểm-Tây, Hồ-Bắc, Giang-Tô, bắc-bộ tỉnh An-Huy, trung-bộ, tây-bộ tỉnh Phụng-Thiên và tây-bắc-bộ Triều-Tiên ngày nay).

— Lúc ông không ở nhà, thường có một ông đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng ẵm Đản bao giờ cả.

Sinh bản tính hay ghen, khi nghe con nói vậy, thì mối ngờ-vực càng thêm thắt chặt, nỗi giận sâu cay, không còn cách nào cởi mở ra được nữa. Sinh về nhà, buông lời mắng nhiếc vợ cho hả giận.

Vũ-nương khóc-lóc mà rằng :

— Thiếp vốn nhà nghèo may được vào làm dâu lệnh tộc. Tình gối-chăn đương lúc mặn-nồng, cơn binh-lửa chia đường rong-ruổi. Ba năm cách-biệt, một tiết vẹn-tròn. Điểm phấn thoa hương, lòng đà nguội lạnh, đường hoa xóm liễu, chẳng đặt vết chân, có lý đâu sinh lòng bạc-hãnh như lời chàng nói. Vậy xin biện-bạch khúc nhôi để giãi lòng ngờ-vực. Xin đừng coi thiếp tựa Huyền-Thê 玄妻 (1) để phải hàm oan như Tiểu-Ngọc 小玉 (2).

---

(1) — Sách Tả-Truyện chú rằng : Đời xưa, Nhưng-Thị 仍氏 sinh được người con gái tóc đen rất đẹp, lóng-lánh soi gương được. Vì mái tóc đen nhánh nên gọi nàng là Huyền-Thê. Quan nhạc-chính Hậu-Quỳ 后夔 lấy Huyền-Thê sinh ra Bá-Phong 伯封 là người có thú tính, lại tham-lam, sau bị Hậu-Nghệ ở Hữu-Cùng 有窮 tuyệt diệt, nên Quỳ không có người thờ cúng.

(2) — Đời Đại-Lịch 大曆 nhà Đường (766-779), Hoắc Tiểu-Ngọc là con gái người tỳ-thiếp của vua nước Hoắc 霍 (nay thuộc huyện Hoắc, tỉnh Sơn-Tây, em Chu-Vũ-Vương được phong ở đây, từ đó lấy chữ Hoắc làm họ), nhan-sắc mặn mà, thường hay ngâm câu «khai liêm phong động trúc 開簾風動竹 , nghi thị cố nhân lai 疑是故人來 » nghĩa là : lật rèm gió lay-động, lại ngỡ cố nhân sang. (Câu này của Lý Thập Lang 李十郎 , tức Lý-Ích 李益 người ở Lũng-Tây 隴西) Tiểu-Ngọc cùng Lý-Ích mê nhau lắm, lại có lời nguyền-ước cùng nhau. Nhưng sau Lý bội ước, không đến với nàng. Vì tương-tư Lý mà Tiểu-Ngọc thành bệnh. Một hôm, Hoàng-Sam-Khách 黃衫客 bắt Lý phải đi. Lý tới nơi, Tiểu- Ngọc vừa thấy mặt Lý thì khóc nức một cơn, rồi rũ ra mà chết. Tưởng-Phòng 蔣防 viết thành truyện để ghi sự-tích.

Sinh vẫn không tin, nhưng vợ hỏi chuyện kia tự đâu mà ra thì chàng giữ kín không kể lại, chỉ kiếm chuyện khác dẫn chứng để sỉ-nhục nàng đủ điều, thời thường xua đuổi nàng đi. Dù xóm làng phân-giải, thân-thích cản ngăn, Sinh cũng chẳng để vào tai.

Nàng bất đắc dĩ nói ;

— Thiếp sở-dĩ lấy chàng là mong có lạc-thú gia-đình và có chỗ tựa-nương cao-cả. Ngờ đâu : Ân-tình tựa lá, sỉ-nhục như non. Nay đà trâm gẫy bình rơi (1), mây tan mưa tạnh (2). Ao lạnh sen vàng ủ-rũ, gió tây dương-liễu tơi-bời ; khóc sương hoa phải lìa cành, kêu xuân én đành bỏ trướng. Nước thẩm, buồm xa, chẳng lẽ lại lên núi Vọng-Phu 望夫 lần nữa (3).

---

(1) — Trong bài thơ «Người đàm-phụ bị chồng bỏ» (Đàm-phụ kiến khí thi 淫婦見棄詩) của Bạch cư Dị có câu : Tỉnh đế dẫn ngân-bình, dục thượng ty thằng tuyệt. Thạch thượng ma ngọc trâm, dục thành trung-ương chiết. Bình trầm trâm chiết tri nại hà, tránh tự kim triêu dữ quân biệt. 井底引銀瓶，欲上絲繩絕，石上磨玉簪，欲成中央折。瓶沉簪折知奈何？爭似今朝與君別。 Nghĩa là : Kéo bình từ đáy giếng, gần miệng lại đứt dây. Lấy đá mài trâm ngọc, gần xong lại gãy ngay. Trâm gãy bình rơi đành sự thế, bữa nay chàng, thiếp phải chia tay.

(2) — Thơ Đỗ-Phủ có câu: Lộ minh tàn nguyệt tại, sơn tĩnh túc vân thu 路明殘月在山靜宿雲收 Nghĩa là : Đường rõ, vừng trăng lợt, núi lạnh bóng mây tan. (theo Vận-Thụy) Đại ý nói tình ân-ái vợ chồng không còn nữa.

(3) — Trên núi phía bắc huyện Vũ-Xương (nay thuộc huyện Ngạc-Thành, 鄂城 tỉnh Hồ-Bắc) có phiến đá «Vọng phu» trông như người đứng. Tương truyền đời xưa có người trinh-phụ ra núi này tiễn chân chồng đi hành dịch ở nơi xa. Chồng đi rồi, vợ đứng trên núi đó trông chồng rồi hóa ra phiến đá cho nên gọi là đá Vọng-Phu: (Theo Tam-Chú Cố-Sự).

Đoạn nàng trai-giới, tắm gội, đến sông Hoàng-Giang (thuộc huyện Nam-Xang, Hà-Nam), ngửa mặt lên trời mà than rằng :

— Kẻ bạc mệnh này : duyên kiếp lỡ-làng, chồng con ruồng-rẫy. Oan tình chịu tiếng không đâu, nên nỗi mang danh bất-chính. Thần Sông có thấu, xin chứng giám cho. Nếu thiếp ở ăn cần-nguyện, một dạ trung-thành, thì xin : ở dưới nước cho hóa làm hạt ngọc Mỵ-Nương (1) ; vùi xuống đất cho hóa làm cỏ thơm Ngu-Mỹ 虞美 (2). Ví bằng nết không trinh-bạch hay lòng chẳng thủy-chung thì : Ở dưới sông cam phận giải lôi cá nuốt, ở trên bộ xin đành thân quạ mổ diều tha, phi

---

(1) — Mỵ-Châu 媚珠 (Mị-Nương), con gái Thục An-Dương-Vương 安陽王, là vợ Trọng Thủy 仲始 bị chồng lừa đem nỏ thần cho chồng xem, rồi chồng thay đổi cái lẫy nỏ. Sau Triệu-Đà 趙陀 (cha Trọng-Thủy) sang đánh. An-Dương-Vương bị thua, đem cả Mỵ-Châu lên ngựa chạy về phía nam. Đến bờ biển, Thần Kim-Quy hiện lên bảo : «Giặc ngồi sau lưng nhà vua đó, sao không giết đi?» Vương giơ gươm lên sắp chém Mỵ-Châu thì nàng khấn rằng : «Thiếp vốn trung-thành một dạ, bị người lừa dối, chết xin hóa làm châu-ngọc để rửa mối hận này. ». Vua chém Mỵ-Châu rồi, máu chảy lênh-láng trên mặt nước, các giống hầu, trai, ngậm huyết nàng mà hóa ra những hạt minh-châu (theo Quốc-Sử).

(2) — Ngu Mỹ-Nhân (Ngu-Cơ) là vợ Sở-Vương Hạng-Võ 楚王項羽. Khi Hạng-Võ thế cùng, chạy đến Cai-Hạ (nay ở phía đông-nam huyện Linh-Bích 靈碧 tỉnh An-Huy 安徽), nàng rút gươm ra tự vẫn. Tương truyền hương hồn nàng không tan, hóa thành hai khóm cỏ trên mồ, ngày đêm cứ quấn-quít vào nhau, người ta gọi là cỏ Ngu-Cơ. Sách Thành-ngữ điển-tích cũng chú : Ngu Mỹ-Nhân thảo là cỏ mọc trên mộ Ngu-Cơ, gần sông Ô-Giang, tương truyền cỏ này màu xám úa.

chỉ bị người đời phỉ-nhổ là gái Hà-Gian 河 間 dâm-đãng (1). Than rồi, nàng gieo mình xuống sông mà chết.

Sinh dẫu giận nàng thất tiết, nhưng đã âm-dương cách-biệt, cũng động lòng thương, cố công tìm vớt thây nàng, nhưng chẳng thấy đâu cả.

Đêm đêm phòng không chiếc bóng, Sinh ngồi khêu ngọn đèn khuya, thao-thức không sao ngủ được, chợt đứa con nói ;

— Ở ! cha Đản lại đến kia rồi !

Sinh hỏi đâu, thì nó chỉ bóng chàng trên vách mà nói :

— Cha đây này !

Vì bình nhật vợ chàng ở nhà một mình thường chỉ bóng nàng trên vách mà bảo đùa con : đó là cha nó. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ ra nỗi oan-khuất của vợ, nhưng không làm sao được nữa.

Hồi đó, có người cùng làng với Vũ-nương là Phan-Lang 潘 郎, trước làm lái đò bến Hoàng-Giang, một đêm nằm mộng thấy một người con gái mặc áo xanh đến van xin tha mạng. Sáng hôm sau, có gã thuyền chài đem biếu Phan một con rùa mai xanh, Phan sực nhớ đến giấc mộng vừa qua, bèn phóng sinh con rùa ấy.

Cuối đời Khai-Đại nhà Hồ (1403-1406), tên phản nghịch Trần Thiêm-Bình (2) về nước, phạm vào cửa

---

(1) — Liễu-Tôn-nguyên 柳宗元 đời Đường viết truyện người dâm-phụ ở Hà-Gian (nay thuộc tỉnh Trực-Lệ), từ đó hàng quốc-thích mới nghe đến tên Hà-Gian 河 間 đều bịt mũi nhăn mặt không muốn nói họ tên người đó, nên chỉ nói tên đất mà thôi.

(2) — Trần-Thiêm-Bình là gia-nô Trần-Nguyên-Huy 陳 元 輝 tên gọi Nguyễn-Khang 阮 康 . Thiêm-Bình được quân Minh đưa về nước (sự-tích đã chú trong «Truyện Đối đáp của lão Tiều núi Na»).

ải Chi-Lăng 支稜 (tức ải Nam-Quan, Lạng-Sơn 諒山). Phan-Lang cùng người làng vượt bể lánh nạn. Thuyền gặp gió to, bị vỡ, người đều chết đuối. Xác Phan-Lang trôi dạt vào qui-động (động rùa) ngoài hải-đảo. Linh-Phi 靈妃 trông thấy chàng, nói :

— Đây là vị ân-nhân đã cứu sống ta ngày trước.

Nói rồi sai lấy khăn hồng cho chàng lau, và cho uống viên Hỏa-lục thần-đan. Chỉ trong giây lát, Phan-Lang hồi tỉnh, nhác thấy cung gấm, cửa ngọc, nhưng còn thần loạn, mắt mờ, không biết là mình đã lạc vào cung thủy-tinh. Lúc đó, Linh-Phi mặc áo cẩm-vân dát ngọc, đi giầy tản-hà nạm vàng, cười bảo Phan rằng :

— Tôi là Linh-Phi ở Quy-động, vợ Quảng-Lợi Vương 廣利王 (1) ở bể nam đây. Nhớ hồi còn nhỏ, thường ra chơi bên sông, bị người thuyền chài bắt được, ngẫu-nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Nay lại gặp ông đây, há chẳng phải lòng trời dun-dủi cho tôi được dịp đền ơn ông đó sao ?

Linh-Phi sai đặt tiệc ở gác Triêu-Dương thết-đãi, có mặt không biết bao nhiêu là phi-tần, vị nào cũng quần là, tóc rủ. Trong đám này có một người, mặt chỉ phớt qua một chút phấn hồng, trông hệt Vũ-nương

---

(1) — Trong bài văn bia ở đền thờ thần Nam-Hải, Hàn-Dũ nói rằng : Thần Nam-Hải ở trên cả các hải-thần, hà-bá tại các phương bắc, đông, tây, hiệu là Chúc-Dong 祝融. Đời Thiên-Bảo 天寶 nhà Đường (742-755), Thiên-Tử phán rằng : Theo cổ-tước thì Công, Hầu là trên hết, nên việc thờ thần núi, thần biển cũng phỏng theo tước đó, hiện nay Vương cũng là tước mà việc phong sắc thì Sơn, Hải-thần vẫn theo tước Công, Hầu, còn tước Vương chỉ để hư-vị không dùng đến, thế là chưa tỏ được hết ý sùng-thượng thần-minh. Từ đó mới tôn phong sắc Nam-Hải-Thần lên là Quảng-Lợi-Vương.

(tức Vũ-thị-Thiết, vợ Trương-Sinh). Phan thường nhìn trộm, nhưng không dám nhận.

Tiệc tan, người ấy trách Phan-Lang rằng :

— Tôi với ông vốn cùng làng mạc, vừa mới cách mặt, đã ra người rưng, sao ông vô tình đến thế ?

Bấy giờ Phan mới tỉnh ngộ biết đích là Vũ-nương rồi, liền gạn hỏi ngọn-ngành.

Nàng đáp :

— Khi trước tôi chẳng may bị người vu cho những chuyện xấu-xa, phải gieo mình xuống sông tự-tử. Quần-tiên ở thủy-cung thương tôi vô tội, mở đường thủy-lộ, cứu cho khỏi chết. Nếu không thì thân đã chôn bụng cá, đâu còn được gặp ông nữa.

Phan-Lang nói :

— Nương-tử : nghĩa chẳng giống Tào-Nga 曹娥 (1), hờn khác xa Tinh-Vệ 精衛 (2), vì giận chồng mà gieo

---

(1) — Nàng Tào-Nga, đời Đông-Hán, người đất Thượng-Ngu 上虞, là con thầy đồng-bóng tên gọi Tào-Hẫn 曹盱 Ngay mồng 5 tháng 5, Hẫn uống rượu say, đứng trên thuyền múa may, rủi té xuống sông chết, năm ấy Tào-Nga mới 14 tuổi, đi dọc theo mé sông kiếm thây cha, suốt bảy ngày, đêm dòng-dã khóc không dứt tiếng, mà kiếm không được, nàng gieo mình xuống sông tự-tử. Sau ba ngày, nàng ôm được thây cha mà nổi lên. Người làng cho là việc thần-kỳ, lập đền thờ nàng. (Văn-Uyển)

(2) — Con gái vua Viêm-Đế (họ Phục-Hy) vượt bể bị sóng đánh, chết đuối ngoài khơi. Sau hóa làm con chim Tinh-Vệ ngậm đá ở núi tây, quyết lấp cạn bể đông để báo cái thù đã làm mình chết đuối. Do tích này mà người ta thường lấy câu «ngậm đá lấp biển» để tỏ mối hờn sâu xa. (Theo Từ Nguyên)

mình xuống sông. Đến nay thấm-thoát đã một năm trời, chẳng lẽ lại không có lòng nhớ quê hương nữa sao ?

Vũ-nương nói :

— Tôi đã bị ruồng bỏ, đành già đời ở trong làng mây nước này, không muốn gặp mặt chồng nữa.

Phan-Lang nói :

— Tôi trộm nghĩ về phần tiền-nhân nương-tử : sân nhà dâu tốt thành rừng, mồ-mả cây lên ngập mắt. Nương-tử dù chẳng nao lòng, nhưng tiền-nhân vẫn mong nhớ Nương-tử thì sao ?

Nghe tới đó, Vũ-nương châu rơi tầm-tã, biến sắc đổi giọng nói :

— Dễ thường tôi không thể ẩn-dấu tông-tích được nữa, vì đã lâu ngày mắc vòng trần-tục. Lại nhớ câu : « Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam » (1) mà xúc động can-trường, bất nhật tôi sẽ tìm về quê quán.

---

(1) — Ngựa Hồ sinh ở đất bắc, cho nên thấy gió bắc nổi thì hý lên vì nó nhớ đất cũ.

Chim Việt sinh ở đất Việt, cảm thụ khí ấm-áp đã quen, cho nên khi sang xứ khác, khi đậu, tất đậu ở cành phía nam là phía có khí ấm hơn. (Theo Viên-Cơ). Theo sử nước ta, Đời Hùng-Vương 雄王 đem cống Trung-Hoa một con bạch-trĩ (chim trĩ trắng). Chim bạch-trĩ tìm nhánh cây ngó về hướng nam mới chịu đậu. Lại có tích : rợ Bắc-Hồ đem dưng Hán Vũ-Đế một con ngựa hay. Từ khi ngựa qua tới Hán, thì không ăn, bỏ uống ; đợi khi có gió bắc mới hý lên một cách buồn thảm. Theo nghĩa bóng thì thành-ngữ «Chim Việt ngựa Hồ» là nhớ cảnh, nhớ nước non. Có câu : Chim Việt ngựa Hồ ngơ-ngáo đó, Hươu Tần yến Tạ lạc-loài mô ? (Theo Thành-Ngữ Cổ-Tích).

Sáng hôm sau, Linh-Phi lấy một cái khăn là sắc tía gói mười hạt minh-châu, sai Xích-Hỗn Sứ-giả 赤鱓使者 (1), đưa Phan-Lang lên khỏi mặt nước, Vũ-nương cũng đưa gửi một chiếc hoa cánh bèo bằng vàng để làm kỷ-vật mà dặn :

— Nhờ ông về nói với Trương-Lang rằng : Nếu chàng còn nhớ chút tình xưa, thì nên lập một đàn giải oan bên sông, đốt cây đèn thần soi xuống nước, tự nhiên, tôi sẽ hiện lên.

Về đến nhà, Phan sang nhà Trương-Sinh thuật lại. Lúc đầu Trương còn không tin, nhưng khi trông thấy chiếc hoa vàng chàng mới kinh-hãi mà rằng :

— Đây quả là hoa vàng của vợ tôi đeo lúc ra đi !

Thế rồi, chàng theo lời lập một đàn-tràng ở bên sông Hoàng-Giang, cúng lễ suốt ba ngày đêm. Quả thấy Vũ-nương ngồi trong kiệu hoa đứng ở giữa dòng sông, có đến hơn năm mươi cỗ xe đi theo, cờ quạt phất-phới, chói lọi bên sông, lúc ẩn lúc hiện. Thấy nàng, Trương vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa sông, nói vọng vào :

— Thiếp đội ơn đức Linh-Phi, đã thề ở cùng bà cho hết kiếp. Đa tạ lang-quân, thiếp chẳng thể trở về nhân-gian được nữa. Nói rồi thoắt đã biến mất.

PHẦN BÌNH LUẬN

Những sự-kiện « giống như thực » thật là rắc rối : Nó dễ làm cho người ta mụ thêm, mà khó làm cho người ta sáng-suốt. Cho nên, mẹ bậc đại-hiền, còn có

---

(1) — Hỗn là một giống cá hay ăn cỏ, nên còn gọi là Thảo-ngư 草魚 .

lúc quăng thoi ngờ-vực (1) ; con nhà hàng xóm, mắc phải điều trộm búa khôn phân (2). Quả thực chở ý-dĩ đầy xe, mà Quang-Vũ 光武 sinh ngờ lão-tướng (3) ; thoáng nghe câu « trói lại chọc tiết », để Tào-Man 曹瞞 phải phụ ân-nhân (4). Việc nàng Vũ-Thị-Thiết cũng na-ná như thế. Nếu không được trời chứng-giám tấc thành, nước không gia hại, thì mình hương vóc ngọc đã chôn vùi bụng cá dưới sông, đâu có được lại thông tin-tức để đức trinh-thuần được bộc bạch ra nữa. Những kẻ làm chồng, tưởng đừng nên để giai-nhân hàm oan nhường này.

---

(1) — Chiến-Quốc-Sách chú : Nước Lỗ có kẻ trùng tên họ với bực đại-hiền Tăng-Sâm 曾參 giết người. Người ta tưởng chính ông, đến báo tin cho mẹ ông biết. Hai người đến báo, bà mẹ vẫn thản nhiên ngồi dệt cửi, vì tin là con mình không khi nào làm việc sát nhân. Nhưng khi có người thứ ba đến báo, bà cũng đâm ngờ con mà quăng thoi đứng dậy (Ngữ-Vận).

(2) — Người thầy bùa mất cái búa, ngờ cho đứa con nhà hàng xóm. Nhìn cách cử-động, ăn nói của nó, nhất nhất đều thấy tỏ ra là nó ăn trộm búa. Nhưng rồi lại tìm thấy búa, hôm sau lại nhìn đứa nhỏ đó, thì thấy cách cử-động của nó chẳng có cái gì tỏ ra nó lấy trộm búa cả. (Theo sách Liệt-Tử)

(3) — Đời Đông-Hán, Mã-Viện 馬援 sang lấn nước ta, thích ăn ý-dĩ. Khi về Tầu, Viện chở một xe đầy ý-dĩ về. Sau Mã-Viện chết rồi, có người dâng thơ gièm Mã-Viện lên vua Hán Quang-Vũ là xe đó chở châu-ngọc và da văn-tê. Hán Quang-Vũ bừng-bừng nổi giận (Quang-Vũ Sử-Ký).

(4) — Tào-Tháo trốn nạn, đến nhà người bạn của cha là Lữ-Bá-Xa 呂伯奢. Bá-Xa sang tây-thôn mua rượu về thết. Tháo nghe sau nhà có tiếng mài dao, liền lén vào hậu-đường để nghe động tĩnh, lại có người nói «trói lại mà giết». Tháo xông vào, bất luận đàn ông, đàn bà, giết cho kỳ hết. Vào đến trong vườn, thấy một con lợn trói để đó. Trần-Cung báo Tháo : Thôi : ông giết lầm người tốt rồi! Bèn vội-vã kéo nhau đi, được vài dặm, bọn Tháo gặp Lữ Bá-Xa cưỡi lừa đèo hũ rượu trở về. Tháo lại giơ đao chém luôn, để khỏi lo về chuyện Bá-Xa báo thù. (Theo Tam-Quốc-Chí).

Truyện Lý-Tướng-Quân

Tranh vẽ NUYÊN

李 將 軍 傳

LÝ TƯỚNG-QUÂN TRUYỆN

TRUYỆN LÝ TƯỚNG-QUÂN

Vua Giản-Định 簡 定 nhà Hậu-Trần lên ngôi ở Mô-Độ 謨 渡 (1). Các hào-kiệt bốn phương, gần xa đều hưởng-ứng, chiêu-tập đồ-đảng làm quân cần-vương. Bấy giờ có Lý Hữu-Chi 李 友 之 ở Đông-Thành 東 城 xuất-thân là người điền-phủ (làm ruộng) nổi lên, vốn tính hung-tợn, nhưng có sức khỏe mà thiện-chiến. Lý được Quốc-Công Đặng-Tất 鄧 悉 tiến-cử cho làm chức tướng-quân và sai lãnh một đạo hương-binh đi đánh giặc. Trong tay đã nắm quyền-hành, Lý đâm ra làm điều trái phép : o-bế phường trộm cướp, thù ghét mặt văn-nho, ham sắc mê tài, lòng tham không đáy ; tậu lắm ruộng vườn, xây nhiều dinh-thự ; đào đồng-nội để làm ao, đuổi xóm-thôn cho rộng đất. Lý lại còn bắt sang huyện-hạt lân-cận lấy hoa thơm, đá lạ. Nhân-dân phục-dịch thật là vất-vả ; anh về em phải thế, chồng nghỉ vợ thay phiên. Ai nấy vai phồng, tay nát, cực nhọc vô-cùng, mà Lý vẫn thản-nhiên chẳng chút động tâm.

Một hôm có người thầy tướng đến cửa ăn mày, biết xem đường họa-phúc. Lý bảo lão xem tướng cho mình. Thầy tướng nói :

---

(1) — Hồ Quý-Ly chiếm ngôi nhà Trần. Con thứ vua Trần Nghệ-Tôn 陳 藝 宗 lên ngôi ở Mô-Độ (nay thuộc huyện Yên-Mô, Ninh-Bình) ngày 12 tháng 10 năm Đinh-Hợi (1407), xưng là Giản-Định-Đế.

— Không có gì lợi cho việc làm bằng lời nói thẳng, không gì chữa khỏi bệnh cho bằng liều thuốc đắng (1). Nếu ngài rộng cho, tôi xin nói hết, đừng vì nói thẳng mà mất lòng, khiến tôi phải dè-dặt, kiêng-kỵ mới được.

Lý nói :

— Được, cứ nói, không hề chi.

Thầy tướng nói :

— Điều thiện-ác tích lâu mới rõ, cơ báo-ứng chẳng chút sai-lầm, cho nên bàn lý trước khi luận số, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay tướng-quân chỉ có bạo-tàn mà không nhân-đức, khinh người trọng của, mượn oai-quyền ngược-đãi sinh-linh, buông tham-dục lừng danh kiêu-hãn. Đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn cách nào tránh tai-ương được nữa !

— Lý cười nói :

— Ta đây, đã sẵn binh-quyền, lại xây đồn-lũy, tay không rời kiếm-kích, sức lướt kịp phong-vân, Trời dù có giỏi, cũng phải tránh ta không kịp, còn giáng họa cho ta sao được ?

— Thầy tướng nói :

— Tướng-quân ỷ sức ngang-tàng, chưa thể lấy lời nói cho hiểu được. Tôi có chuỗi hạt châu nhỏ bé, trông vào

---

(1) — Bái-Công vào Quan-Trung thấy cung-thất nhà Tần đầy đủ màn-trướng, chó ngựa, châu báu và rất nhiều phụ-nữ, muốn đóng lại đó. Phàn-Khoái 樊噲 can ngăn và xin rút về Bá-Thượng 霸上, không nên ở lại, nhưng Bái-Công không nghe. Trương-Lương tâu : Lời ngay-thẳng trái tai nhưng lợi cho việc làm ; thuốc đắng khó uống nhưng chữa khỏi được bịnh, xin chúa-công nghe lời Khoái. Bái-Công bèn rút quân về Bá-Thượng. (Hán-Kỷ).

sẽ rõ cát hung, tướng-quân có muốn xem không ? Vừa nói vừa lấy chuỗi hạt châu trong tay áo ra. Lý đưa mắt nhìn xem thấy trong đó : nào lò lửa, nào vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quỷ ghê-gớm, kẻ cầm thừng-chão, kẻ cầm dao cưa, còn mình thì bị gông xiềng, bò lê đến bên vạc-dầu, nhớn-nhác sợ-sệt. Lý hỏi có cách nào cứu được chăng thì thầy tướng đáp :

— Gốc ác đã sâu, mầm họa sắp nảy. Cái kế gấp-rút ngày nay là không gì bằng thải hết cơ-thiếp, phá bỏ vườn ao, trút hết binh-quyền. nương nhờ cõi phúc. Tuy chưa thể sạch hết tội được, cũng có thể giảm trong muôn một.

— Lý trầm-ngâm hồi lâu rồi nói :

— Thôi thầy đừng nói nữa. Tôi không thể theo kế ấy được. Có lý đâu lại vì lo cái vạ mai sau chưa chắc đã có, mà vội-vàng vứt bỏ những công-cuộc xoay-xở trong mấy năm trường đến lúc sắp thành công đi bao giờ ?

— Rồi từ đó, Lý càng thêm dâm-dật càn-dỡ, chém giết sướng tay. Bà mẹ Lý tức-giận bảo :

— Ham sống ghét chết, lòng người ai ai cũng vậy. Đạo trời sáng tỏ, sao một mình mày dám đa-sát đến thế được ? Không ngờ ta đến lúc tuổi già, lại phải nhìn thấy cái cảnh con bị hình-lục.

— Con trai Lý là Thúc-Khoản 叔款 cũng thường can-gián cha luôn, nhưng vẫn chẳng hối cải chút nào.

— Sau Lý chết ở nhà vào năm 40 tuổi. Người đi đường xôn-xao bàn-tán : «Người làm điều lành có khi phải bỏ mạng dưới gươm đao ; còn kẻ làm điều ác, lại

được chết toàn mạng ngay trong nhà. Không biết đạo Trời đâu nhỉ ? »

— Trước đây có người cùng hạt là Nguyễn-Quỳ 阮 逵, tính tình khẳng-khái, lại chuộng khí-tiết, vốn chơi thân với Thúc-Khoản, nhưng chết đã ba năm rồi. Một hôm Thúc-Khoản đi chơi sớm, bỗng gặp Quỳ ở ngoài đường. Quỳ bảo Thúc-Khoản rằng :

— Sắp có việc tra hỏi phụ-thân anh đó. Tôi vì tình quen thân đến báo cho anh biết trước. Nếu anh muốn đi xem. tối mai tôi cho người lại đón, anh xem sẽ rõ. Nhưng anh nhớ cho : xem rồi phải bưng kín miệng bình, một lời tiết-lộ ra là vạ tới tôi ngay đó. Nói rồi biến mất.

— Đến hẹn, Thúc-Khoản ngồi trong trai-phòng ngóng đợi. Tới nửa đêm, quả thấy mấy người đến đón, đưa tới tòa cung-điện lớn. Có vị Vương-giả đã ngồi trên điện. Người thị-lập đôi bên đều giáp sắt, trụ đồng, tay cầm gươm đao, phủ-việt, hàng ngũ tề-chỉnh, oai-nghiêm.

— Một lát thấy bốn viên phán-quan từ dãy hành-lang mé tả rảo bước đi ra, trong đó Nguyễn-Quỳ là một, đến quỳ trước án, trong tay đều có bản tâu.

— Một viên phán-quan tuyên đọc :

— Vị quan tên Mỗ, ở trên trần-thế, giữ nết cương-cường, ngay thẳng, không sợ quyền-quý, càng cao tước-vị lại càng khiêm-cung, còn biết vì nước bỏ mình, làm rạng-rỡ cho quốc-gia. Thần cúi tâu bệ ngọc, xin cho y-viên đặng thành tiên.

— Một viên tâu :

— Ở nha nọ có tên Mỗ, vốn tính tham-ô, người đến hối-lộ đầy nhà, lại cậy quyền-lộc, rở thói hợm đời, khinh người đức-độ, chưa từng cất nhắc hiền tài cho ra giúp nước, thần xin chuyển báo Nam-tào, tước bớt tuổi thọ.

— Một vị tâu :

— Ở châu kia, có người họ Hà gắng làm điều thiện, cặm-cụi suốt ngày. Mới đây, sau cơn binh-lửa, nạn tật-dịch hoành hành, y lại cho đơn cấp thuốc, cứu sống đến hơn ngàn người. Thần muốn tâu xin cho y được đầu thai cửa phúc, hưởng lộc ba đời, để đền ơn đã cứu sống nhiều người.

— Vị thứ tư tâu :

— Trong thôn nọ, có gã họ Đinh bất mục với anh em, bất hòa cùng tôn-tộc, bắt nạt lũ cháu thơ-dại, thay đổi chúc-thư để chiếm ruộng nương, khiến chúng không còn có chỗ cắm dùi (1). Thần tâu xin bắt gã ấy thác sinh vào nhà túng-đói, hèn-hạ, sống vất-vưởng bên ngòi, bờ lạch, để đền tội ác tranh-đoạt của người.

— Vương-gia đều chuẩn tấu.

— Kế đó, có người mặc áo lụa đỏ, từ bên hành-lang mé hữu đi ra. quỳ xuống tâu rằng :

— Tòa-sở do thần cai-quản, có tên Mỗ, họ Mỗ, ngang ngạnh bất-pháp, giam-cầm trong ngục đã một năm nay chưa kết án, thần xin đưa ra thỉnh mệnh trước Vương-đình.

— Tâu rồi tuyên-đọc bản văn hặc tội sau đây :

---

(1) — Ý nói không còn được tý đất-cát nào.

Nguyên văn :

伏聞：

1. 玄黃肇判分陽清陰濁之形
   民物稟生有惡業善緣之異

2. 如斯種種
   固可枚枚

3. 蓋：
   天能以理賦人不能使人皆賢聖
   人能以身率性不能無性或昏明

4. 故：
   有倚而不中
   有流而爲惡

5. 吉凶之動判然北壯驪黃
   因果之來必爾形聲影響

6. 顧此理本來顯著
   奈夫人一是頑愚

7. 競起怒嗔
   妄生物我

8. 堙河落井汨汨何深
塞塹填坑滔滔皆是

9. 幽沉至此
隕越堪憐

10. 此：
九天垂拔度之科將警迷而覺
暗
十地具輪迴之獄欲戒往而懲
來

11. 過而弗悛
刑之必至

12. 今李某：
蟲沙之質
蟻蝨之軀

13. 締交時霞雨翻雲
萌心處妖精厲鬼

14. 視文學實同枘鑿
重貨財殆若丘山

15. 占人田類漢紅陽
縱虐殺邁隋楊素

16. 戕 人 扇 禍 較 豺 狼 猛 獸 有 加
縱 欲 窮 奢 雖 溪 壑 丘 山 不 足

17. 畢 竟 貪 心 所 使
真 是 奸 人 之 雄

18. 盍 寘 嚴 條
用 懲 來 者

Phiên âm :

1. *Phục văn :*

Huyền-Hoàng triệu phán, phân dương thanh âm trọc chi hình ;

Dân-Vật bẩm sinh, hữu ác nghiệp thiện duyên chi dị.

2. *Như tư chủng chủng,*
Cố khả mai mai.

3. *Cái :*

Thiên năng dĩ lý phú nhân, bất năng sử nhân giai hiền thánh ;

Nhân năng dĩ thân suất tính, bất năng vô tính hoặc hôn minh.

4. *Cố :*

Hữu ỷ nhi bất trung ;

Hữu lưu nhi vi ác.

5. *Cát hung chi động, phán nhiên tẫn, mẫu, ly, hoàng ;*

Nhân quả chi lai, tất nhĩ hình, thanh, ảnh, hưởng.

6. *Cố thử lý bản lai hiển-trứ ;*
Nại phù nhân nhất thị ngoan-ngu.

7. *Cạnh khởi nộ-sân,*
Vọng sinh vật-ngã.

8. *Yên hà lạc tỉnh, mịch-mịch hà thâm :*
Tắc tạm điền khanh, thao-thao giai thị.

9. *U-trầm chí thử,*
Vẫn-việt kham liên.

10. *Thử :*
Cửu thiên thùy bạt-độ chi khoa, tương cảnh mê nhi giác ám ;
Thập-địa cụ luân-hồi chi ngục, dục giới vãng nhi trừng lai.

11. *Quá nhi phất thuần,*
Hình chi tất chí.

12. *Kim Lý-Mỗ :*
Trùng-sa chi chất,
Nghĩ-sắt chi khu.

13. *Đề giao thời phúc-vũ phiên-vân ;*
Manh tâm xứ yêu-tinh lệ-quỷ.

14. *Thị văn-học thực đồng nhuế-tạc ;*
Trọng hoá-tài đãi nhược khẩu-sơn.

15. *Chiếm nhân điền loại Hán Hồng-Dương ;*
Túng ngược sát mại Tùy Dương-Tố.

16. Tường nhân phiến họa, hiệu sài-lang mãnh-thú hữu gia ;

Tùng dục cùng xa, tuy khê-hác khâu-sơn bất túc.

17. Tất cánh tham-tâm sở sử ;

Chân thị gian-nhân chi hùng.

18. Hạp trí nghiêm-điều.

Dụng trừng lai-giả.

GIẢI-NGHĨA :

1. Kính nghe :

Từ thuở bắt đầu phân ra sắc đen, sắc vàng (1), đã chia hình-thể : khí dương trong khí âm đục ;

Muôn dân và loài vật được trời sinh ra, khác nhau ở chỗ người hưởng duyên lành, kẻ cam nghiệp dữ.

2. Sự-trạng là như thế,

Có thể trình bày từng việc.

---

(1) — Sắc đen sắc vàng do hai chữ huyền-hoàng 玄黃 • Kinh Dịch có câu «Phù huyền-hoàng giả, thiên địa chi tạp dã, thiên sắc huyền nhi địa sắc hoàng 夫玄黃者天地之雜也，天色玄而地色黃». Nghĩa là : Nói đến huyền-hoàng tức là nói lúc trời đất hãy còn hỗn-tạp ; trời sắc huyền (đen) mà đất sắc hoàng (vàng). Bài của Dương-Hùng 揚雄 cũng có câu «Huyền-hoàng phẫu phán 玄黃剖判». Nghĩa là sắc đen (trời), sắc vàng (đất) tách riêng ra. Đại ý câu này là nói thuở khai thiên lập địa.

3. Bởi lẻ rằng :

Trời chỉ lấy lý phú cho người, không có thể khiến cho người thành thánh hiền cả được ;

Còn con người phải noi theo tính, nhưng tính-tình không khỏi có kẻ sáng người ngu.

4. Vì thế mà :

Có kẻ thiên-lệch, không giữ đạo trung ;

Lại có người xoay-xở làm điều ác-nghiệp.

5. Mọi việc lành dữ, rõ-ràng như con đực, con cái, sắc đen, sắc vàng (1) ;

Nhân-duyên, quả-báo, chẳng khác tiếng, vang, hình, bóng.

6. Ngẫm lẽ ấy vốn là rõ-rệt ;

Nhưng người đời thật đã ngoan-cố, ngu muội.

7. Tranh đua nổi lòng ghen tức ;

Càn-rỡ sinh chuyện tây-riêng.

---

(1) — Tần Mục-Công 秦 穆 公 hỏi Bá-Nhạc 伯 樂 : Khanh già rồi, còn ai có thể tìm được ngựa tốt không ? — Nhạc tâu : Cửu-Phương - Cao 九 方 皐 coi tướng ngựa còn giỏi hơn thần nhiều. Mục-Công bèn sai Cao đi mua ngựa. Ba tháng sau, Cao về trình là đã kén được ở Sa-Khâu 沙 丘 một con ngựa cái, sắc vàng. Đến khi cho người đi lấy ngựa thì lại là ngựa đực, sắc đen, Tần Mục-Công không bằng lòng, vời Nhạc đến bảo : Hỏng rồi, khanh ạ ! Người khanh sai đi mua ngựa, màu sắc không biết, đực cái không hay, thì còn nói chi đến chuyện xem tính ngựa nữa. — Nhạc tâu : Điều Cao xem giống như thiên-cơ vậy : biết việc tinh-tế mà quên điều thô-sơ, trong rõ bên trong mà quên bên ngoài. Quả-nhiên con ngựa đó là ngựa hay thật. (theo Văn-Uyển)

8. Dìm sông ngã giếng, đắm-đuối càng sâu ;
Lấp hào vùi hố, đầy-dẫy khắp nơi.

9. Đắm chìm đến thế,
Trụy lạc càng thương.

10. Vì thế nên :
Chín từng trời mở đường bạt-độ, để răn kẻ u-mê, thức tỉnh người mờ tối ; (1)
Mười phương đất có ngục luân-hồi để răn kẻ trước, khuyên người sau. (2).

11. Lỗi mà chẳng sửa,
Tội đến không sai.

12. Nay Lý-Mỗ :
Sâu-cát thân hèn (3),

---

(1) — Chín từng trời là : 1) Uất-Thiền Vô-Lượng thiên 鬱單無量天 — 2) Thiền-Bồ Vô-Lượng Thọ-Thiên 禪善無量壽天 — 3) Phạm-Giám-thiên 梵監天 — 4) Đâu-Suất thiên 兜率天 — 5) Kiêu-Lạc thiên 驕樂天 — 6) Hóa-Ứng-thiên 化應天 — 7) Phạm-bảo thiên 梵寶天 — 8) Phạm-Ma Gia-Di thiên 梵摩迦彌天 — 9) Ba-Lê Đáp-Thứ thiên 波黎答恕天 Mỗi từng lại dẫn thêm 3 từng nữa. Cả thảy là 36 từng (Thiên-Trung Ký)

(2) — Dưới địa-phủ có mười điện gọi là Thập-Điện-Minh-Vương 十殿冥王 : 1) Tần-Quảng Vương 秦廣王 — 2) Sơ-Giang Vương 初江王 — 3) Tống-Đế Vương 宋帝王 — 4) Ngũ-Quan Vương 伍官王 —5) Diêm-La Vương 閻羅王 — 6) Biến-Thành Vương 變成王 — 7) Thái-Sơn Vương 泰山王 — 8) Bình-Chính Vương 平正王 — 9) Đô-Thị Vương 都市王 — 10) Chuyển-Luân Vương 轉輪王 .

(3) — Sự-tích đã chú trong truyện Yêu-Quái ở Xương-Giang.

Kiến giun phận mọn.

13. Kết bạn thời tráo-trở như là bóng mây, cơn mưa ;

Trong tâm thời toàn những chuyện gớm-ghê như loài ma-quái.

14. Coi đạo học như mộng tròn xà vuông (1) ;

Trọng của-cải như núi như non.

15, Chiếm-đoạt ruộng người như Hồng-Dương đời Hán (2) ;

Giết mạng người hơn Dương-Tố đời Tùy (3).

16. Hại người gieo vạ, so với hùm beo, thú dữ còn tệ hơn ;

---

(1) — Hán Cao-Tổ ngồi trên lưng ngựa lấy được thiên-hạ rồi, coi đạo học như là đồ bỏ, khác nào xà vuông mà lỗ mộng tròn,không ăn khớp với nhau, không ích gì. (Tây Hán-Kỷ)

(2) — Đời Hán Thành-Đế 漢 成 帝 (32-7 trước công-nguyên), Hồng-Dương Hầu là Vương-Lập 王 立 chiếm đất để người khẩn ruộng cho mình rồi cho quan-trước, có đến mấy trăm mẫnh ruộng tốt bán rất đắt. Sau có người phát-giác ra, Hồng-Dương Hầu bị cất chức. (Theo Cương-Mục)

(3) — Đời Tùy Văn-Đế 隋 文 帝 (589-604), Dương-Tố mỗi khi ra quân lại tìm kẻ lầm-lỗi đem chém đầu hàng trăm người, máu chảy lênh-láng trong doanh-trại, mà Tố vẫn cười nói như không. Đến khi giáp trận, đầu tiên Tố cho vài trăm người ra đối địch, nếu không giữ vững được mặt trận quay chạy trở về là đem chém hết, lại sai vài trăm người khác tiến ra, nếu quay chạy về cũng lại bị giết. Tướng-sĩ thảy đều sợ-hãi, vì ai nấy đều cầm vững cái chết, mà phải đánh liều mạng, nên trận nào cũng thắng. Tố được vua yêu, nói gì cũng nghe. Công nhỏ của Tố cũng được ghi sổ, còn các tướng khác dù có công lớn, phần nhiều bị bọn văn-thư bỏ qua. Vì thế mà Tố tuy tàn-nhẫn, tướng-sĩ vẫn lắm người xin theo. (Tùy Văn-Đế cương Mục).

Lòng ham muốn, nết xa-xỉ. đến khe lạch, núi non còn kém.

17. Hết thảy đều bởi lòng tham xui khiến,
Thực là thủ-đoạn của kẻ gian-ngoan (1).

18. Xin khép nghiêm-hình,
Để răn kẻ khác.

Dịch ra văn Tứ-lục :

1. *Từ thuở khai thiên lập địa, đã phân hình âm đục dương trong ;*
Đến khi dựng vật sinh dân, đà khác nẻo duyên lành nghiệp dữ,

2. *Sự-tình xiết kể*
Bày tỏ một hai.

3. *Bởi lẽ rằng :*
Lý kia trời phú cho người, người đâu thảy là hiền, là thánh ;
Thân nọ người noi theo tính, tính vẫn còn hoặc sáng hoặc ngu.

4. *Cho nên :*
Có lắm kẻ thiên-tư ;
Lại nhiều người gian-ác.

---

(1) — Mạnh Thường-Quân 孟嘗君 thời Chiến-Quốc nuôi khách, bất luận hiền ngu, không phân xấu tốt, trộm lộc vua để gây bè-đảng cho mình ; khoa-trương danh hão, trên khinh-mạn nhà vua, dưới là sâu-mọt hại dân. Đó là thủ-đoạn của kẻ gian-hùng, không nên bắt chước (Theo Chu-Sử)

5. *Dữ lành việc trước, rõ như đực, cái, đen, vàng ;*
Nhân quả duyên sau, giống hệt tiếng, vang, hình, bóng.

6. *Ngẫm lẽ ấy rất là rõ-rệt ;*
Song người nay thật quá ngoan-ngu.

7. *Nỗi tính hờn ghen,*
Sinh lòng hơn thiệt.

8. *Chìm sông ngã giếng, đắm-đuối càng sâu ;*
Vùi hố lấp hào, tơi-bời thế cả.

9. *U-trầm quá đỗi,*
Trụy-lạc đáng thương.

10. *Vì thế nên :*
Chín từng trời bạt-độ mở đường, thức-tỉnh người mê-muội ;
Mười phương đất luân-hồi sẵn ngục, khuyên-răn kẻ trước sau.

11. *Không sửa lỗi-lầm,*
Tất mang tội-vạ.

12. *Nay Lý-Mỗ :*
Thân hèn sâu-cát,
Phận mọn kiến-giun.

13. *Kết bạn-bè tráo-trở mây mưa ;*
Mang tâm-địa gớm-ghê yêu-quái.

14. *Coi văn-học như ngàm-đố lệch,*
Trọng bạc tiền tựa núi non cao.

15. Chiếm ruộng người tựa Hán Hồng-Dương ;
Giết sinh-mạng quá Tùy Dương-Tố.

16. Gieo tai rắc vạ, so hùm beo lang sói khôn tầy ;
Cực dục cùng xa, dù khe suối núi non chưa đủ.

17. Chỉ tại lòng tham thúc-đẩy ;
Mà sinh thủ-đoạn gian-ngoan.

18. Phải khép trọng-hình,
Để răn kẻ khác.

— Tuyên đọc xong, thấy người lại-dịch giải Hữu-Chi ra, để nằm phục trước cửa, rồi lấy roi quất dữ-dội, máu tươi bắn ra nhầy-nhụa. Hữu-Chi giẫy-giụa, rên-rỉ, đau không chịu nổi. Chợt trên điện có tiếng phán-truyền :

— Chia tòa giữ việc là chức-phận của lũ ngươi. Cớ sao việc này bỏ bề-trễ hàng năm nay ?

— Người mặc áo đỏ tâu :

— Vì y tội ác đầy-dẫy, thần không dám luận tội một cách sơ-suất. Nên nay mới tâu trình ngự-duyệt để nghiêm hình-pháp. Rồi tâu kể các tội sau đây :

— Y cướp bắt vợ người, hiếp-dâm con người, nên xử thế nào ?

— Diêm-Vương phán :

— Đó là y đắm chìm trong bể ái (1), nên lấy nước sôi rửa ruột, để lòng dục khỏi phát-sinh.

---

(1) — Kinh Phật có câu : Ái-hà thiên xích lãng, khổ hải vạn trùng ba ; dục miễn luân-hồi khổ, cấp-cấp niệm Di-Đà 愛河千尺浪，苦海萬重波；欲免輪迴苦，急急念彌陀。Nghĩa là : Sông Yêu ngàn thước sóng, bể Khổ rộng bao la ; Luân-hồi như muốn tránh, kíp niệm phật Di-Đà.

— Tả hữu liền lôi Hữu-Chi bỏ vào vạc nước sôi, mình-mẩy đều nát rữa ra. Nhưng đem nước thần vẩy vào, phút chốc lại trở lại lành-lặn như người thường.

— Người mặc áo đỏ lại tâu :

— Y chiếm ruộng nương và phá-hủy tài sản của người, nên xử thế nào ?

— Diêm-Vương phán :

— Đó là vì suối tham dìm nó (1). Nên lấy lưỡi trủy-thủ (2) moi ruột, để lòng tham khỏi nổi dậy.

— Tức thời, tả hữu mổ bụng, moi hết phủ-tạng ra ngoài, rồi lại lấy nhành dương sẽ phất, chỉ trong giây-lát, thân-thể lại nguyên-vẹn.

— Người mặc áo đỏ lại tâu :

— Đến như việc phá-hủy mồ-mả cổ-nhân, mất cả luân-thường với người ruột thịt, nên xử cách nào ?

---

(1) — Xưa tướng Nam-Việt là Lữ-Gia chứa đá ở sông để ngăn quân Hán nên gọi sông đó là Thạch-Môn (ở phía bắc Phiên-Ngung, Quảng-Đông) Người già-cả đời xưa truyền lại rằng : nước sông Thạch-Môn gọi là suối Tham. Uống nước đó, kẻ sĩ thanh-liêm cũng đổi ra lòng tham-lam. Ngô-Ẩn 吳隱 đời Tấn, bản-tính thanh-liêm, làm quan Thứ-Sử Quảng-Châu 廣州 (Quảng-Đông) uống nước sông Thạch-Môn rồi làm thơ rằng : Cổ-nhân vân : thử-thủy, nhất ẩm hoài thiên cảm (kim) ; thí sử Di, Tề ẩm, chung đương bất dịch tâm 古人云此水，一飲懷千金；試使夷齊飲，終當不易心。 Nghĩa là : Cổ-nhân nói : nước này, ai uống vào đều muốn có ngàn vàng ; thử lấy cho Di, Tề (Bà-Di Thúc-Tề) uống, tưởng suốt đời cũng không đổi dạ. Từ đó Ngô-Ẩn càng thanh-liêm hơn trước (Hán Vũ-Đế Cương-Mục).

(2) — Lưỡi dao ngắn, mũi giống hình cái thìa nên gọi là trủy-thủ 匕首 (Sư-Cổ 師古)

— Diêm-Vương trầm-ngâm hồi lâu rồi phán :

Đây là một sự bạo ngược vô-cùng, thì cho xử hình núi đao cây kiếm (1), nước đồng gậy sắt cũng chưa vừa. Phải đem giam vào ngục Cửu-U (2), lấy dây da chẳng đầu, lấy dùi lửa đóng vào chân, cho chim cắt mổ vào ngực, rắn độc cắn vào bụng, trầm-luân khổ-ải, đời đời kiếp kiếp, không bao giờ thoát khỏi nữa. Quỷ sứ lại điệu Hữu-Chi đi.

Lúc đó, Thúc-Khoản đứng ở khe tường ngó trộm cơ-hồ phát khóc thất-thanh. Mấy tên quỷ vội lấy tay bưng miệng y lại đưa về, rồi từ trên không quăng xuống. Thúc-Khoản sợ quá, giật mình tỉnh giấc, thấy người nhà đang ngồi quanh mà khóc và kể lại là mình chết đã hai ngày rồi Nhưng sờ ngực hãy còn thoi-thóp. nên chưa thu-liệm và mai-táng.

Thúc-Khoản liền bỏ cả vợ con, đốt hết văn-tự nợ, bỏ đi vào rừng hái thuốc tu-luyện. Câu chuyện này giữ kín không tiết-lộ cho ai hay. Chỉ có Thúc-Khoản và mấy người nhà được biết mà thôi, cho nên ít người biết mà truyền lại.

---

(1) — Đã chú-thích trong truyện Yêu-quái ở Xương-Giang.

(2) — Cửu-U là 9 địa ngục : 1) Vô-gian a-tụy địa-ngục 無間阿鼻地獄 — 2) Đao-Sơn Hỏa-Luân địa-ngục 刀山火輪地獄 — 3) Kiếm-Thụ Nhập-Hàn địa-ngục 劍樹入寒地獄 — 4) Nhập-Nhiệt Hỏa-Võng địa-ngục 入熱火網地獄。 — 5) Đồ-Cát Thân-Ngâm địa-ngục 屠割呻吟地獄 — 6) Thiết-Sách Thiết-Thành địa-ngục 鐵索鐵城地獄 — 7) Thiết-Xa Thiết-Hoàn địa-ngục 鐵車鐵丸地獄 — 8) Thiết-Sàng hồi-hà địa-ngục 鐵牀灰河地獄 — 9) Trảm-Chước Hắc-Ám địa-ngục 斬斫黑闇地獄。

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! Đạo Trời chí công, vô tư ! Lưới Trời dẫu thưa mà chẳng lọt ! Cho nên có người tuy lúc sinh thời không mang tai-vạ, nhưng chết rồi mới bị cực-hình. Chỉ có điều : tai-họa lúc sống đã không ai thấy, cực-hình lúc chết lại chẳng ai hay. Vì thế mà ở đời có nhiều loạn-thần tặc-tử. Vì thử, để đời trông thấy thì dù có giục làm điều ác cũng chẳng ai dám làm. Thế mà Lý-Mỗ, mắt đã trông rõ còn cứ làm càn-dỡ, thì thật là hạng mặt sứa gan lim, không cần bàn đến vậy.

Tranh vẽ NUYÊN

麗娘傳

LỆ - NƯƠNG TRUYỆN

TRUYỆN LỆ-NƯƠNG

Nguyễn-thị-Diễm 阮氏琰, vốn đòng họ cả ở huyện Đòng-Sơn 東山, là em họ ngoại Trần-Khát-Chân 陳渴真, cùng Lý-thị, một thương-gia ở Cẩm-Giàng 錦江 (Hải-Dương), đều mở tiệm bán phấn tại ngoài thành Tây-Đô 西都 (Thanh-Hóa). Hai nhà là chỗ xóm-diềng gần-gũi, đi lại với nhau ngày thêm thân-mật, nhưng đều chưa có con cái gì.

Một hôm, đến động Hồ-Công 壺公 (1) lễ thần cầu tự, Lý-thị bảo Nguyễn-thị :

— Chúng ta ở ngoài phố đã là chỗ quen thân, cả việc hôm nay cũng không hẹn mà gặp. Ví bằng phải duyên hương-lửa, quyết cho con trẻ sau này thành bạn lứa-đôi, theo kiểu gả bán cho Trần-Bình 陳平, hà tất phải bắt-chước Thôi, Lư, Lý, Trịnh 崔，盧，李，鄭 (2). Nói có sơn-thần chứng-giám, quyết chẳng sai lời.

---

(1) — Động Hồ-Công ở xã Thiên-Vực 天域 huyện Vĩnh-Phúc 永福 .

(2) — Trần-Bình muốn lấy vợ, người giầu-sang không ai chịu lấy chàng. Trái lại, người nghèo hèn thì chàng lại không lấy. Sau một phú-gia là Trương-Phụ 張負 có cô gái gả chồng đã năm lần đều bị chồng chết, nên không ai dám hỏi cô ta nữa. Bình rắp-ranh lấy cô này. Trương-Phụ nói cho con trai là Trọng 仲 hay rằng mình muốn gả cô con cho Bình, thì Trọng chê Bình nghèo, không chịu sinh cơ lập nghiệp. Phụ nói : « Con người mỹ-mạo như Trần-Bình không có lý chịu nghèo hèn mãi sao ». Rồi đem gả con cho Bình. (Văn-Uyển).

Đời vua Đường Thái-Tôn có bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh là cao-môn lệnh-tộc, mỗi khi gặp việc hôn-nhân lại yêu-sách nhiều tiền bạc. (Loại-Tụ).

Sau, quả Nguyễn-thị sinh gái, đặt tên là Lệ-Nương 麗娘 Lý-thị sinh trai, đặt tên là Phật-Sinh 佛生. Đến khi hai trẻ lớn khôn, chúng đều ham việc bút nghiên. Vì lẽ đôi bên thân-mật, đôi trẻ cũng đi lại tự-do, thường cùng nhau xướng-họa văn thơ. Tuy chưa làm lễ nghinh-hôn mà tơ-tình gắn-bó, chẳng khác chi đôi vợ chồng vậy.

Niên-hiệu Kiến-Tân 建新 (Trần-Thiếu-Đế) năm kỷ-mão (1399), xảy ra cái vạ Trần-khát-Chân (1). Lệ-Nương bị bắt vào cung, Phật-Sinh rất là thất vọng. Đến đêm trừ-tịch, cuối canh năm, Sinh còn đang ngủ, chợt nghe có tiếng xôn xao, vội vùng dậy mở cửa ra xem thì thấy hơn trăm kiệu hoa, rầm-rộ đi qua, Sinh nhìn lên câu-lơn cửa đã thấy một bức thư viết vào mảnh lụa giắt ở đó, xem ra chính là bút-tích của Lệ-Nương.

Thơ rằng :

Nguyên-văn :

妾聞：

1. 天有陰陽天道以之而備
   人有夫婦人道以之而成

2. 嗟我何脩
   與君不偶

---

(1) — Hồi Hồ-Quý-Ly giết vua, cướp ngôi nhà Trần. Thượng-Tướng-Quân Trần-Khát-Chân mưu giết Quý-Ly, nhưng việc chưa thành đã bị bại-lộ, Lữ Khát-Chân đều bị giết sạch. Đàn bà con gái có họ với Khát-Chân đều bị bắt làm tỳ-thiếp. (Quốc-Sử).

3. 昔時心事久已相關
今日此離翻成永感

4. 竟落樓前之影
長絨院裡之春

5. 每怕：
鏡舞離鸞
琴操別鶴

6. 春城日暮柳斜寒食東風
流水御溝腸斷上陽宮女

7. 但有：
幽愁種種
清淚波波

8. 悵宿願之多違
笑此生之浪度

9. 柳氏重歸之約好會難期
玉簫再合之緣他生未卜

10. 願君自愛
別締良媒

11. 無以一日之恩
而誤百年之計

12. 悠 悠 心 緒
書 不 盡 言

13. 未 得 鈞 旨
先 此 申 覆

Phiên Âm :

Thiếp văn :

1. *Thiên hữu âm-dương, thiên-đạo dĩ chi nhi bị ;*
Nhân hữu phu-phụ, nhân-đạo dĩ chi nhi thành.

2. *Ta ngã hà tư ?*
Dĩ quân bất ngẫu.

3. *Tích thời tâm-sự, cửu dĩ tương quan ;*
Kim nhật tỵ-ly, phiên thành vĩnh cảm.

4. *Cánh lạc lâu tiền chi ảnh ;*
Trường giam viện lý chi xuân.

5. *Mỗi phạ :*
Kính vũ ly loan,
Cầm thao biệt hạc.

6. *Xuân-thành nhật-mộ, liễu tà hàn-thực đông-phong ;*
Lưu-thủy Ngự-câu, trường đoạn Thượng-dương cung-nữ.

7. *Dãn hữu :*
U-sầu chủng chủng,
Thanh-lệ ba ba.

8. *Trường túc-nguyện chi đa vi ;*
Tiếu thử-sinh chi lãng độ.

9. *Liễu-thị trùng-qui chi ước, hảo-hội nan kỳ ;*
Ngọc-Tiêu tái-hợp chi duyên, tha-sinh vị bốc.

10. *Nguyện quân tự ái,*
Biệt đế lương mối.

11. *Vô dĩ nhất nhật chi ân ;*
Nhi ngộ bách niên chi kế.

12. *Du-du tâm tự,*
Thư bất tận ngôn...

13. *Vị đắc quân-chỉ,*
Tiên thử thân phúc.

GIẢI NGHĨA :

Thiếp tôi nghe rằng :

1. Trời có khí âm, khí dương, đạo trời do đó mà được hoàn-bị ;
Người ta có chồng có vợ, đạo người do đó mới nên.

2. Thương mình vì đâu ?
Chẳng được cùng chàng vẹn lứa đôi.

3. Tâm-sự ngày xưa, từ lâu có mối tương-quan ;
Ly-biệt bữa nay, chuyển thành mối sầu vĩnh-viễn.

4. Trước lầu bóng đã rơi mất,
Trong viện xuân bị giam-cầm.
Những e :
5. Gương chiếu ánh chia loan (1) ;
Đàn vang cung biệt-hạc (2).
6. Thành Xuân bóng chiều, tiết hàn-thực (3), liễu

(1) — Vua nước Kế-Tân 罽賓 nuôi một con chim loan, muốn cho nó hót, làm đủ cách trong ba năm mà nó vẫn chẳng chịu hót tiếng nào. Phu-nhân nói : loan có thấy đồng-loại mới hót. Bèn đem gương treo trước mặt nó. Loan thấy hình trong gương tưởng đồng-loại đến, quả-nhiên cất tiếng hót rất ai-oán một đêm rồi chết (Theo Viên-Cơ).

(2) — Chàng Mục-Tử ở Thương-Lăng 商陵 lấy vợ đã năm năm mà chưa có con. Cha mẹ chàng muốn lấy vợ khác cho chàng. Người vợ hay tin, đương đêm khóc-lóc rất thảm-thiết. Chàng Mục-Tử cảm-thương làm ra khúc hát biệt hạc có câu rằng : Tương quai tị-dực hề cách thiên-đoan, sơn-xuyên du-viễn hề lộ man-man, lãm khâm bất mị hề thực vong xan 將乖比翼兮隔天端，山川悠遠兮路漫漫，攬衾不寐兮食忘餐 . Dịch : Lìa cành từ đây chừ, cách bên trời, núi sông diệu-vợi chừ, đường xa vời, ôm chăn trằn-trọc chừ, ăn quên mùi. (Văn-Uyển).

(3) — Hàn - thực là tiết mồng ba tháng ba âm - lịch. Ngày xưa trong ngày tết này cấm khói lửa, chỉ ăn đồ nguội, cho nên gọi là hàn-thực, để truy - niệm Giới-Tử-Thôi 介子推 , một công-thần nước Tấn trong thời Chiến-Quốc, đã tòng-vong công-tử Trùng-Nhĩ 重耳 . Có lúc đói quá không có gì ăn, Tử-Thôi cắt thịt đùi mình nấu để dâng chúa ăn đỡ đói. Khi Trùng-Nhĩ về nước làm vua hiệu là Tấn-Văn-Công, lại quên mất công Giới-Tử-Thôi. Sau có người tìm cách khéo-léo nhắc Tấn-Hầu. Tấn-Hầu cùng bọn tùy-tùng đi tìm Tử-Thôi để báo ơn. Tử-Thôi không chịu ra, cõng mẹ vào ẩn trong rừng Miên-Thượng. Tấn-Hầu nghe lời cận-thần, ha lệnh đốt rừng để Tử-Thôi phải chạy ra, Nhưng mẹ con Tử-Thôi vẫn không chịu ra, ôm nhau ngồi chết cháy ở trong rừng. (lược theo Thành-Ngữ Điển-Tích). Về sau ngày Hàn-Thực thành lễ vui chơi. Theo truyện Tiên-Hiền 先賢傳 , ở Tinh-Châu 并州 ăn tiết hàn-thực trong một tháng mùa đông. Lại có chỗ nói : Sau tiết đông-chí 105 hay 106 ngày, có mưa to gió lớn, ngày đó là tiết hàn-thực.

lả cành trước ngọn gió đông (1) ;

Nước chảy ngòi Ngự, khiến người cung-nữ trên điện Thượng-Dương (2) phải đứt ruột (3).

7. Luống những :

Mối sầu thầm kín dài dằng-dặc.

Mạch lệ chan-hòa.

8. Đã xót duyên xưa bao lỡ-dở,

Lại nực cười kiếp này uổng-phí.

---

(1) — Hàn-Hoành đời Đường Đức-Tôn (780-804) có câu thơ : Xuân-thành vô xứ bất phi hoa, hàn-thực đông-phong ngự-liễu tà 春城無處不飛花，寒食東風御柳斜. Nghĩa là : Khắp thành Xuân, không chỗ nào là không có hoa bay ; ngày hàn-thực, gió đông thổi, cây liễu trong vườn ngự lả cành. (Thượng-Hữu-Lục).

(2) — Cung Thượng-Dương nay thuộc huyện Lạc-Dương, tỉnh Hà-Nam.

(3) — Chuyện Cố-Huống 顧況 đời Đường bắt được trên ngòi Ngự một chiếc lá cây đồng có đề bài thơ rằng : Nhất nhập thâm-cung lý, niên-niên bất kiến xuân ! hoàn bằng nhất phiến diệp, ký dữ hữu-tình nhân. 一入深宮裡，年年不見春. 還憑一片葉，寄與有情人 • —Dịch nghĩa : Đã vào trong chốn cung vi, năm năm còn có thấy gì là xuân. Lá thư mượn gửi đòi vần, Hữu-tình với khách hồng quần là ai ? Cố-Huống cũng lấy lá viết bài thơ sau đấy thả xuống ngòi Ngự : Hoa lạc thâm-cung loan diệc bi, Thượng-Dương cung-nữ đoạn trường thì. Đế-thành bất cấm đông lưu thủy. Diệp thượng đề thi ký dữ thùy ? 花落深宮鸞亦悲，上陽宮女斷腸時，帝城不禁東流水，葉上題詩寄以誰 ? Dịch là :Thâm-cung loan thảm lúc hoa rơi, để khách cung-phi dạ ai-hoài. Dòng Ngự đế-đô còn chảy mãi, Lá thư tâm sự gửi cho ai ? (Văn-Uyển)

9. Ước hẹn như Liễu-Thị (1) còn trở về, nhưng khó mà gặp dịp ;

Còn chuyện Ngọc-Tiêu tái-hợp nhân-duyên(2), kiếp sau chưa rõ (3),

10. Xin chàng bảo-trọng lấy thân,

Kết mối lương-duyên chỗ khác.

11. Đừng vì một chút ân-tình,

Để lỡ mất kế trăm năm.

---

(1) — Tích Liễu-Thị sau lại trở về với Hàn-Hoành đã chú-thích trong truyện người Nghĩa-phụ ở Khoái-Châu.

(2) — Vi-Cao 韋皐 đời Đường thuở nhỏ qua chơi Giang-Hạ 江夏, có mối tình khăng-khít với Khương-Ngọc-Tiêu. Lúc chia tay, Vi có hẹn nàng : chóng thì năm năm, chầy là bảy năm sẽ trở lại đón, để lại tặng cho nàng một cái nhẫn ngọc và một bài thơ. Sau bảy năm Vi không đến, Ngọc-Tiêu nhịn ăn mà chết. Vi được tin, rất đỗi thương tâm, khắc kinh tô tượng để đáp nghĩa nàng. Đêm, Vi mơ thấy Ngọc-Tiêu đến bảo rằng : Đa tạ ơn chàng, thiếp xin đi thác-sinh lên trần để làm nàng hầu. Sau Vi làm đến chức trung-thư-lệnh, nhân ngày làm lễ sinh-nhật, các trấn-thuộc đều đem tiến quý-vật rất nhiều, duy trấn Đông-Xuyên 東川 dâng một người con hát cũng tên là Ngọc-Tiêu, ngón tay giữa có một vòng thịt giống hệt hình chiếc ngọc mình tặng ngày trước. (Thiên-Trung-Ký)

(3) — Lý Thương-Ẩn 李商隱 đời Đường làm bài Mã-Ngôi-thi 馬嵬詩 có câu : Hải-ngoại đồ văn cánh cửu châu, tha sinh vị bốc thử sinh hưu 海外徒聞更九州,他生未卜此生休 — Dịch là : Ngoài biển nghe đồn có chín châu, Kiếp sau chửa biết kiếp này âu. Đây là nói Dương Qui-Phi 楊貴妃 chết rồi, sau lại cùng Đường Huyền-Tôn 唐玄宗 kết làm vợ chồng trên đảo Bồng-Lai, việc đó chưa rõ có hay không, còn kiếp này thế là hết rồi (Theo Đường-Thi Cổ-Xúy 唐詩鼓吹) .

12. Tâm-sự còn dài,
Thơ không nói hết.

13. Chưa biết tôn-ý thế nào,
Xin gởi chàng trước bức thư này.

Dịch ra văn tứ-lục :

Thiếp nghe rằng :

1. *Trời có âm-dương, luật tạo-hóa mới mong hoàn-bị,*

Người vì chồng vợ, đạo nhân-luân do đó vuông-tròn.

2. *Phận thiếp hẩm-hiu,*

Cùng chàng lỡ-dở.

3. *Tâm-tình buổi nọ, khăng-khít bấy lâu ;*

Ly-biệt hận này, đắng-cay vô hạn.

4. *Trước lầu bóng đã rơi đâu mất ;*

Trong viện xuân còn để đó giam.

5. *Những băn-khoăn :*

Gương rọi ánh ly-loan,

Đàn vang cung biệt-hạc.

6. *Thành xuân bóng xế, ngày hàn-thực liễu lả trước nồm đông ;*

Khe Ngự nước xuôi, cung Thượng-Dương, người đứt từng khúc ruột.

7. *Chỉ những :*
Mối sầu chồng-chất,
Mạch lệ chứa-chan.

8. *Đã đau lòng duyên trước lỡ-làng,*
Lại cười nỗi kiếp này uổng-phí.

9. *Nguyền-ước trùng-phùng Liễu-thị, dịp tốt khôn mong ;*
Nhân-duyên tái-hợp Ngọc-Tiêu, kiếp sau nào biết.

10. *Xin chàng bảo trọng,*
Kiếm chốn xe duyên.

11. *Xá chi một buổi tình chung ;*
Để lỡ trăm năm việc lớn.

12. *Còn nhiều tâm-sự,*
Thơ chẳng hết lời.

13. *Tôn ý chưa hay,*
Mấy lời thưa trước.

Sinh được thơ lại càng thương xót, bỏ ngủ quên ăn. Sau thấy hôn-sự hỏng rồi, liền dời chỗ ở sang miền đông. Vì nặng tình với Lệ-Nương, chàng chưa chịu lấy ai.

Cuối đời nhà Hồ, tướng nhà Minh là Trương-Phụ 張輔 chia quân vào lấn cướp, chiếm đóng kinh-kỳ (1).

(1) — Tháng 9 năm Bính Tuất (1406), nhà Minh sai Phó-Tướng Trương-Phụ lĩnh 40 vạn quân phạm ải Pha-Lũy 坡壘關. Tháng 12 năm ấy, quân Minh vào tới Đông-Đô (Hà-Nội) cướp bóc con gái, châu-ngọc, lụa-là. (Quốc-Sử).

Sinh nghe tin Hán-Thương 漢倉 phải bỏ thành mà chạy (1), đoán chắc là Lệ-Nương cũng bị đem đi theo, bèn từ-biệt mẹ vào nam, mong được gặp mặt. Lặn-lội hàng tuần mới đến cửa bể Thần-Phù, lại được tin tướng giặc Lã-Nghị 呂毅 cướp mấy trăm phụ-nữ, đóng ở phủ Thiên-Trường, hiện lâm vào thế cô, không quân tiếp-viện, Sinh đoán hẳn Lệ-Nương có ở trong đó. Nhưng tay không ở chốn quê người, không làm cách nào được. May vừa gặp khi vua Giản-Định dấy quân ở châu Trường-An, nhưng vì quân mình ít không thể địch lại với quân giặc quá nhiều, muốn lui về giữ Nghệ-An. 乂安. Sinh muốn mượn thế quân nhà vua, đánh úp để cướp lại Lệ-Nương, bèn đến trước ngựa dâng một bài sách đại lược như sau :

Nguyên văn :

1. 臣聞：
   拯渙成功固因興運
   櫟戎得策實本廟謨
2. 故攻人必審於致人
   而破敵當明乎料敵
3. 昨者：
   胡朝失御
   吳子生心
4. 韓觀乘狐托之威蝸爭遠徼
   沐晟逞鴟張之惡蜂蠆郊畿

(1) — Hồ-Hán-Thương bỏ thành chạy vào tháng 5 năm Đinh-Hợi (1407).

5. 致令百餘年安樂之區
轉作數十合紛拏之地

6. 析骸供爨
粉骨爲粮

7. 沿河之億萬生靈誰無切齒
據郡之四方豪傑咸有戰心

8. 必須撥亂宏材
方建扶顛偉績

9. 今大王：
憤陳家之不造
奮夏旅以圖回

10. 持二千不滿之兵
當五道莫彊之寇

11. 雷轟電掣從天之教方張
霧朗雲清復土之功可必

12. 方望還都而陟迹
如何遇敵以班師

13. 固宜：
招鄧悉於演州
留肇基於讁渡

14. 海道犀舟勁棹直抵平灘
步軍長轂高鋒徑趨鹹子

15. 或命將以扼木丸之口
或分兵以撞古弄之城

16. 鯁賊牙於白鶴灣頭無令轉食
植椿木於幔厨津尾用遏奔波

17. 陸勿容方軌之車
水莫共長江之險

18. 夜則燃匊相接
晝則抱鼓相聞

19. 西都之形勢既張
東土之藩維自固

20, 將見：
韓攻則趙應
從合則衛孤

21. 我轉戰而無前師行席上
彼扶傷而不暇敢在眼中

22. 縱猶豫而狐疑
恐狗嘯而鼠竄

23. 時 難 再 得
王 請 勿 疑

24. 伏 望 ：
樹 漢 之 旗
反 唐 之 旆

25. 吾 軍 霆 擊 倘 同 時 合 力 以 併 攻
彼 虜 天 亡 將 匹 馬 隻 輪 之 不 返

Phiên âm :

Thần văn :

1. *Chửng hoán thành công, cố nhân hưng vận ;*
Ngự nhung đắc sách, thực bản miếu mô.

2. *Cố công nhân tất thẩm ư trí nhân ;*
Nhi phá địch đương minh hồ liệu địch.

3. *Tạc giả :*
Hồ-triều thất ngự,
Ngô-tử sinh tâm.

4. *Hàn-Quan thừa hổ thác chi uy, oa tranh viễn-khiếu ;*
Mộc-Thạnh sính trương chi ác, phong thích giao-kỳ.

5. *Trí linh bách dư niên an-lạc chi khu ;*
Chuyển tác sổ thập hợp phân nô chi địa.

6. *Tích hài cung thoán,*
Phấn cốt vi lương.

7. *Duyên hà chi ức vạn sinh-linh, thùy vô thiết xỉ ?*
Tứ quận chi tứ phương hào kiệt, hàm hữu chiến tâm.

8. *Tất tu bát loạn hoành tài,*
Phương kiến phù điên vĩ tích.

9. *Kim Đại-Vương :*
Phẫn Trần-gia chi bất tạo ;
Phấn Hạ-lữ dĩ đồ hồi.

10. *Trì nhị thiên bất mãn chi binh ;*
Đương ngũ đạo mạc cường chi khấu.

11. *Lôi oanh điện xế (xiết), tòng thiên chi thế phương trương ;*
Vụ lăng vân thanh, phục thổ chi công khả tất.

12. *Phương vọng hoàn đô nhi trắc tích ;*
Như hà ngộ địch dĩ bạn sư ?

13. *Cố nghi :*
Chiêu Đặng-Tất ư Diễn-Châu ;
Lưu Triệu-cơ ư Mô-Độ.

14. *Hải-đạo tê chu kính trạo, trực đề Bình-Than ;*
Bộ-quân trường cốc cao phong, kính xu Hàm-Tử.

15. *Hoặc mệnh tướng dĩ ắt Mộc-Hoàn chi khẩu ;*
Hoặc phân binh dĩ chàng Cổ-Lộng chi thành.

16. *Ngạnh tặc-nha ư Bạch-Hạc loan đầu, vô linh chuyển thực ;*
Thực trang mộc ư Mạn-Trù tân vĩ, dụng ắt bôn-ba.

17. *Lục vật dung phương quỹ chi xa ;*
Thủy mạc cộng Trường-giang chi hiểm.

18. *Dạ tắc nhiên sô tương tiếp ;*
Trú tắc phù cổ tương văn.

19. *Tây-Đô chi hình-thế ký trương ;*
Đông-thổ chi phiên-duy tự cố.

20. *Tương kiến :*
Hàn công tắc Triệu ứng ;
Tung hợp tắc Hành cô.

21. *Ngã chuyển chiến nhi vô tiền, sư hành tịch thượng ;*
Bỉ phù thương nhi bất hạ, bại tại nhãn trung.

22. *Tăng do-dự nhi hồ-nghi ;*
Khủng cẩu tiêu nhi thử thoán.

23. *Thời nan tái đắc,*
Vương thỉnh vật nghi.

24. *Phục vọng :*
Thụ Hán chi kỳ,
Phản Đường chi bái.

25. *Ngô quân đình kích, thẳng đồng-thời hợp lực dĩ tinh công ;*

Bỉ lỗ thiên vong, tương thất mã chích luân chi bất phản.

GIẢI-NGHĨA :

1. Thần trộm nghe :

Cứu được cảnh nghiêng-đổ, đành nhân có thời-vận ;

Chống giặc đắc sách, thực gốc ở mưu-mẹo chốn miếu-đường.

2. Cho nên : muốn đánh người phải biết nhử người (1) ;

Mà phá giặc phải tỏ-tường bề liệu sức giặc.

3. Mới đây :

Nhà Hồ sụp đổ.

Quân Ngô sinh lòng.

---

(1) — Tôn-Tử 孫子 nói : kẻ thiện-chiến phải dụ địch đến, chứ đừng để địch dụ mình đi, vì dụ địch đến thì mình được nhàn-hạ, mà để địch dụ mình đi thì mình mệt-nhọc. Tỉ như Cảnh-Yểm 耿弇 sai chặt cây, phao ngôn là để lấp hào sang đánh Cự-Lý, cốt nhử cho Trương-Bộ 張步 đến rồi đánh tan. (Vũ-Kinh 武經)

4. Hàn Quan như cáo mượn oai thiêng (1) oa tranh bờ cõi (2) ;

Mộc-Thạnh giương cái dữ con cú-mèo, nhớ chuyện ong đốt chốn kinh-kỳ (3).

5. Làm cho khu-vực yên vui hơn trăm năm nay ;

Biến thành đất nước mấy mươi nơi rối loạn.

6. Chẻ xương làm củi đun,

---

(1) — Hàn-Quan lãnh tướng-sĩ và 40 vạn quân vào xâm-lấn nước ta tháng 4 năm Bính-Tuất (1406) (Quốc-Sử). Phương ngôn có câu «Cáo mượn oai hùm» là nói mượn thế người khác để đi nạt người. Vua Sở hỏi quần thần : Phương bắc sợ Chiêu-Hề-Tuất 昭奚恤 như thế nào ?» — Giang-Ất tâu : «Có con hùm bắt được con cáo. Cáo bảo hùm : Ngươi chớ ăn thịt ta. Trời sai ta xuống làm anh cả các giống thú. Chả tin thì ngươi để ta đi trước, ngươi theo sau mà xem sẽ rõ, thế rồi hai con cùng đi. Các giống thú trông thấy hùm đều chạy trốn. Hùm không biết là chúng sợ mình mà lại ngỡ là sợ cáo thật. Phương Bắc ngày nay có sợ là sợ quân nhà Vua, chứ có sợ gì Chiêu-Hề-Tuất». (Chiến-Quốc-Sách 戰國策).

(2) — Oa đây là con oa-ngưu (sên), một loài côn-trùng nhỏ có hai sừng. Kinh Nam-Hoa 南華 chú : Họ Man. 蠻 và họ Xúc 觸 ở hai sừng con oa-ngưu cũng đánh nhau để tranh giành đất-cát. Hán-việt tự-điển cũng chú : oa-giác vi danh 蝸角微名 (cái danh nhỏ xíu) là nói khí-cục nhỏ bé.

(3) — Niên-hiệu Nguyên-Gia 元嘉 (Hán Hoàn-Đế 漢桓帝) năm đầu (151) có bọn thảo khấu hơn trăm tên ở quận Kiến-An 建安 vào quận-lỵ cướp bóc tài-sản, bắt-bớ con gái lại chực vào kho vơ-vét của quý. Quận-Công có nuôi ong để riêng một nơi, lúc giặc đang phá cửa, thì có đến mấy vạn con ong mật xông ra đốt. Đám giặc thân-thể đau nhức, mắt sưng húp không mở ra được, đành bỏ hết đồ-đạc mà chạy lấy người.

Tán xác làm lương ăn (1).

7. Hàng ức vạn sinh-linh rẻo duyên-giang, ai không nghiến răng căm giận ?

Hào-kiệt bốn phương giữ các quận huyện, thảy đều muốn đánh.

8. Phải có những bậc tài cao dẹp loạn,

Mới lập được kỳ-công trong khi thế nước chông-chênh.

9. Nay Đại-Vương :

Ôm mối hận nhà Trần gặp cơn chuân-bĩ,

Phấn-khởi lòng quân nhà Hạ (2) để mưu đồ khôi-phục.

10. Cầm toán quân chưa được hai ngàn,

Đương đầu với năm đạo binh giặc không ai mạnh bằng.

---

(1) — Lỗ Tuyên-Công 魯宣公 năm thứ 14 (595 trước Công-nguyên) tháng 9, quân Sở vây quân Tống ; người nước Tống sợ hãi. Vua Tống sai Hoa-Nguyên 華元 đang đêm lẻn vào trại Sở, đến tận giường Tử-Phản 子反 lay dậy mà nói rằng : «Chúa công tôi sai tôi sang cho lão-gia hay về tình-trạng đau thương bên tệ-quốc : dân phải đổi con để ăn thịt, chẻ xương khô làm củi đun ; tuy nhiên cuộc minh-thệ dưới chân thành, dù chết cả nước cũng đành chịu, không thể theo được. Lão-Gia có chịu lui binh ra ngoài ba mươi dặm thì bảo sao chúng tôi cũng xin theo». Tử-Phản cả sợ, ước hẹn lui binh. Đoạn tâu Sở-Vương lui binh ra ngoài ba mươi dặm. Thế rồi hai bên giao-ước bãi binh (Tả-Truyện).

(2) — Vua Thiếu-Khang 少康 (2079-2058 trước Công nguyên) nổi quân trung-hưng cơ-nghiệp nhà Hạ.

11. Sấm vang chớp giựt, phải làm như thế mạnh tự lưng trời mới buông ra (1) ;

Mù sáng mây quang, việc lấy lại đất-cát có cơ thành-tựu.

12. Đã rắp mong trở về kinh-kỳ gây lại nghiệp cũ;

Cớ sao thấy giặc lại rút quân lui ?

13. Tưởng nên :

Vời Đặng-Tất ở Diễn-Châu sang (2) ;

Lưu Triệu-Cơ ở lại Mô-Độ (3).

14. Đường bể thì dùng thuyền bền chèo cứng, đến thẳng Bình-Than (4),

---

(1) — Chu-Á-Phu đời Hán hồi đánh nhau với bảy nước, đem quân từ Huỳnh-Dương 滎陽 đến Bá-Thượng 霸上 Triệu-Thiệp 趙涉 ngăn lại nói: «Sao tướng quân không đem quân đi về phía hữu, qua Lam-Điền 藍田 ra ải Vũ-Quan, rồi đến Lạc-Dương, vào thẳng Vũ-Khố 武庫. Có thế thì chư-hầu nghe tin mới hoảng hồn, tưởng chừng như tướng-quân tự trên trời sa xuống (Tây-Hán kỷ).

(2) — Đặng-Tất người xã Đông-Thành 東城 phủ Diễn-Châu, lại có chỗ nói Đặng-Tất là người huyện Hải-Lăng 海陵 phủ Triệu-Phong 肇豐 (Thuận-Hóa). Hồi quân Minh sang xâm-lấn, Vua Giản-Định nhà Trần đi đánh phương nam. Tất nghe tin, đem quân đến góp sức, phá giặc ở đất Bô-Cô, 逋姑 tiếng-tăm lừng-lẫy, được vua phong tước Quận-Công (Quốc-Sử).

(3) — Trần Triệu-Cơ người phủ Thiên-Trường, xứ Sơn-Nam (Quốc-Sử).

(4) — Sông Bình-Than còn gọi là Bàn-Than 盤灘 hay Bài-Than 排灘 ở huyện Chí-Linh (Hải-Dương) là hợp-lưu sông Xương-Giang 昌江 và sông Thị-Kiều-Giang 市橋江 chảy tới hai rặng núi Chí-Linh và Phả-Lại 普賴 thì thành một khu mông-mênh bát-ngát ; đến cửa sông Đò-Lỗ 徒魯 lại chia làm hai chi-lưu mà đổ ra biển.

Quân bộ thì xe lớn giáo dài, thẳng tới cửa Hàm-Tử (1).

15. Hoặc sai tướng chẹn cửa Mộc-Hoàn (2) ;

Hoặc chia binh đánh thành Cổ-Lộng (3).

16. Ngăn-chặn đường tiếp-tế lương-thực ở đầu vũng Bạch-Hạc (4) ;

Đem cọc đóng ở cuối bến Mạn-Trù (5) không để giặc tháo chạy.

17. Đường bộ không để cho xe địch đi sóng đôi,

Dưới nước không cho địch chia hiểm của Trường-Giang (6).

---

(1) — Cửa Hàm-Tử nay thuộc xã Hàm-Tải 鹹 載 huyện Đông-An 東 安 phủ Khoái-Châu.

(2) — Cửa Mộc-Hoàn ở xã Mộc-Hoàn, huyện Tiên-Phong 先 豐 phủ Tam-Đới 三 帶 (Sơn-Tây).

(3) — Thành Cổ-Lộng ở xã Cổ-Động 古 峒 huyện Thanh-Liêm 青 廉 phủ Lý-Nhân 李 仁 (Hà-Nam).

(4) — Vũng Bạch-Hạc ở sông Bạch-Hạc, huyện Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên 永 安 .

(5) — Bến Mạn-Trù ở xã Mạn-Trù, huyện Đông-An, phủ Khoái-Châu, Hưng-Yên.

(6) — Trương-Chiêu 張 昭 nói với Tôn-Quyền 孫 權 « Sở-dĩ Tướng-Quân mà chống được Tào-Tháo 曹 操 là nhờ thế hiểm sông Trường-Giang. Nay Tháo lấy được Kinh-Châu 荊 州 tức là chia mất thế hiểm sông Trường-Giang với ta rồi » (Tam-Quốc).

18. Đêm thì đốt cỏ liên-tiếp (1),
Ngày thì thúc trống vang tai (2).

19. Hình-thế Tây-Đô đã tiến-triển,
Bờ-cõi Đông-Thổ tự-nhiên bền vững.

20. Sẽ thấy rằng :
Hàn bị đánh thì Triệu ứng-cứu,
Thế « TUNG » kết hợp được thì thế « HÀNH » bị tan (3).

21. Ta chuyển đánh không kẻ dám đương, quân dường đi trên chiếu trải (giải) ;
Giặc cứu nguy không kịp, thất-bại trông thấy.

22. Nếu mình còn do dự (4) hồ-nghi ;
E rằng chó xủa, chuột chạy.

---

(1) — Trương-Tề-Hiền 張齊賢 đời Tống làm quan ở Đại-Châu 代州, rợ Khất-Đan 契丹 đến xâm-lấn. Trương liền sai hai trăm quân, mỗi tên mang một lá cờ và một bó cỏ. Cờ cắm rải-rác một quãng đường dài ba mươi dặm, rồi đốt lửa lên. Khất-Đan nhìn thấy ánh lửa sáng có cờ xí la-liệt, cả sợ, đang đêm kéo quân trốn chạy. Trương đuổi đánh phá tan quân địch (Tống-Sử).

(2) — Điền-Đan 田單 nước Tề, đánh nước Địch 狄 ba tháng không hạ được thành, sau nghe lời Trọng-Liên 仲連 tự mình ra trước trận thúc trống tiến đánh, ba quân ai nấy hăm-hở cố đánh, thế là hạ được. (Chu Noãn-Vương 周赧王 kỷ).

(3) — Tô-Tần 蘇秦 thời Chiến-Quốc đi du-thuyết sáu nước (Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở) liên-kết lại gọi là thế «Hiệp-tung» để chống Tần. Trái lại, Trương-Nghi 張儀 bày ra kế «Liên-hành» liên-kết sáu nước lại để thờ Tần.

(4) — Do và Dự là hai giống thú, có tính đa nghi. Về sau tiếng «do-dự» để chỉ người làm việc ngần-ngừ, không quả-quyết.

23. Dịp tốt khó có hai lần,
Xin nhà Vua đừng nghi-ngờ gì nữa.

24. Cúi mong :
Dựng cờ nhà Hán (2),
Trở biển nhà Đường (3).

25. Quân ta đánh bất thình-lình, đồng thời các nơi hợp lực tiến công ;
Giặc kia trời bắt diệt-vong, một con ngựa, một cỗ xe không còn mà trở về

Dịch ra văn tứ-lục :

Thần trộm nghe :

1. *Cứu đặng cơ nguy, vẫn tùy thời-vận,*
Đánh lui quân giặc, cốt có mưu-mô.

2. *Nên đánh người cần biết cách nhử người,*
Mà phá giặc phải sành bề liệu giặc,

3. *Mới đây :*
Hồ vừa mất nghiệp,
Ngô đã sinh lòng.

4. *Hàn-Quan kia cáo mượn oai thiêng, sên giành bở-cồi.*

---

(2) — Hàn-Tín 韓信 đánh Triệu, dùng kỳ-binh nhổ cờ Triệu, dựng cờ Hán lên (Tây-Hán sử).

(3) — Đường Túc-Tôn 唐肅宗 (756-762) thu quân ở Linh-Vũ 靈武 trở cờ tiến về phía đông đánh An Lộc Sơn 安祿山 (theo Đường-Sử).

Mộc-Thạnh nọ diều giương mỏ dữ, ong đốt kinh-kỳ.

5. *Khiến cho khu-vực ngoài trăm năm trong cảnh yên-vui ;*

Biến thành bờ-cõi mấy mươi đoạn làm vòng điều-đứng.

6. *Chẻ xương làm củi,*

Tán xác làm lương

7. *Rẻo duyên-giang ức vạn sinh-linh, nghiến răng căm giặc :*

Khắp châu-quận bốn phương hào-kiệt, dốc chí tiêm cừu.

8. *Muốn vẻ-vang trước cuộc phò nguy ;*

Phải thao-lược trong cơn dẹp loạn.

9. *Nay Đại-Vương :*

Buồn vận Trần gặp cơn truân-bĩ ;

Nỗi quân Hạ tính cuộc trùng-hưng.

10. *Cầm nghĩa-binh chưa đủ hai ngàn,*

Chống cường-khấu có thừa năm đạo ;

11. *Sấm vang chớp giựt, tự lưng trời thế mạnh tung ra :*

Mù tạnh mây quang, dồn mặt đất công cao thu lại.

12. *Đã rắp về kinh xây nghiệp cũ,*

Cớ sao gặp giặc rút quân lui.

13. *Tưởng nên :*
Qua Diễn-Châu, Đặng-Tất triệu về ;
Giữ Mô-Độ, Triệu-Cơ lưu lại.

14. *Dưới nước thuyền bền chèo cứng, thẳng tới Bình-Than ;*
Trên đường xe rộng gươm dài, tắt sang Hàm-Tử.

15. *Lại chia quân đánh thành Cổ-Lộng ;*
Cùng sai tướng chặn cửa Mộc-Hoàn.

16. *Đầu sông Bạch-Hạc đặt quân canh, cản đường tiếp-tế ;*
Cuối bến Mạn-Trù đem cọc đóng, ngăn lối tháo lui.

17. *Bộ chớ dung xe địch sóng hàng ;*
Thủy không để quân thù chia hiểm.

18. *Đêm đốt lửa hồng liên-tiếp ;*
Ngày khua trống trận vang-lừng.

19. *Thanh-thế Tây-Đô nổi bật lên ;*
Phên rào Đông-Thổ bền vững lại.

20. *Phải trông gương :*
Hàn nguy nhờ Triệu cứu,
« Tung » lập tất « hành » tan.

21. *Nếu mình chuyển thế bất ngờ, tiến binh mau-lẹ ;*
Hẳn giặc trở tay không kịp, thua trận rõ-ràng.

22. *Vì còn bụng ngại lòng nghi ;*
E để chó xua chuột chạy.

23. *Thời-cơ khôn gặp-gỡ,*
Thánh-Chúa chớ nghi-ngờ.

24. *Cúi mong :*
Cờ Hán dựng lên,
Biển Đường quay lại.

25. *Thế nhường sét đánh, ta đồng-thời hợp lực tấn-công ;*
Trận tựa ngói tan, địch mảnh giáp khôn bề toàn-vẹn.

Bài Sách đáng lên, vua Giản-Định khen là kỳ-diệu, cấp cho năm trăm quân, sai đi đánh phủ Thiên-Trường. Sinh khẳng-khái tuyên lời thệ-sự, đem việc khôi-phục nghiệp Trần ra dễ hiểu-dụ. Ba quân nghe xong thảy đều hăm-hở nức lòng. Ngay hôm ấy, nhân nước triều lên, đang đêm tiến đánh. Quả nhiên Lã-nghị phải nhổ trại chạy trốn, lui lên phía bắc, đóng trại trên sông Xương-Giang. Sinh phá luôn trận nữa, giặc lại phải lui lên giữ Bắc-Nga 北峨 thuộc Lạng-Sơn. Sinh đóng quân án-ngữ tại Quỉ-môn-Quan 鬼門關, điều-động tải lương-thảo đến.

Bỗng Yên-Kinh 燕京 (Tàu) có chiếu ban-sư. Trương-Phụ đốc-suất ba quân sắp-sửa lên đường kéo về. Bản-tâm của Sinh là vì việc tìm vợ mà đến đây, không có chí lập công-danh, nên khi nghe quân Tàu sắp rút về, liền cùng các tướng-sĩ chia tay từ-biệt. Rồi ngay chiều hôm đó vào trạm Bắc-Nga, nhưng nhà trạm vắng tanh,

không có ai để đò tin. Chợt thấy một bà lão đi qua, Sinh đón hỏi thì bà ta cau mày nói :

— Đây là chỗ ba quân mới đóng, sát khí còn đầy. Trời sắp tối rồi, chàng ở đâu đến đây, còn chưa tìm chỗ trọ ?

Sinh buồn-rầu kể rõ sự-tình, và ý định đến đây làm gì.

Bà già nói :

— Tội nghiệp ! Quả có người họ tên và trạc tuổi như người chàng nói đó, nhưng chẳng may nàng đã oan-thác rồi.

Sinh hỏi lại đầu đuôi thì bà già nói :

— Trước đây năm hôm, quân Tầu sắp rút, nàng Nguyễn-thị ấy có nói với hai vị phu-nhân họ Chu 朱 họ Trịnh 鄭 rằng : « Bọn ta tấm thân bồ-liễu, chút phận hồng-nhan, gặp phải buổi nước mất nhà tan, trôi-giạt đến đây. Nay mà theo họ sang bên kia quan-ải, tức là non nước quê người, sao bằng chết vùi, chết dập khe ngòi bờ lạch còn được gần-gũi quê-hương, chẳng hơn sang làm cô-hồn đất Bắc ». Thế rồi mấy người đều tự-tử. Tướng Tàu thương là những người có tiết-tháo, làm lễ an-táng tại chốn sơn-đầu.

Kể xong, bà già đưa Sinh đến, trỏ từng ngôi mả cho biết và bảo :

— Trinh-thuần cương-liệt duy có mấy người này thôi, ngoài ra đều bị ô-nhục cả.

Nghe đoạn, Sinh bất giác bật tiếng khóc rống lên. Đêm hôm ấy, chàng ngủ trên mả Lệ-Nương, khóc mà than rằng :

— Tôi vì nàng lặn-lội tới đây, nàng có thể cho tôi gặp-gỡ trong lúc chiêm-bao để cùng nhau có đôi lời an-ủi được chăng ?

Đến nửa đêm, Sinh quả thấy Lệ-Nương lững-thững đi đến, khóc-lóc mà tự-sự rằng :

Nguyên văn :

妾 ：

1. 出 自 凡 流
   過 蒙 厚 遇

2. 緣 未 諧 於 錦 帳
   分 已 薄 於 春 冰

3. 時 與 志 而 俱 違
   妾 辭 君 而 遠 逝

4. 朱 樓 有 恨 幾 對 斜 暉
   青 鳥 無 媒 誰 將 來 信

5. 悵 容 光 之 減 舊
   度 歲 月 以 偷 生

6. 誰 料 ：
   赤 嘴 歌 殘
   紅 顏 禍 起

7. 燕 兵 胡 騎 莫 過 侵 陵
   禁 柳 宮 花 幾 愁 攀 折

8. 悵殘軀之多誤
嗟厄運之重遭

9. 始不能全節以從夫
終又忍甘心而降虜

10. 寄叟身於萬死
度一日如三秋

11. 涉水踰山
備艱嘗險

12. 將隨緣而苟合則狼子難馴
欲出塞以遙征則狐丘易感

13. 是以：
不貪生活
不怕拘囚

14. 冷落燈前魂隨戰鼓
倉黃客裡命寄羅巾

15. 今則：
靈性雖存
殘骸非舊

16. 愧良人之遠訪
撫往事以長嗟

17. 敢述幽懷
幸垂知悉

Phiên-âm :

Thiếp :

1. *Xuất tự phàm-lưu,*
Quá mông hậu-ngộ.

2. *Duyên vị hài ư cầm-trướng ;*
Phận dĩ bạc ư xuân-băng.

3. *Thời dữ chí nhi câu vi ;*
Thiếp tùy quân nhi viễn thệ.

4. *Chu-lâu hữu hận, kỷ đối tà-huy ;*
Thanh-điểu vô môi, thùy tương lai tín ?

5. *Trướng dung-quang chi giảm cựu ;*
Độ tuế-nguyệt dĩ thâu sinh.

6. *Thùy liệu :*
Xích-Chủy ca tàn ;
Hồng-nhan họa khởi.

7. *Yên binh Hồ kỵ, mạc ám xâm-lăng,*
Cấm liễu cung hoa, kỷ sầu phan-chiết.

8. *Trướng tàn-khu chi đa ngộ ;*
Ta ách-vận chi trùng tao.

9. *Thủy bất năng toàn tiết dĩ tòng phu ;*
Chung hựu nhẫn cam tâm nhi hàng lỗ.

10. *Ký chích thân ư vạn tử ;*
Độ nhất nhật như tam thu.

11. *Thiệp thủy du sơn,*
Bị gian thường hiểm.

12. *Tương tùy duyên nhi cầu hợp, tắc lang-tử nan thuần ;*
Dục xuất tái dĩ dao chinh, tắc hồ-khâu dị cảm.

13. *Thị dĩ :*
Bất tham sinh-hoạt,
Bất phạ câu-tù.

14. *Linh-lạc đăng tiền, hồn tùy chiến-cổ ;*
Thương-hoàng khách-lý, mệnh ký la-cân.

15. *Kim tắc :*
Linh-tinh tuy tồn,
Tàn-hài phi cựu.

16. *Quý lương-nhân chi viễn-phỏng,*
Phủ vãng-sự dĩ trường ta.

17. *Cảm thuật u-hoài,*
Hạnh thùy tri tất.

GIẢI NGHĨA :

1. Thiếp tôi :
Vốn dòng-dõi tầm-thường,
Được gặp chàng thật là quá hậu.

2. Duyên chửa đằm-thắm nơi màn gấm ;
Phận đà tan-rã như băng-giá ngày xuân (1).

3. Thời cùng chí đều lỡ-dở ;
Thiếp giã chàng để đi xa.

4. Lầu son ôm hận, bao phen đối cảnh tà-dương;
Chim xanh (2) không mối-lái, ai kẻ đưa tin.

5. Đau lòng dong-nhan đã kém xưa ;
Lần-lừa tháng năm trộm sống.

6. Ai tưởng :
Con đỏ-mỏ (3) khúc hát đã tàn,
Má hồng còn mang vạ.

---

(1) — Lạnh quá, nước đóng lại thành băng-giá. Băng-giá gặp tiết xuân ấm-áp lại tan ra thành nước. Câu này nói việc hôn-nhân chưa thành đã phải ly-tán như băng-giá ngày xuân.

(2) — Tích chim xanh đã chú-thích trong truyện Từ-Thức lấy vợ Tiên.

(3) — Tháng ba năm Giáp-Tuất đời Trần Thuận-Tôn (1394) đức Thượng-Hoàng Trần Nghệ-Tôn nằm chiêm-bao thấy vua Dụ-Tôn về đọc bài thơ trong có câu «Trung-gian duy hữu Xích-Chủy hầu, ân-cần tiếm thượng Bạch kê lâu 中間惟有赤嘴猴，殷勤僭上白雞樓。 Nghĩa là: «trong đó có con khỉ đỏ mồm đỏ, làm-le lấn-át lầu Bạch-Kê». Đức Thượng-Hoàng chiết tự xem biết khỉ miệng đỏ ứng vào Hồ Quý-Ly muốn cướp ngôi. (Quốc-Sử). Câu Xích-Chủy ca tàn là ý nói nhà Hồ mất, má-hồng lại bị vạ khác.

7. Quân Yên (Tầu), ngựa Hồ kéo sang, khôn ngăn cuộc xâm-lấn này,

Hoa và Liễu nơi cung-cấm, mấy phen bị vin-bẻ cay-đắng (1).

8. Đau lòng một mảnh thân tàn gặp nhiều lần lỡ-dở ;

Thở-than vận-ách chồng-chất mãi lên.

9. Trước đã không thể vẹn tiết theo chồng ;

Sau lại nỡ cam tâm hàng giặc.

10. Gửi chiếc thân vào nơi muôn thác ;

Qua một ngày xem bằng ba thu.

11. Lặn suối trèo non,

Trải gian nếm hiểm.

12. Muốn ép duyên toan bài cầu-hợp, lại e lang-sói hung-tàn ;

Muốn qua ải đi xa, lại cảm nỗi cáo chết quay đầu về núi (2).

13. Cho nên :

Chẳng ham sinh-sống,

Không sợ ngục-tù,

---

(1) — Câu này nói trong nước bị giặc-giã xâm-lấn, các phụ-nữ trong cung-cấm bị hiếp tróc đau-đớn.

(2) — Thái-Công 太公 được phong ở Quản-Khâu (?) liên-tiếp năm đời, đều đem về táng ở đất Chu. Cổ nhân có câu : «cáo chết quay đầu về núi» là nhân. (Lễ-Ký 禮記).

14. Lạnh-lẽo trước đèn, hồn theo trống trận ;
Bàng-hoàng đất khách, mạng gửi khăn là.

15. Nay thời :
Linh-tính dẫu còn,
Thể-xác đâu có như xưa.

16. Thẹn cùng chàng lặn-lội đến đây thăm,
Nghĩ chuyện cũ luống những thở dài.

17. Dám bày tỏ khúc-nhôi.
Xin chàng chứng giám cho.

Dịch ra văn tứ-lục :

1. *Thiếp vốn :*
Dòng họ tầm-thường,
Đội ơn hậu-đãi.

2. *Tình chửa mặn-nồng nơi trướng gấm ;*
Phận đà tan-rã mảnh băng xuân.

3. *Thiếp cùng chàng hai ngả sâm-thương,*
Thời với chí đôi đường lỡ-dở.

4. *Ôm hờn lầu tía, lặng ngắm chiều tà ;*
Vắng bóng chim xanh, khôn mong tin lại.

5. *Tê-tái dung-quang kém cũ,*
Lần-lừa tuế-nguyệt cho qua.

6. *Nào hay :*
Mỏ đỏ hết thời,
Má hồng mang vạ.

7. *Yên, Hồ, người ngựa, một chuyến xăm-lăng ;*
Hoa, Liễu cấm cung nhiều phen xơ-xác.

8. *Đã xót thân tàn lầm-lỡ mãi ;*
Lại rầu vận xúi đuổi theo hoài.

9. *Trước không hay trọn tiết theo chồng ;*
Sau lại nỡ cam tâm hàng giặc.

10. *Mệnh bạc gởi vào muôn thác ;*
Ngày dài xem tựa ba thu.

11. *Lặn suối trèo non,*
Trải nguy rấn hiểm.

12. *Toan ép duyên cầu-thả, ngại sói rừng nết dữ khôn thuần ;*
Muốn qua ải lênh-đênh, nhớ cáo chết đầu quay lại núi.

13. *Cho nên :*
Không ham sinh-sống,
Chẳng sợ giam-cầm.

14. *Lạnh-lẽo trước đèn, hồn theo trống trận ;*
Bàng-hoàng dặm khách, mạng gửi khăn là.

Nay thì :

15. *Linh-tính dẫu còn,*
Tàn-hài đã mất.

16. *Luống thẹn lòng chàng đeo-đẳng ;*
Thêm buồn chuyện cũ thở than.

17. Giãi-tỏ khúc-nhôi,
Mong người soi thấu.

Hai vợ chồng ái-ân, trò truyện như lúc còn sống.

Sinh hỏi :

— Chẳng may nàng đã thác đi, vậy để tôi đưa linh-thấn về quê, cho khỏi uổng một chuyến đi không về rồi.

Nàng nói :

— Đa tạ tấm thâm-tình ấy, biết lấy chi báo-đáp. Song thiếp cùng hai vị mỹ-nhân gần-gũi lâu ngày, tình giao-kết đã nên thân-mật, không nỡ một sớm xa-rời. Huống chi ở đây : núi khe tươi đẹp, mây khói lững-lờ, thần yên phách ổn, bất-tất phiền chàng di-chuyển nữa.

Đến lúc canh gà dồn-dập, hai người vội-vàng trở-dậy từ-biệt. Hôm sau, Sinh đem mấy lạng bạc, mua quan-tài và nước ngũ-vị cải táng cho nàng cùng hai vị mỹ-nhân. Đêm hôm sau, Sinh mộng thấy cả ba hiện về tạ ơn ; chàng đang muốn giữ lại để cùng trò chuyện, thì cả ba người đã biến mất.

Sinh buồn-bã ra về, sau cũng không lấy ai nữa. Đến khi vua Lê Thái-Tổ dấy binh ở Lam-Sơn 藍山, Sinh vì mối thù cũ chưa trả, đem quân ứng-mộ, hễ gặp tướng-sĩ nhà Minh đều chém giết hết cho hả giận. Việc dẹp quân Tàu thuở ấy, Sinh cũng góp công phần lớn vậy.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! chữ tín rất gần chữ nghĩa, vậy nói lời phải giữ lấy lời. Nếu điều nghĩa chưa ổn, thì lời hứa lại không cần giữ đúng.

Chàng họ Lý kia, vì mối ân-tình, giữ bền ước cũ, dầu gặp bước lưu-ly hoạn-nạn, vẫn chẳng quên lời ước hẹn, tình thật đáng thương, nhưng nói về điều-nghĩa thì chưa được ổn. Tại sao vậy ?

— Nếu vì cảm tình mà đi tìm thì nên, liều chết mà đi tìm thì không nên. Huống chi lại không lấy vợ nữa, để tuyệt dòng-dõi tổ-tiên, liệu có nên không ?

Cho nên người quân-tử phải biết tòng quyền, không nên chấp nhất. Giữ được điều nhỏ để mất nghĩa lớn, chẳng là gã Lý-Sinh này ru ?

Cuộc bình-luận thơ ở Kim-Hoa

Tranh vẽ NUYÊN

金 華 詩 話 傳

KIM-HOA THI-THOẠI TRUYỆN

CUỘC BÌNH-LUẬN THƠ Ở KIM-HOA

Ở huyện Kim-Hoa có vị nữ-sĩ họ Ngô 吳 tên gọi Chi-Lan 芝 蘭 (1) là nội-tướng giỏi một vị tiên-sinh họ Phù 符. Nàng đã chữ tốt văn hay, lại càng sở-trường về mặt thi-ca.

Đức Thuần Hoàng-đế 淳 皇 帝 (Thánh-Tôn) triều Lê (1460-1497) mến tài học rộng, triệu nàng vào cung để dạy cung-nhân. Mỗi khi nhà vua đi dự yến-tiệc, nàng lại được mang 觚 cô (2) đứng bên chầu-chực. Hễ vua truyền làm thơ là nàng vâng mệnh làm được ngay ; văn thơ nàng không ai có thể sửa được một chữ nào. Nàng mất năm ngoài bốn mươi tuổi, táng ở nội Tây-Nguyên 西 原.

Cuối đời Đoan-Khánh 端 慶 (1506-1508), có một người học trò là Mao-Tử-Biên 毛 子 編 đến kinh-sư du học đã lâu ngày, nhớ nhà, về thăm quê ở huyện Đồng-Hỷ 同 喜, Thái-Nguyên. Trên đường về, phải đi qua huyện Kim-Hoa, bỗng gặp cơn mưa gió, cách xa

---

(1) — Nàng Ngô Chi-Lan người xã Phù-Lỗ 扶 魯, huyện Kim-Hoa, xứ Kinh-Bắc, nay là huyện Kim-Anh, tỉnh Phúc-Yên (福 安).

(2) — Cô : cái bình rượu hình lục lăng hay hình bát-giác. Cô đây là cái biển hay cái thẻ bằng tre xưa dùng để viết chữ, vì thế nên người viết lách khinh-xuất gọi là « Suất nhĩ thao cô 率 爾 操 觚 » (Hán-Việt Tự-Điển).

làng-mạc, trời lại sập tối, Tử-Biên đưa mắt nhìn về phía nam, thấy thấp-thoáng ánh đèn, bèn rảo bước tới ; đến nơi thấy mấy gian nhà cỏ, xung-quanh cây-cối um-tùm, tre-pheo rậm-rạp. Chàng bí quá, đành vào xin ngủ nhờ, nhưng người canh cổng không cho. Chàng nhìn vào phía trong thấy một ông cụ già ngồi trên ghế mây, bên cạnh là một mỹ-nhân, hài cườm trâm ngọc, có vẻ một bậc phi-tần. Mỹ-nhân nói với ra bảo người canh cổng :

— Canh khuya đêm vắng, trời lại mưa gió tối-tăm, người ta vào xin ngủ nhờ, ngươi còn cự-tuyệt không cho, thì để họ đi đâu bây giờ ?

Nghe chủ-nhân nói vậy, Tử-Biên vén áo bước vào, nằm nhờ ở mái hiên phía nam nhà khách.

Gần sang canh hai, chàng thấy một người râu mày đốm bạc, hai vai nhô cao, cưỡi con lừa tía đi đến, ông già vái chào và nói với khách :

— Tiên-sinh không quản đường xa lặn-lội, thực chịu khó quá.

Khách nói :

— Trót đã hẹn lời, đâu giám sai ước, chỉn e mưa gió đầy thành mà cuộc ngâm thơ của Bàn-Lão 邠老 đến phải bỏ giở mất (1).

---

(1) — Phan đại Lâm 潘大臨 đời Tống, tự là Bàn-Lão có tiếng hay thơ. Một hôm nghe tiếng gió mưa ào ạt mới khởi đề được một câu : Mãn thành phong vũ cận trùng-dương 滿城風雨近重陽 Nghĩa là : đầy thành mưa gió gần đến tết trùng-dương. Chợt có người đến thúc thuế, thế là bị cụt hứng, không làm tiếp được nữa (Nguyệt-lệnh Quảng-Nghĩa). Đây ông khách kể điển này là có ý nhún mình cũng gặp cảnh mưa gió đầy thành rồi cũng e bị cụt hứng như Bàn-Lão.

Đoạn chia ngôi chủ khách, ngồi đối-diện bàn luận văn-chương. Phu-nhân cũng dự cuộc, song ngồi ở chiếu dưới.

Ông khách thấy trên bức bình-phong bằng đá vân-mẫu (1) phu-nhân có đề bốn bài tứ về bốn mùa, liền đọc :

BÀI THỨ NHẤT

Nguyên văn :

1. 初晴熏人天似醉
   艷陽樓臺浮暖氣

2. 隔簾柳絮度鶯梭
   繞檻花鬚穿蝶翅

3. 階前紅線日添長
   粉汗微微沁綠裳

4. 小子不知春思苦
   傾身含笑過牙牀

Phiên âm :

1. *Sơ tình huân nhân thiên tự túy,*
   Diễm-dương lâu-đài phù noãn-khí.

---

(1) — Vân-Mẫu là thứ đá ngũ-sắc rất đẹp. Sách Kinh-Nam-Chí 荊南志 nói: Núi Phương-Đài 方臺 là nơi sản-xuất đá vân-mẫu. Thổ-dân ở đó rình chỗ có sắc mây đùn lên, đào xuống lấy được những tảng rất lớn, có tảng dài tới bốn, năm thước, đem về làm bình-phong. Nhưng cần nhất là lúc đào phải im lặng như tờ. Cũng vì đá này là gốc rễ sắc mây nên gọi là đá vân-mẫu. (Bản-Thảo Cương-Mục 本草綱目).

2. *Cách liêm liễu nhứ độ oanh thoa,*
Nhiễu hạm hoa-tu xuyên điệp-sí.

3. *Giai tiền hồng-tuyến nhật thiêm trường,*
Phấn hãn vi-vi tẩm lục-thương.

4. *Tiểu-tử bất tri xuân-tứ khổ,*
Khuynh thân hàm tiếu quá nha sàng.

GIẢI NGHĨA :

1. Nắng mới sưởi ấm cho người, trời như ngây-ngất,

   Ánh dương-quang tươi đẹp (1), lâu-đài nổi giữa làn hơi ấm áp

2. Cách rèm, liễu buông tơ, (2), oanh đưa thoi (3), Quanh hiên nhị hoa cài cánh bướm.

3. Trước thềm lấy dây đỏ đo bóng thấy dài thêm (4).

---

(1) — Thơ Đỗ-Phủ có câu : Cạnh tương minh-mỵ sắc, chiếu nhãn diệm-dương thiên 競將明媚色，照眼艷陽天。 Dịch là : đua phô màu tươi-đẹp, rực-rỡ ánh dương-quang. (Đường-Thi).

(2) — Cây liễu về cuối xuân, lá dài, hoa kết thành những hạt nhỏ li-ti. Hoa rụng, tơ trắng như bông tung bay theo chiều gió, hạt dính vào quần áo hay đồ vật thì hóa ra còn-trùng, rớt xuống nước thì hóa ra bèo.

(3) — Về mùa xuân, chim oanh bay đi bay lại không ngớt giữa các bụi hoa như thoi dệt cửi, cho nên gọi là thoi oanh.

(4) — Về đời Tấn-Ngụy 晉 魏, lấy dây đỏ đo bóng mặt trời, từ ngày đông-chí, bóng ngày một dài thêm. (Thư-Ngôn).

Mồ-hôi dơm-dớp thấm xiêm màu xanh-lợt.

4. Con nít biết đâu đến nỗi lòng áo-não trong ngày xuân,
Chúng cứ ngặt-nghẽo nhe răng ra mà cười.

Đại ý : Bài này nàng Ngô Chi-Lan tả cảnh đẹp mùa xuân. Mọi vật đều tươi-vui hớn-hở. Nhưng riêng nàng nhìn cảnh xuân càng thêm áo-não, như nhớ-nhung hay luyến-tiếc điều gì, thật là một người đa sầu đa cảm. Tâm sự của nàng đúng với câu : người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Dịch ra văn vần :

1. *Nắng xuân bao-phủ lâu-đài,*
Để người ấm-áp, để trời say-sưa.

2. *Quanh hiên bướm giỡn, hoa đùa,*
Liễu, oanh ; tơ rủ, thoi đưa cách rèm.

3. *Trước thềm bóng đã dài thêm.*
Mồ-hôi dơm-dớp, áo-xiêm đượm mùi.

4. *Thấy xuân lòng những bồi-hồi,*
Thơ-ngây trẻ vẫn cợt-cười ngả-nghiêng.

BÀI THỨ HAI

Nguyên văn :

1. 風吹榴花紅片片
佳人閉打鞦韆院

2. 傷春背立一黃鶯
惜景哀啼雙紫燕

3. 停 針 無 語 翠 眉 低
倦 倚 紗 窗 夢 欲 迷

4. 却 怪 捲 簾 人 喚 起
香 魂 終 不 到 遼 西

Phiên Âm :

1. *Phong xuy lựu hoa hồng phiến-phiến,*
Giai-nhân nhàn đả thu-thiên viện.

2. *Thương xuân bội lập nhất hoàng-oanh,*
Tích cảnh ai đề song tử-yến.

3. *Đình châm vô ngữ thúy-mi đê,*
Quyện ỷ sa song mộng dục mê.

4. *Khước quái quyển liêm nhân hoán khởi,*
Hương-hồn chung bất đáo Liêu-Tê (tây).

GIẢI NGHĨA :

1. Gió thổi, hoa lựu bay lả-tả.
Người đẹp nhởn-nhơ đánh đu trước viện,

2. Thương xuân một con oanh vàng đứng ủ-rũ,
Tiếc cảnh đôi én tía nỉ-non.

3. Lặng-lẽ dừng kim, mày xanh rủ thấp,
Mỏi-mệt tựa cửa sổ căng the, ngủ chập-chờn.

4. Bực mình với kẻ cuốn rèm gọi dậy,

Khiến mộng hồn không sang được tới Liêu-Tây (1).

Đại ý : Bài này nàng Chi-Lan tả cảnh mùa hạ, ca-tụng cái thú ngồi khâu rồi ngủ thiu-thiu thả hồn mộng tận đâu đâu, giận cho kẻ làm mình phải kinh-tỉnh, để mất thú mơ-màng.

Dịch ra văn vần :

1. *Tơi-bời hoa lựu gió đưa,*
   Viện du, người đẹp tranh-đua dập-dìu.

2. *Thương xuân oanh đậu buồn thiu,*
   Tiếc xuân, đôi én giọng kêu não-nùng.

3. *Biếng khâu đường chỉ buông chùng,*
   Rắp-rim mày liễu, tựa song mơ-màng.

4. *Cuộn rèm ngán kẻ gọi vang,*
   Khiến cho hồn mộng lỡ đàng Liêu-Tây.

BÀI THỨ BA

Nguyên văn :

1. 清商浮空澄霽景
   霜信遙將孤鴈影

---

(1) — Tái-Thượng khúc 塞上曲 của Đỗ-Tử-Mỹ 杜子美 có câu : Đả khởi hoàng-oanh nhi, mạc giao chi thượng đề. Đề thời kinh thiếp mộng, chung bất đáo Liêu-Tê. 打起黃鶯兒, 莫教枝上啼. 啼時驚妾夢，終不到遼西. Dịch là : Đuổi cái oanh vàng đi, để trên cành hót chi. Làm cho thiếp tỉnh mộng, chẳng đến được Liêu-Tê.

2. 十丈蓮殘玉井香
三更楓落吳江冷

3. 飛螢夜度碧闌干
衣薄難禁剪剪寒

4. 聲斷洞簫凝立久
瑤臺何處覓驂鸞

Phiên Âm :

1. *Thanh-thương phù không trừng tễ cảnh,*
Sương-tín dao tương có nhạn ảnh.

2. *Thập trượng liên tàn, ngọc tỉnh hương,*
Tam canh phong lạc Ngô-giang lãnh.

3. *Phi huỳnh dạ độ bích lan-can,*
Y bạc nan câm tiễn-tiễn hàn.

4. *Thanh đoạn đỗng tiêu ngưng lập cửu,*
Dao-Đài hà xứ mịch tham-loan.

GIẢI NGHĨA :

1. Hơi may lơ-lửng vòm trời lọc mây trong,
Đã thấy bóng nhạn lẻ đem tin sương từ xa đến (1).

---

(1) Đến mùa thu, chim nhạn từ phương bắc bay về, có nhạn về là có sương xuống. Vì thế nên gọi là «tin sương» «Văn-Uyển).

2. Bông sen mười trượng đã tàn, giếng ngọc thoảng mùi hương (1),
   Canh ba lá phong rụng, sông Ngô lạnh (2),
3. Ban đêm, dom-đóm bay trước lan-can,
   Áo mỏng khôn ngăn trời lạnh căm-căm.
4. Dứt tiếng đỗng-tiêu (3), đứng bần-thần giờ lâu,
   Chốn Dao-Đài tìm đâu cho thấy vết xe loan (4).

---

(1) — Hàn-thi 韓詩 có câu: Thái-Họa phong-đầu ngọc tỉnh liên, hoa khai thập trượng ngẫu như thuyền: 泰華峯頭玉井蓮, 花開十丈藕如船. Nghĩa là: Sen trong giếng ngọc trên đầu núi Thái-Họa, bông hoa cao mười trượng, gương sen to như cái thuyền.

(2) — Trương-Hàn 張翰 người nước Ngô, thời Tam-Quốc làm quan ở Đông-Tào 東曹, cảm thấy thời-thế sắp loạn-lạc, muốn thôi quan tìm thú Lâm-tuyền. Một hôm thấy gió thu thổi mà trạnh lòng quê, nhớ mùi rau thuần, cá bức, liền làm một bài ca trong có câu: thu phong khởi hề ngọc-diệp phi, Ngô giang lãnh hề lư ngư phì 秋風起兮玉葉飛, 吳江冷兮鱸魚肥. Nghĩa là: gió thu nổi lên, lá ngọc bay; Sông Ngô nước lạnh, cá lư béo. (Thượng-hữu-lục).

(3) — Đỗng-tiêu là ống tiêu rỗng suốt, không có đáy. Bài Xích-Bích phú 赤壁賦 của Tô-đông-Pha 蘇東坡 có câu: Khách hữu xuy đỗng-tiêu giả, ỷ ca nhi họa chi, kỳ thanh minh minh nhiên, như oán, như mộ, như khấp, như tố 客有吹洞簫者, 倚歌而和之, 其聲嗚嗚然, 如怨如慕如泣如訴. Nghĩa là: Khách thổi đỗng-tiêu, dựa vào tiếng ca mà họa theo, tiếng nghe não-nuột, như oán than, như mến tiếc, như khóc-lóc, như kể-lể. (Cổ Văn).

(4) — Tiết-Phùng 薛逢 đời Đường, trong bài Hán-Vũ-cung-từ 漢武宮詞 có câu: Bích Đào hà xứ mịch tham loan 碧桃何處覓驂鸞. Nghĩa là: Vườn Bích-Đào tìm đâu cho thấy vết xe loan. Đường-Thi Cổ Xúy chú: Thái-Chân cưỡi xe bạch-loan đi chơi Cửu-Nguyên (Cửu-Nguyên ở phía bắc huyện Giáng 絳, lại có chỗ nói ở phía tây-bắc huyện Thuận-Hòa, tỉnh Sơn-tây).

Đại ý : Bài này nói thấy cảnh mùa thu lại nhớ đến phong-vị quê-hương ; nghe tiếng đồng-tiêu mà thần-trí phiêu-diêu tận nơi tiên-cảnh.

Dịch ra văn vần :

1. *Hơi may mù sạch bốn bề*
   Xa khơi nhạn lẻ đi về tin sương.

2. *Sen tàn giếng ngọc còn hương,*
   Ba canh phong rụng, Ngô-Giang lạnh-lùng.

3. *Ngoài hiên đóm lượn chập-chùng,*
   Phong-phanh áo mỏng khôn mong ngự hàn.

4. *Đồng tiêu dứt tiếng bàn-hoàn,*
   Dao-Đài chưa tỏ xe loan nẻo nào.

BÀI THỨ TƯ

Nguyên văn :

1. 寶 爐 扒 火 銀 瓶 小
   一 盃 羅 浮 破 清 曉

2. 雪 將 冷 意 透 疎 簾
   風 遞 輕 冰 落 寒 沼

3. 美 人 金 帳 掩 流 蘇
   紙 護 雲 窗 片 片 糊

4. 暗 裡 挽 回 春 世 界
   一 株 芳 信 小 山 孤

Phiên âm :

1. *Bảo-lô bát hỏa ngân bình tiểu,*

   Nhất bôi la-phù phá thanh hiểu.

2. *Tuyết tương lãnh ý thấu sơ liêm,*

   Phong đệ khinh băng lạc hàn chiểu.

3. *Mỹ-nhân kim-trướng yểm lưu-tô.*

   Chỉ hộ vân-song phiến-phiến hồ.

4. *Ám lý vãn hồi xuân thế-giới,*

   Nhất châu phương-tín tiểu sơn-cô.

GIẢI NGHĨA :

1. Lò báu nhóm lửa hâm bình nhỏ bằng bạc,

   Một chén rượu La-phù phá tan hơi lạnh ban mai.

2. Tuyết đưa hơi lạnh lọt qua rèm thưa,

   Gió thổi băng nhẹ rơi xuống ao lạnh.

3. Người đẹp buông trướng vàng, diềm có tua rủ xuống (1),

   Giấy che cửa sổ thành từng mảnh có dính hồ.

4. Ngấm-ngầm kéo thế-giới Xuân trở về (2),

---

(1) — Đã chú-thích trong truyện Thúy-Tiêu.

(2) — Câu này nói mùa đông thảm-đạm sắp hết để xoay sang mùa xuân tươi-đẹp.

Núi Tiểu-sơn-cô đã thấy một chồi hoa thơm báo tin (1).

Đại ý : Bài này tả mùa đông, nói các cách ngự hàn trong những nơi đài-các. Câu kết nói mùa đông tàn-tạ nhưng ngầm xoay thế-giới sang một mùa xuân huy-hoàng. Ngoài ra tác-giả còn ngụ một vẻ cao-quý hơn đời,

Dịch ra văn-vần :

1. *Hàm bình bạc, đốt lò than,*
   Rượu nồng buổi sớm phá tan hơi mờ.

2. *Tuyết rơi lạnh lọt rèm thưa,*
   Phất-phơ bông rụng gió đưa mặt hồ.

3. *Giai-nhân trướng rủ lưu-tô,*
   Cánh mây phất giấy song hồ im hơi.

4. *Ngầm xoay xuân lại cho đời,*
   Tin hoa báo trước một chồi mai tươi.

---

(1) — Chồi hoa thơm báo tin đây là nói hoa mai. Thơ vịnh Mai có câu : Bách hoa đầu thượng khai thiên tảo 百花頭上開偏早. Nghĩa là : Riêng nở sớm trước trăm hoa. Trong truyện Tống ẩn-dật 宋隱逸傳 có chép truyện một vị xử-sĩ tại núi Cô-Sơn ở Tây-Hồ (Hàng-Châu, Chiết-Giang) không lấy vợ, chỉ trồng mai, nuôi hạc (Sự-Loại Thống-Biên). Thơ vịnh mai của Từ-ngọc-Toàn 徐玉泉 có câu : Vạn hủy thiên ba nhận vị chân, Sơn-cô Tiên-tử độc tinh-thần. Thái-quan vị thí điều-canh thực, Tiên chiếm hoàn trung đệ nhất xuân 萬卉千葩認未真山孤仙子獨精神太官未試調羹實先占寰中第一春 Dịch nghĩa : Muôn cỏ ngàn hoa nhận chửa rành, Sơn-Cô tiên-tử khác tinh-anh. Hòa canh chưa thử tài cao vội, Đầu xuân hoàn-vũ trước nêu danh.

Ông khách đọc xong than rằng :

— Năm Châu nếu không có tôi, thì ai biết bài tuyệt tác của phu-nhân, mà tôi không gặp được phu-nhân thử hỏi còn có ai biết đến bài văn hay nhất đời này? Hèn chi cổ nhân nói « tiếng đồn chẳng ngoa » là phải lắm.

Phu-nhân nói :

— Tôi tài mọn như mớ chỉ đệt tất (1), đâu giám so-đọ với ngài trong muôn một. May mà gặp được Tiên-triều, hàng ngày chầu-hầu nghiên-bút, nên mới tạm hiểu niêm-luật, vá-víu thành bài đó thôi.

Rồi nàng nói tiếp :

— Một hôm tôi đi chơi núi Vệ-Linh là nơi đức Phù-Đổng Thiên-Vương 扶董天王 bay lên trời ngày xưa, có lạm đề một bài rằng :

Nguyên văn :

1. 衛靈春樹白雲閑
2. 萬紫千紅艷世間
3. 鐵馬在天名在史
4. 英威凜凜滿江山

---

(1) — Hàn-Chiêu 韓昭 nước Thục văn chương cùng tài-năng rất tầm-thường mà được Hậu-Chủ trọng-dụng, làm đến chức Lễ-Bộ Thượng-Thư, Văn-Tứ-Điện Đại-Học-Sĩ. Lý-thai-Hổ 李台嘏 chê rằng: Tài của Hàn như mớ chỉ bít-tất rách, gỡ ra không có được lấy một sợi dài (Thiên-Trung-Ký).

Phiên Âm :

1. *Vệ-Linh xuân thụ bạch vân nhàn,*
2. *Vạn tử thiên hồng diệm thế-gian.*
3. *Thiết mã tại thiên danh tại sử,*
4. *Anh-uy lẫm-lẫm mãn giang-san.*

GIẢI NGHĨA :

1. Trên núi Vệ-Linh (1) cây cối xanh tươi, mây trắng lững-lờ,
2. Muôn tía ngàn hồng, như một thế-giới huy hoàng.
3. Ngựa sắt về trời, danh ghi sử-sách (2),
4. Oai-linh lẫm-liệt khắp non sông.

Dịch ra văn vần :

1. *Vệ-Linh mây trắng tỏa cây xanh,*
2. *Hồng tía đua chen, cảnh hữu tình.*

---

(1) — Núi Vệ-Linh nay đổi là Ninh-Sóc-Sơn 寧朔山 thuộc huyện Kim-Hoa (tức Kim-Anh), Phúc-Yên.

(2) — Đời Hùng-Vương thứ 6, một phú-ông ở làng Phù-Đổng 扶董 sinh một cậu trai, lên ba tuổi vẫn chưa biết nói, cười gì cả. Gặp lúc trong nước có giặc, Vua hạ chiếu sai sứ đi cầu hiền. Cậu nhỏ nghe tin, tự nhiên biết nói với mẹ mời Sứ vào nhà và thưa với Sứ-giả về tâu Vua : xin ban cho một con ngựa và một thanh kiếm để đi bình giặc. Vua y lời tâu. Thế rồi cậu cưỡi ngựa, tuốt gươm đi trước, quan quân theo sau. Đánh tan quân giặc ở chân núi Vũ-Ninh 武寧. Đoạn cả người ngựa về đến núi Ninh-Sóc-Sơn thì bay vụt lên trời.

3. *Ngựa sắt về trời. danh sử chép,*

4. *Non-sông đầy-dẫy khí anh-linh.*

Vài tháng sau, bài thơ ấy truyền khắp trong cung, nhà Vua rất đỗi khen-ngợi, ban thưởng cho một cặp áo.

Lại một hôm, vua ngự chơi cửa Thanh-Dương 青陽, sai quan thị-thư họ Nguyễn làm bài uyên-ương từ khúc 鴛鴦詞曲. Bài làm xong dưng lên, nhưng nhà Vua chưa vừa ý, ngoảnh lại bảo tôi :

— Nàng cũng là tay giỏi thơ, lời gấm câu hoa đâu cho Trẫm nghe đi.

Tôi liền vâng mệnh cầm bút viết xong ngay, câu cuối thế này :

凝碧飛成金殿瓦

皴紅織就錦江羅

Ngưng bích phi thành kim điện ngõa.

Trứu hồng chức tựu Cẩm-Giang la.

DỊCH LÀ :

Điện ngọc ngói bay mùi biếc đọng,

Cẩm-Giang lụa dệt sắc hồng chun.

Vua khen ngợi hồi lâu, lại gọi tôi là nữ-học-sĩ nhà họ Phù. Từ đó tôi lại nổi danh một thời và được tao-nhân mặc-khách kính nể, rút lại đều nhờ ơn Tiên-hoàng cả.

Đến khi Thuần Hoàng-Đế thăng hà, ngày làm lễ đại-hành (đặt thụy-hiệu), tôi có làm bài thơ khóc Tiên-hoàng rằng :

Nguyên văn :

1. 三十餘年拱紫宸
   九州四海圓同仁
2. 東西地拓輿圖大
   皇帝天恢事業新
3. 雪擁真遊無處覓
   花催上苑爲誰春
4. 夜來猶作鈞韶夢
   悵望橋山拭淚巾

Phiên Âm :

1. *Tam thập dư niên củng Tử-thần,*
   Cửu châu tứ hải hữu đồng-nhân.
2. *Đông tây địa thác dư đồ đại,*
   Hoàng-đế thiên khôi sự-nghiệp tân.
3. *Tuyết ủng chân-du vô xứ mịch,*
   Hoa thôi thượng-uyển vị thùy xuân ?
4. *Dạ lai do tác quân-thiều mộng,*
   Trướng vọng Kiểu-Sơn thức lệ cân,

GIẢI NGHĨA :

1. Hơn ba chục năm, trị vì nơi điện-tía (1),
   Chín châu, bốn bể được nhờ đức đồng-nhân (2).

2. Đông-tây mở đất làm cho bức dư-đồ lớn thêm,
   Sự-nghiệp mới của Hoàng-Đế to lớn bằng trời,

3. Tuyết đón lên chơi tiên-cảnh (3), không biết đâu mà tìm,
   Giục hoa vườn Thượng-Uyển nở để cho ai thưởng (4) ?

---

(1) — Ngày xưa gọi nơi nhà vua ở là phong-thần 楓宸 đan-thần 丹宸 hay Tử-Thần 紫宸, vì đời Hán, trong cung-điện nhà vua hay trồng cây phong, cứ đến lúc có sương thì lá nó đỏ, nên tên gọi cung vua đều ngụ ý màu đỏ (phong, đan, tử) (theo Hán-Việt tự-điển). Sách Quần-Ngọc cũng chú rằng : Nhà Hán gọi điện phía trước là tử-thần ; nhà Chu lại gọi nơi nhà vua ngủ là Tử-thần.

(2)— Khắp trong nước không còn ai là bất nhân gọi là đồng-nhân ; một người không làm một việc gì bất-nhân cũng là đồng-nhân.

(3) — Đây là nói cảnh chết rồi.

(4) — Tháng chạp năm Thiên-Thụ 天授 thứ hai (691) đời Đường, Vũ Tắc-Thiên tuyên chiếu rằng : Minh triêu du Thượng-Uyển, Hỏa-tốc báo xuân tri : Hoa tu liên dạ phát, mạc đãi hiểu phong xuy 明朝遊上苑，火速報春知，花須連夜發，莫待曉風吹 Dịch là : Sáng mai chơi thượng-uyển, lập tức báo xuân hay : dừng chờ gió sớm giục, hoa phải nở đêm nay. Tờ mờ sáng, các danh hoa đều nở hết. Câu này tuy nói hoa quý vườn Thượng-uyển nở để ai thưởng-thức mà cũng ngụ ý nói Vua mất rồi, còn ai thưởng thức văn-thơ của mình nữa.

4. Đêm còn mơ thấy nghe khúc nhạc quân-thiều (1),

Ngậm ngùi nhìn núi Kiều-Sơn (2) lấy khăn lau nước mắt.

Dịch ra văn vần :

1. *Ba chục năm dư ngự điện vàng,*
   Chín châu bốn bể gội ân quang.

2. *Đông-tây mở đất miền cương-giới,*
   Sự-nghiệp ngang trời mệnh Đế-vương.

3. *Tuyết phủ xe Tiên mờ-mịt bóng,*
   Hoa chờ vườn Ngự bẽ-bàng hương.

4. *Quân-thiều canh vắng còn mơ-mộng,*
   Sầu ngắm Kiều-Sơn lệ mấy hàng.

Ông khách nghe xong nói :

— Bài thơ này tuy phần mới lạ không đủ, song niềm thương nhớ thì có thừa, đi rất sâu vào ý-trí cổ-

---

(1) — Quân-thiều là khúc nhạc trên trời. Viên-Cơ chú : Tần Mục-Công nằm mơ thấy được lên Thiên-Đình nghe nhạc trên đó lại được Thượng-Đế ban sách cho. Từ đó nước Tần được thịnh-vượng.

(2) — Vua Hoàng-Đế 黃帝 (2697-2637 trước C.N.) băng-hà táng ở Kiều-Sơn (còn gọi là núi Tý-Ngọ 子午 nay thuộc tỉnh Thiểm-Tây) chỉ có quan-tài không, không có thi-thể. Hán Vũ-Đế nhân cuộc bắc-tuần, lên núi Kiều-Sơn tế lăng Hoàng-Đế, hỏi quần thần rằng : Trẫm nghe nói đức Hoàng-Đế bất tử, sao lại còn có lăng-tẩm ? » Công-Tôn-Khanh 公孫卿 tâu rằng : « Đức Hoàng-Đế thành tiên lên trời, các triều-thần thời bấy giờ chỉ táng mũ áo mà thôi » (Sử-Ký).

nhân. Cái lối văn-thơ ngày xưa là thế, lấy hùng-hồn làm gốc, lấy bình-đạm làm hay. câu ngắn mà ý rộng, lời gần mà tứ xa. Còn ngày nay thì khác hẳn : không hỏng về khinh-bạc phù-phiếm thì phạm vào riễu-cợt cay-chua. Giọng phú Cao-Đường, bêu nhơ Thần nữ (1) ; điệu ca Thất-tịch cười riễu Thiên tôn (2). Phỉ-báng phao-vu, thực là quá tệ. Vì thế mà tôi ngán-ngẩm cảnh đời.

Phu-nhân lắng tai nghe ông khách nói bất giác sa lệ. Ông khách hỏi thì phu-nhân đáp :

— Tôi đã lâu ngày chầu-hầu Thuần-Đế, thị-phụng Hiến-Tôn 憲宗 : nghĩa cả tuy là tôi chúa, tình thân chẳng khác cha con ; yến-tiệc đã chẳng tỵ-hiềm ; vãng-lai không còn bác bậc. Ngờ đâu những phường đơn-bạc, đặt giọng nói quàng, chép ra có đến hàng tập.

Nào là :

君王要欲消閑恨
應喚金華學士來

---

(1) — Phú Cao-Đường của Tống-Ngọc nước Sở nói việc Thần-Nữ trăng gió với Sở-Vương (Sự-tích đã chú-thích trong truyện « Người nghĩa phụ ở Khoái-Châu »).

(2) — Trương-văn-Tiềm 張文潛 đời Tống đỗ tiến-sĩ năm 12 tuổi, làm bài ca thất tịch có câu : Hà-Đông mỹ-nhân thiên-đế tỉ, cơ trữ niên niên lao ngọc-chỉ. Chức thành vân-vụ tử tiêu y, tân-khổ vô hoan dung bất lý. Đế lân độc cư vô dữ ngu, Hà-Tây giá dữ Khiên-ngưu phu. 河東美人天帝子，機杼年年勞玉指；織成雲霧紫綃衣，辛苦無歡容不理；帝憐獨居無與娛，河西嫁與牽牛夫. Dịch là : Gái đẹp Hà-Đông người thượng-giới, năm tháng đưa thoi tay ngọc mỏi, lụa tía tơ điều dệt móc mây ; lao-lung, trang điểm không màng tới. Trời thấy cô-đơn cũng ruột rầu, Hà-Tây cho sánh gã chăn trâu. (Cổ-Văn).

Quân vương yếu dục tiêu nhàn hận,
Ưng hoán Kim-Hoa học-sĩ lai.

DỊCH LÀ :

Quân-Vương ví phỏng cần tiêu muộn,
Hãy gọi Kim-Hoa Học-sĩ vào.

Nào là :

宴罷龍樓詩力倦
六更留待曉眠遲

Yến bãi Long-lâu thi lực quyện,
Lục canh lưu đãi hiểu miên trì.

DỊCH LÀ :

Tan tiệc lầu rồng thơ mệt tứ,
Sáu canh chầu-chực giấc nồng trưa.

Tôi nghĩ rằng những bậc sĩ quàn-tử ở trong danh-giáo (1) vẫn có chỗ tìm thú vui, sao lại phải bịa không làm có, trở phải ra trái, khinh-xuất đem văn-chương ra mà đùa cợt như vậy!

Ông khách nói :

---

(1) — Tất-Trác 畢卓 đời Tấn là tay nghiện rượu. Cuối triều Đại-Hưng 大興 (318-321), làm chức Lại-Bộ-Lang. Một hôm nhà hàng xóm nấu rượu, vì quá say đang đêm lần sang mò hũ rượu múc uống trộm, bị bắt trói. Sáng nhìn ra mới hay là quan Lại-Bộ họ Tất. Nhạc-Quảng cười nói rằng: «Trong danh-giáo cũng lắm trò vui». (Thượng-hữu-lục).

— Nào phải chỉ riêng một mình phu-nhân mà thôi đâu ? Xưa nay những người trinh-liệt bị bực mình vì ngòi bút trào-phúng biết bao nhiêu mà kể ? Kìa như Hằng-Nga là tiên nơi Nguyệt-điện mà có kẻ vịnh rằng :

恆 娥 應 悔 偷 靈 藥
碧 海 青 天 夜 夜 心

Hằng-Nga ưng hối thâu linh-dược,
Bích-hải thanh-thiên dạ dạ tâm.

DỊCH LÀ :

Trộm thuốc Hằng-Nga chừng hối-hận,
Đêm đêm than-thở nước cùng trời (1).

Lộng-Ngọc đã bay lên trời mà có người vịnh thơ rằng :

如 何 後 日 秦 臺 夢
不 見 蕭 郎 見 沈 郎

Như hà hậu nhật Tần đài mộng ?
Bất kiến Tiêu-Lang kiến Thẩm-Lang ?

DỊCH LÀ :

Giấc mộng lầu Tần sao lạ nhỉ ?

---

(1) — Hằng-Nga là vợ Hậu-Nghệ lấy trộm thuốc trường-sinh của bà Tây Vương-Mẫu ăn rồi bay lên không trung. Hậu-Nghệ nắm ảo lòi lại, nhưng nàng bay tuốt lên cung Thiềm. Câu «Bích hải thanh-thiên dạ dạ tâm là của Lý-Nghĩa-Sơn 李 義 山 đời Đường vịnh (Liệt-truyện 列 傳).

Tiêu-Lang đâu tá ? Thẩm-Lang đây (1).

Vào cửa quyền mượn chuyện Lục-Châu (2) ; chê họ Vũ đem câu Hậu-Thổ 后土 (3) ; toàn là giọng nói càn, tán nhảm, động đến bút là bởi móc. Ước gì đem được nước sông Lô để vì người xưa mà rửa gột sạch những câu thơ nhơ-nhuốc ấy đi.

---

(1) — Niên-hiệu Thái-Hòa đời Tần (366-370), Thẩm-Á-Chi 沈亞之 một hôm ra thành Trường-An, lúc ấy đương mùa xuân, nằm ngủ trong quán trọ, giữa ban ngày chiêm-bao thấy Tần Mục-Công cho vời đến yết-kiến mà bảo rằng : « Con gái nhỏ quả-nhân đã lấy Tiêu-Sử 蕭史, không may chàng mất sớm, nay quả-nhân muốn gả cho đại-phu. Nói rồi gọi công-chúa ra làm lễ tương kiến, lưu Á-Chi ở lại trong cung, ngoài cửa đề ba chữ « Thúy-Vi-Cung 翠微宮» các cung-nhân gọi cung này là Thẩm-Lang-Viện. Một năm sau, công-chúa không bệnh-tật gì mà chết, an-táng ngoài thành Lạc-Dương. Mục-Công sai Á-Chi làm bài ca viếng nàng và lập bài văn bia trên mồ nàng. Sau khi an-táng xong, Á-Chi từ về. Mục-Công cho xa-giá đưa ra ngoài cửa thành. Á-Chi giật mình tỉnh dậy, thấy mình vẫn còn nằm tại quán trọ. (Thiên-Hạ Dị-Kỷ).

(2) — Sự tích Lục-Châu đã chú-thích trong truyện Thúy-Tiêu.

(3) — Vi-An-Đạo 韋安道 đời Đường, một hôm ở thành Lạc-Dương ra đi sớm, gặp Hậu-Thổ phu-nhân kết làm vợ chồng. Phu-Nhân đưa An-Đạo đến một nơi, cung điện nguy-nga, Phu-nhân mặc triều-phục như nghi-vệ Thiên-Tử ; có hàng trăm người đến triều-kiến, sau rốt có một người xưng là Đại-La Thiên-Nữ 大羅天女 vào triều sụp lạy dưới sân một cách rất kính-cẩn. Vi-An-Đạo ngồi bên phu-nhân trông ra thì Đại-La Thiên-Nữ chính là Thiên-Hậu 天后 (Võ Tắc-Thiên 武則天). Phu-nhân bảo Thiên-Hậu rằng : Ta vốn có túc-duyên cùng Vi-An-Đạo là người trong cung Thiên-Hậu, nên cùng chàng kết duyên đôi-lứa. Nay duyên-số đã hết, ta sẽ hoàn lại. An-Đạo về kinh ra mắt Thiên-Hậu thuật truyện, thì Thiên-Hậu nói cũng nằm mộng thấy đúng như vậy. Thiên-Hậu bèn phong cho An-Đạo làm chức Trường-Sử trong phủ Ngụy-vương.

Phu-nhân nghe xong, lau nước mắt nói :

— Nếu không có tiên-sinh hiểu rõ cho thì tôi mang tiếng là viên ngọc có vết, lấy gì mài cho trong, giữa cho sạch được ? Song đêm đẹp mau qua, tiệc vui mấy thuở. Nay có lang-quân tôi ngồi đây, lại được tiên-sinh đến họp mặt, chúng ta chẳng nói đến những chuyện đó nữa, cho thêm phiền-não. Thế rồi quay sang bàn luận thơ-văn bản-triều (tức Triều Lê).

Ông khách nói :

— Tập thơ Chuyết-Trai 拙齋 (1) thanh-kỳ nhưng đượm vẻ buồn rầu ; tập thơ Xư-Liêu 榹寮 (2) cao xa mà kích-thích ; tập Tùng-Xuyên 松川 (3) như chàng trai xuất trận, nhưng hơi lộ vẻ thô-hào ; tập Cúc-Pha

---

(1) — Chuyết-Trai văn-tập (trong cuốn Văn-Học Sử-Yếu của Ô. Dương-quảng-Hàm chép là Chuyết-Am Văn-Tập) của Lý-Tử-Tấn (1378-1457). Ông nguyên là họ Lý, sau đổi ra họ Nguyễn (vì về đời nhà Trần, các người họ Lý đều phải đổi ra họ Nguyễn), chính tên là Tấn 縉 tự Tử-Tấn 子晉, người xã Triều-Đông, huyện Thượng-Phúc (nay là phủ Thường-Tín, Hà-Đông), đậu Thái-Học-Sinh năm 23 tuổi (1400, Triều Hồ-Quý-Ly, Thành-Nguyên nguyên-niên), theo vua Lê-Lợi, giúp việc Văn-Cáo, trải thờ ba triều (Thái-Tổ, Thái-Tôn, Nhân-Tôn), làm quan đến Hàn-Lâm-Viện Học-Sĩ. Thọ 80 tuổi.

(2) — Tập Xư-Liêu (cũng có người đọc là Vu-Liêu hay Hu-Liêu : xem cuốn Les chap. bibliog. de Lê-Quý-Đôn et de Phan-huy-Chú par Trần văn Giáp, trang 70) của Nguyễn-Trực (1417-1473) người xã Bối-Khê, huyện Thanh-Oai, Hà-Đông, đậu Trạng-Nguyên năm 26 tuổi (1442, triều Lê-Thái-Tôn, năm Đại-Bảo thứ 3), trải thờ hai đời (Lê Nhân-Tôn, Lê Thánh-Tôn) làm quan đến Hàn-Lâm-Viện thừa-chỉ, kiêm Quốc-tử-Giám Tế-Tửu, có sang sứ Tàu. Thọ 57 tuổi.

(3) — Chưa biết tập này của ai.

菊 坡 (1) như cô gái dương xuân, nhưng mềm yếu quá. Ngoài ra thơ họ Đỗ 杜 ở Kim-Hoa (2) họ Trần ở Ngọc-Tái 玉 塞 (3) họ Đàm ở Ông-Mặc 翁 墨 (4), họ Vũ 武 ở Đường-An 唐 安 (5) không phải là không ngang-dọc vẫy-vùng. Nhưng cầu cho lời thông lý suốt, làm cho Phong, Nhã 風 雅 (6) phải giật mình thì duy có mấy tập của ông Ức-Trai 抑 齋 họ Nguyễn là đầy vẻ trung-ái.

---

(1) — Nguyễn-mộng-Tuân, người huyện Đông-Sơn 東 山 Thanh-Hoa, đỗ khoa Canh-Thìn (1400) đời nhà Hồ, làm quan nhà Lê đến chức Tả-nạp-ngôn, khinh-xa Đô-Úy, có tập thơ Cúc-Pha.

(2) — Đỗ-Nhuận, 杜 潤 người làng Kim-Hoa, huyện Kim-Hoa (Kim-Anh) đỗ tiến-sĩ đời Quang-Thuận (1460-1469), làm quan đến Đông-Các Đại-học-sĩ, sung chức phó-nguyên-soái hội Tao-đàn của vua Lê-Thánh-Tôn.

(3) — Chưa biết là ai.

(4) — Đàm-thận-Huy 譚 愼 徽 người làng Ông-Mặc, huyện Đông-Ngạn, Bắc-Ninh, đỗ tiến-sĩ đời Hồng-Đức, làm quan đến thượng-thơ. Khi nhà Mạc cướp ngôi, ông uống thuốc độc tự-tử.

(5) — Vũ-Quỳnh 武 瓊 người xã Mộ-Trạch 慕 澤, huyện Đường-An, đỗ hoàng-giáp, làm đến thượng-thư.

(6) — Phong-Nhã: trong Kinh Thi có thiên Quốc-Phong và hai thiên Đại-Nhã, Tiểu-Nhã, hiệp lại gọi là phong-nhã (Thành-ngữ điển-tích).

lòng chẳng quên vua (1), có thể xứng-đáng là môn-hộ Thiếu-Lăng (2). Còn nói về giọng lưỡi tuôn ra như khói mây, lời văn quan-hệ đến phong-giáo thì lão-phu đây há chịu thua ai,

Cuộc đàm-luận thơ-văn như vậy có đến bốn, năm ngàn câu, nhưng Tử-Biên không nhớ hết được. Chàng đang đứng nghe trộm ở khe tường, để sẩy ra tiếng sột-sạt bị ông khách nhận biết. Ông nói:

---

(1) — Nguyễn Trãi 阮廌 hiệu Ức-Trai, người huyện Phượng-Nhãn, Bắc-Giang, sau nhập-tịch làng Nhị-Khê 華溪 huyện Thượng-Phúc 上福 (Hà-Đông). Đậu tiến-sĩ đời nhà Hồ (1400) làm chức Ngự-Sử-Đài Chánh-Trưởng. Khi cha ông là bảng-nhãn Nguyễn-phi-Khanh 阮飛卿 bị quân Minh bắt đem về Trung-Hoa thì ông đi ở ẩn trên núi Côn-Sơn, 崑山, ngày đêm hằng lo việc phục thù cho cha và cho nước. Sau ông cùng Trần-nguyên-Hãn 陳元捍 vào tìm đức Lê-Lợi 黎利 ở Lam-Sơn 藍山, bày mưu thiết kế đánh tan quân Minh. Chừng Lê-Thái-Tổ lên ngôi mới phong cho ông làm Hành-Khiển (Thủ Tướng), đứng đầu cả bên văn và giao cho ông trọn quyền coi cả bên võ, thiệt là khai quốc công-thần đệ nhất. Làm quan ít lâu, ông cáo về trí-sĩ ở Tiêu-Viên gần Bắc Ninh. Vì Triều-đình nghi Thị-Lộ, người hầu của ông, giết vua Thái-Tôn, nên ông bị xử tru-di tam tộc. Sau vua Lê-Thánh-Tôn rõ sự oan của ông, mới phong-tặng lại cho ông và cho tìm dòng-dõi phục quan trước lại. Ông không những là một ông tướng giỏi mà lại là một nhà đại văn-sĩ ở nước ta. Lúc còn đương làm quan thì một tay ông thảo các tờ cáo ở trong quân, sau hiệp lại thành tập Quân-trung Từ-Mệnh. Khi dẹp giặc Minh rồi, ông có làm bài Bình-Ngô Đại Cáo để báo-cáo việc dẹp quân Minh cho nhân-dân trong nước đều biết. Ông cũng có viết một bộ địa-dư-chí nước Nam, gọi là An-Nam Võ-Cống (Thành-Ngữ Cổ-Tích).

(2) — Thiếu-Lăng tức là Đỗ-Phủ 杜甫 đời Đường, một thi-sĩ đồng thời với Đỗ-Mục, lớn tuổi hơn Đỗ-Mục nên người bấy giờ thường gọi là Lão-Đỗ.

— Cuộc họp đêm nay thực là hi hữu, vậy mà hình như có kẻ nghe trộm, e rằng họ đem câu chuyện phong-lưu của ta đi đồn-đại. Tiên-sinh không hay biết gì ư?

Phu-nhân nói:

— Thì bất quá kẻ nho-sinh cầm bút sau này họ chỉ-trích bọn ta bàn-tán huênh-hoang là cùng, chứ có hề chi.

Tử-Biên không hiểu ý-tứ câu nói đó ra sao, vội-vàng chạy tới trước mặt ba người sụp lạy và hỏi về thi-tứ. Ông khách liền rút trong lòng ra một quyển sách dày độ trăm trang, trao cho chàng và nói:

— Cứ về xem quyển sách này sẽ có dư điều học hỏi trong đó, bất-tất phải tìm kiếm sách nào khác nữa.

Một lúc sau, bầu nghiêng chén cạn, chủ khách cùng nhau vái chào từ biệt. Ông khách ra về rồi. Tử-Biên cũng vào nằm ngủ. Đến lúc mặt trời mọc, Tử-Biên mới xốc áo vùng dậy, té ra mình nằm trên đám cỏ còn ướt, quần áo đẫm sương. Giữa cảnh đồng nội hoang-vu, chàng ngó quanh chỉ thấy hai bên có hai ngôi mộ mà thôi. Chàng nhớ tới quyển sách liền mở ra xem thì toàn là giấy trắng cả, chỉ vẻn-vẹn có bốn chữ « Lã-Đường Thi-Tập 呂塘詩集 » nét mực hãy còn lấp-loáng, ngòi bút chưa khô. Bấy giờ chàng mới biết ông khách mình thấy đêm rồi tức Sái tiên-sinh Lã-Đường 蔡先生呂塘 (1) và hỏi thăm người ở vùng

---

(1) — Ông họ Sái tên Thuận 蔡順, người xã Liễu-Lâm, 柳林 huyện Siêu-Loại 超類 (Thuận Thành, Bắc Ninh) đỗ tiến-sĩ năm Hồng-Đức thứ 6 (1475). Tập Lã-đường do con ông là Lã-Khác và học trò ông là Đỗ-chính-Mô sưu tập lại.

này mới biết rằng hai ngôi mộ đó là mộ vợ chồng quan giáo-thụ họ Phù (1).

Tử-Biên bèn tìm đến làng Sái tiên-sinh, dò la tập Di-cảo Lã-Đường thi-tập. Chàng hỏi được nhưng bị gián nhấm mọt gặm, mười phần không còn được chín. Chàng lại phải đi khắp xa gần cố sức tìm kiếm, bất luận là được nửa câu hay một chữ, chàng cũng ra công ghi-chép, cóp nhặt không sót chữ nào.

Từ nhà Lê dựng nghiệp, có đến hơn trăm nhà thơ, nhưng duy có tập thơ của Sái tiên-sinh là thịnh-hành hơn cả. Sở-dĩ được như thế là nhờ công-sức của Mao Tử-Biên cả.

---

(1) — Ông Phù thúc Hoành người xã Phù-Lễ, huyện Kim-Anh, có làm chức Giáo-thụ và sau được thụ chức Hàn-Lâm Học-Sĩ.

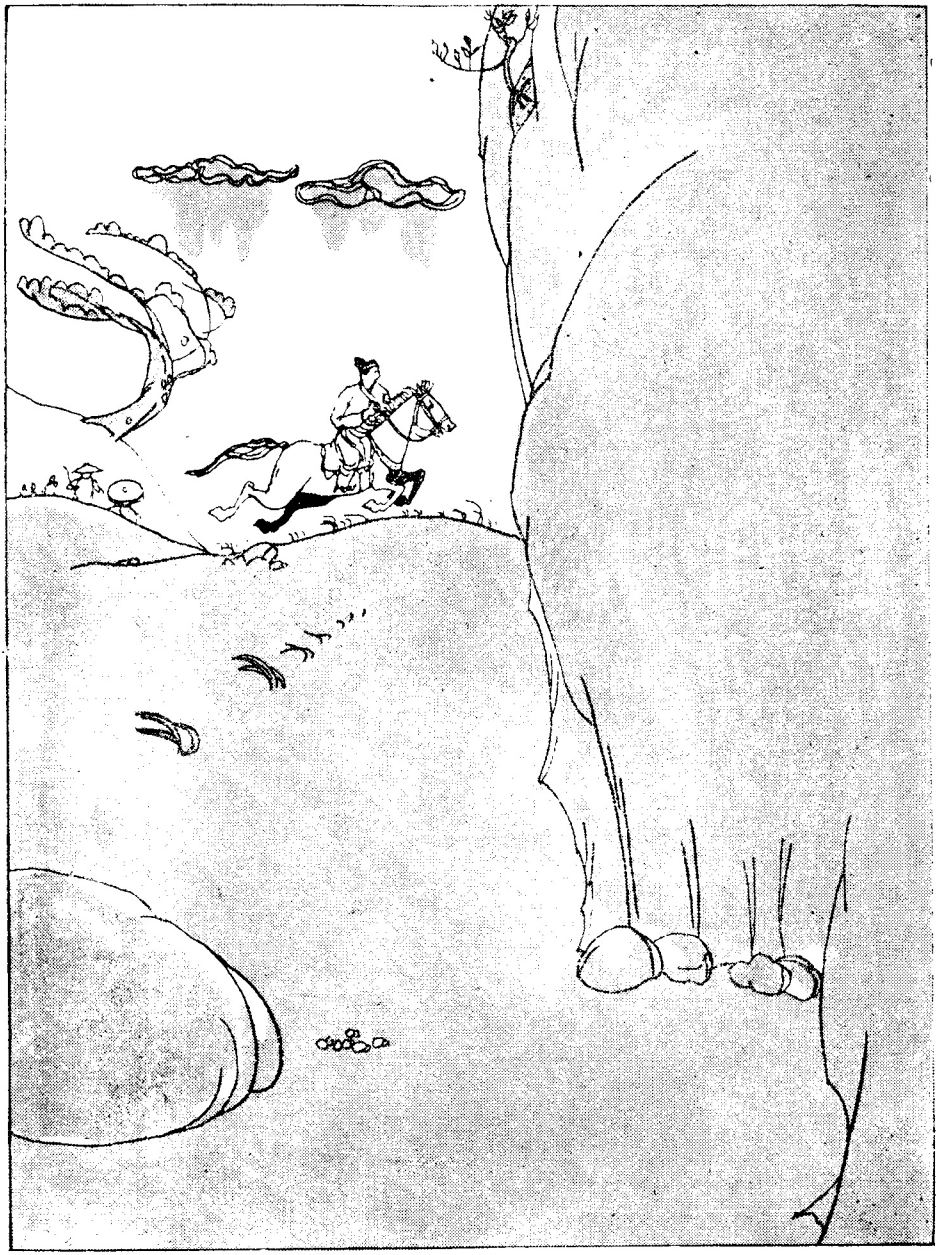

Tranh vẽ NUYÊN

夜叉部帥錄

DẠ-XOA BỘ-SOÁI LỤC

TRUYỆN TƯỚNG DẠ-XOA

Văn Dĩ-Thành 文以誠 là bậc kỳ-sỹ ở phủ Quốc-Oai 國威, Hà-Đông, tính-tình hào-hiệp, ma quỉ không thể mê-hoặc được. Bất luận hoa-yêu nguyệt-quái hay dâm-thần, lệ-quỉ không được liệt vào phép thờ cúng, chàng đều coi thường, chẳng sợ hãi gì.

Cuối đời Trùng-Qnang 重光 nhà Trần (1409 - 1417) lắm người chết vì binh-đao, tật dịch. Những oan hồn không người thờ cúng, thường-thường tụ-họp thành đảng, hoặc gõ cửa hàng cơm để kiếm miếng ăn, hoặc đón gái chơi để kết duyên tạm. Ai gặp vía chúng, tức thời bệnh tật miên-man, dù có bày đàn lễ trừ tà, nhưng thầy bùa cũng đành chịu phép. Chúng quỷ hoành-hành ở ngoài đồng nội, không còn úy-kỵ gì nữa. Dĩ-Thành nhân lúc say rượu, cưỡi ngựa đến tận nơi. Lũ quỷ sợ-hãi chạy tán-loạn. Chàng vội gọi chúng lại mà bảo rằng :

— Các ngươi đều là tay tráng-sĩ, không may mắc nạn ; ta đến thăm hỏi và muốn đem điều hơn lẽ thiệt nói cho các ngươi nghe, can chi mà phải trốn chạy như vậy.

Lũ quỷ nghe chàng nói, lại dần-dần họp lại, lạy rồi mời chàng ngồi lên trên.

Dĩ-Thành hỏi chúng rằng :

— Các ngươi thấy người ta bị tai-nạn mà lấy làm thích, thấy người chết chóc mà lấy làm thú là có ý gì vậy ?

Lũ quỷ đáp :

— Muốn thêm quân cho chúng tôi đấy.

Chàng nói :

— Các ngươi được thêm quân mà thi nhau hại người sống là nghĩa làm sao ? Quân càng nhiều thì ăn uống càng thiếu hụt, người sống càng giảm bớt thì việc cung-cấp cũng ít đi. Hỏi có lợi gì mà các ngươi cứ thích làm như vậy ? Buông lòng tham thì khe ngòi không đủ lấp ; dở thói ác thì sói hùm chưa là dữ. Nếu mà lợi kỷ, dù áo manh giấy mảnh cũng không từ ; hoặc được no lòng, dù chậu vỡ vò tan đâu có thẹn. Hì-hục đi tìm hớp rượu, lăng-xăng đi kiếm miếng ăn. Gieo vạ tra tai, trộm quyền tạo-hóa ; dòm nhà kêu nóc (1) nát dảm nhàn dân. Các ngươi tưởng thế là hay, nhưng ta lấy thế làm thẹn. Huống chi, trời dùng đức chứ chẳng dùng uy, hiếu sinh mà không hiếu sát. Vậy mà các ngươi tự làm họa phúc, quá đỗi kiêu dàm. Thượng-đế không dung, hình-phạt phải đến ; các ngươi còn chạy đâu cho khỏi vòng tru-lục ?

Lũ quỷ buồn rầu mà rằng :

— Chúng tôi chẳng qua vì sự bất-đắc-dĩ đó thôi chứ bản-tâm cũng không muốn vậy. Sống chẳng gặp thời, chết không tại số ; đói khát chẳng ai cấp dưỡng, lui về không chỗ tựa-nương ; xương trắng bụi cây, sầu quanh ngọn cỏ ; cát vàng trên nội, lạnh-lẽo gió thu. Cho nên đành phải họp bè gọi bạn, xoay-xở miếng ăn. Huống chi vận đời gặp lúc suy-vi sắp có cuộc thay đổi lớn, nhà tan người chết, sự vật tiêu-ma. Bởi vậy âm-

(1) — Đã chú-thích trong truyện yêu-quái ở Xương-Giang.

cung cũng không cấm đoán, chúng tôi mới dám làm càn. E rằng sang năm còn tệ hơn nữa.

Thế rồi, nhà bếp sắp cỗ, mâm chén la-liệt. Hỏi đến thịt là thịt con trâu bắt ở thôn nọ; hỏi đến rượu thì rượu lấy ở làng kia. Dĩ-Thành ăn như rồng cuốn, nuốt như bão-táp.

Lũ quỷ mừng rỡ bảo nhau:

— Thật xứng đáng là chủ tướng bọn ta,

Rồi chúng xin với chàng:

— Chúng tôi là một lũ ô-hợp, mạnh ai nấy được, không người thống-suất, thế chẳng được lâu. Nay Sứ-quân có lòng huệ cố đến đây, thực là trời đem Sứ-quân đến cho chúng tôi đó.

Dĩ-Thành đáp:

— Ta đây văn-võ kiêm-toàn, dù hèn cũng làm được tướng. Nhưng u-minh cách-biệt, lại còn mẹ già ta đó, thì biết làm thế nào?

Lũ quỷ đáp:

— Không, chúng tôi chỉ xin Sứ-Quân: oai-phúc cho nghiêm, lệnh truyền cho rõ. Còn chúng tôi: ngày thì chia khu ở tản, đêm lại sai kẻ về trình. Đâu dám phiền Sứ-quân phải về chín suối.

Dĩ-Thành nói:

— Như bất-đắc-dĩ mà dùng đến ta, thì trước hết các ngươi phải thề rằng sẽ tuân theo đúng sáu điều của ta trong khi làm việc mới được.

Chúng đều vâng dạ, rồi xin đến đêm thứ ba lại đến chỗ đó lập đàn. Đúng kỳ, chúng quỷ đến họp đông

đủ, chỉ có một tên quỷ già đến chậm. Dĩ-Thành sai đem chém, chúng thấy vậy đều run sợ. Chàng ra lệnh rằng:

Các ngươi phải:

— Không được coi thường mệnh-lệnh ta;

— Không được quen thói dâm-ô;

— Không được tác quái để hại mạng người;

— Không được cướp bóc tài-sản và phải cứu nạn cho dân;

— Không được đàn-đúm khi đêm tối;

— Không được hiện hình lúc ban ngày.

Các ngươi có vâng mệnh thì ta làm chủ-tướng cho; trái lệnh thì ta trừng-trị. Lời ta nói đây phải nghe cho rõ, đừng để hối-hận về sau.

Nói đoạn chia chúng ra từng bộ, từng tốt (1) và dặn chúng hễ gặp điều hay hay điều dở, nhất nhất phải về bẩm-bạch.

Dĩ-Thành ở đó hơn một tháng, một hôm đang ngồi chơi, chợt thấy một một người xưng là sứ-giả dưới Diêm-cung đến mời đi. Chàng toan lẫn tránh thì người ấy nói:

— Đây là mệnh-lệnh của đức Diêm-Vương. Bởi thấy ông là người cương-nghị, Ngài muốn mời ông

(1) — Theo quân-chế đời xưa thì 5 người là một ngũ 伍. 50 người là một đội 隊; 2 đội là một khúc 曲; 2 khúc là một quan 官; 2 quan là một bộ 部; 2 bộ là một hiệu 校; 100 hiệu là một tốt 卒. (Vũ-Kinh).

xuống để ban chức lớn chứ không làm phiền ông đâu. Xin ông đừng từ-chối. Có điều là ông được khoan hạn đôi chút để ông tự đến sau, tôi xin chờ ông ở dọc đường. Nói rồi biến mất.

Dĩ-Thành tức-tốc đòi chúng quỷ về hỏi thì chúng đều thưa :

— Thưa, việc ấy quả có thực, chúng tôi chưa kịp bẩm Sứ-Quân đó thôi. Hôm nọ, đức Diêm-Vương nhận thấy thời-buổi không yên, có đặt ra bốn bộ Dạ-Xoa (1) mỗi bộ do một vị tướng-soái cầm quyền sát phạt, được giao phó tính-mạng sinh-linh, trách-nhiệm lớn-lao, quan chức khác bì thế nào được. Sứ-quân oai-danh lừng-lẫy đến tai Ngài đã lâu, chúng tôi lại hết sức tiến-cử, nên Ngài định trao chức lớn đó cho Sứ-quân.

Dĩ-Thành hỏi lại :

— Các người nói vậy là phúc hay là họa cho ta?

Lũ quỷ đáp :

— Dưới Diêm-đình tuyển người không khác gì tuyển Phật ; không phải đút lót mà nên, may mắn mà được. Giữ lòng ngay-thẳng, dù hèn mọn cũng đặng nâng lên ; ở nết gian-tà, dẫu quý-hiển không ai đếm-xỉa. Các trách-vụ quản-trị và dạy-dỗ đó, không Sứ-quân thì còn ai đáng nữa? Nếu Sứ-quân còn quyến-luyến thê nhi, chần-chờ ngày tháng, tất sẽ về tay người khác, mà chúng tôi cũng phải thất-vọng mất.

---

(1) — Lý-toàn-Giao 李全交 làm giám-sát ngự-sử đời Đường, rất tàn-ác, nên người ta gọi là quỷ Dạ-xoa (Quần-Ngọc). Bộ Dạ-Xoa đây là bộ ở dưới âm-phủ đặt ra để thi-hành những đạo luật khốc-liệt với người trần-gian đã phạm nhiều tội ác.

Dĩ-Thành vụt đổi giọng, nói :

— Chết dù đáng ghét, danh cũng khó mua. Huống chi ngòi bút vì sắc nhọn mà mau cùn ; cây thông vì có cành mà bị chặt (1) ; chim trĩ nếu không có bộ lông đẹp thì việc gì mang vạ (2) ; con voi nếu không có đôi ngà đâu đến nỗi phải đốt mình (3) ; chim hồng chim nhạn bị giết bởi lẽ không kêu (4) ; cây xư, cây lịch sống lâu chỉ vì vô dụng (5) ; Tu-văn âm-phủ, Nhan-Hồi

---

(1) — Gặp năm hạn-hán, quan sai chặt cành thông giả làm xương con rồng để mong việc làm lễ cầu mưa được linh-nghiệm (Viên-Cơ).

(2) — Chim trĩ còn gọi là cẩm-trĩ hay cẩm-kê (gà đẹp như gấm) có bộ lông rất tươi đẹp, màu sắc rực-rỡ. Trĩ rất ưa bộ lông của mình, suốt ngày đứng ngắm bộ lông bóng ánh xuống nước, đến nỗi lóa mắt sa xuống sông mà chết.

(3) — Sách Tả-Truyện có câu : Tượng hữu xỉ dĩ phần kỳ khu 象有齒以焚其軀, Nghĩa là Con voi vì có ngà mà bị cháy mình. Ý nói người ta giết voi là cốt để lấy đôi ngà nó.

(4) — Trang-Tử đến chơi nhà bạn. Thằng nhỏ hỏi chủ nhà : « Có hai con nhạn, một con biết kêu, một con không, giết con nào? ». Chủ nhà bảo nó giết con không kêu. Học-trò ông Trang-Tử hỏi ông rằng : « Con nhạn của ông chủ đây vì bất tài mà cũng bị giết. Vậy tiên-sinh tính ở vào địa-vị nào? Trang-Tử đáp : « Mình ở vào khoảng giữa chỗ có tài và chỗ bất tài là yên. (Quần-Ngọc).

(5) — Cây Xư 樗 (thường đọc là Hu hay Xu) gốc thì lớn quá, thợ không lấy mực được, cành lại nhỏ mà cong queo, nên không dùng được việc gì. Cây lịch 櫟 to đến mấy người ôm không xuể lại thẳng mà cao ngất trời, vậy mà vô-dụng. Lấy gỗ đóng thuyền thì thuyền không nổi, làm quan quách thì chóng mục, làm đồ dùng cũng mau hỏng, làm cửa thì nhựa chảy ra trớt-rượt, làm cột lại bị mọt, thành ra không ai động đến, nên nó mới sống lâu. (Ấu-Học).

tuổi mới ba hai (1); viết ký Ngọc-lâu, Trường-Cát 長吉 trạc ngoài hai chục (2). Đã là trượng-phu ở đời, không làm nên đai vàng hài ngọc, cũng phải sao cho tiếng để muôn đời, can chi cứ chui-rúc trong cuộc đời ô-trọc, khư-khư so tính thọ yểu làm gì?

Bèn thu xếp xong công việc trong nhà mấy hôm rồi chết.

Hồi đó có người làng là Lê-Ngộ 黎遇 vốn là bạn tương-tri với Dĩ-Thành, phiêu-bạt sang hạt Quế-Dương 桂陽, ngụ trong một quán trọ. Một hôm, chừng hết canh một, Lê-Ngộ thấy có người cưỡi ngựa sắc tro cùng rất đông kẻ hầu người hạ lũ-lượt kéo đến xin ngủ trọ. Chủ quán vén mành ra đón tiếp. Chàng nghe ông khách nói hệt tiếng Dĩ-Thành, nhưng nét mặt chỉ hao-hao mà thôi, thì lấy làm quái-lạ, muốn ra ngoài lảng-tránh, nhưng khách bảo:

— Cố-nhân nhận biết ông, mà ông không nhận ra cố-nhân là nghĩa làm sao?

Nhân kể rõ quê-quán, họ tên và nói mình làm quan to dưới âm-phủ, vì là chỗ cố-cựu nên đến thăm. Đoạn cởi chiếc áo cừu đang mặc cầm cho nhà hàng lấy rượu

---

(1) — Đã chú-thích trong truyện Phạm-tử-Hư lên chơi Thiên-tào.

(2) — Lý Hạ 李賀 đời Đường, tự là Trường-Cát, 7 tuổi đã biết làm thơ. Triều vua Hiến-Tôn, làm chức Hiệp-Luật-Lang. Một hôm, giữa ban ngày thấy một người mặc áo lụa đỏ, cưỡi con rồng đỏ, cầm một cái thẻ trên có chữ nói rằng: Thượng-Đế mới làm xong lầu Bạch-Ngọc, vời Trường-Cát lên làm bài ký. Không bao lâu Hạ chết, năm mới 27 tuổi (Thượng-hữu-lục). Từ đấy khi nói về văn-nhân mất sớm, người ta thường dùng điển « Ngọc-lâu phó triệu ».

uống làm vui. Rượu được vài tuần, Lê-Ngộ hỏi Dĩ-Thành :

— Tôi bình sinh ở đời, vẫn để tâm vào việc tu âm-đức, không hề nghĩ đến tư-ích cho mình, chứ đừng nói đến chuyện đẩy người vào bước nguy-hiểm nữa. Dạy người thì tùy tài mà dẫn-dụ, tự học thì hết sức mà dùi-mài ; chẳng mưu việc quá cao, không làm điều quá đáng. Vậy mà phải tha phương cầu thực, khách-địa cô-thân ; vợ kêu đói lòng, con la rét cật. Về thì thiếu túp lều để che gió, đi thì không chiếc nón để che mưa, bôn-tẩu đông-tây, ngày thêm cùng-quẫn. Thế mà bạn-hữu, thân-tình cứ kế tiếp nhau đi làm quan cả. Kể về tài-năng thì chỉ sàn-sàn ngang nhau, mà đến bước tiền-trình thì hơn kém nhau gấp nghìn, gấp trăm lần ; kẻ sướng người khổ cách nhau một trời một vực, là cớ làm sao?

Dĩ-Thành đáp :

— Giàu sang không phải cầu mà được, nghèo hèn bởi tại số mà ra. Cho nên : vì núi đồng mà Đặng-Thông 鄧通 chết đói (1) ; tại tên Xe mà Chu - Thù khốn

---

(1) — Vua Hán Văn-Đế (179-157 tr. C. N.) sủng ái người bày tôi là Đặng-Thông. Một hôm có người thầy tướng xem tướng cho Đặng-Thông bảo là Thông sẽ bị chết đói. Văn-Đế nói : « Vậy ta làm cho Đặng-Thông trở nên rất giầu-có ». Đoạn ban cho Thông cả cái núi đồng ở đất Thục, cho phép đúc tiền tiêu. Thông thành giầu-có lớn. Nhưng sau Văn-Đế mất, Cảnh-Đế (156-141 tr. C. N.) lên nối ngôi, ghét Đặng-Thông, tịch-thu cả tài-sản. Thông phải đi ở nhờ và quả nhiên chết đói. (Thượng-Hữu-Lục).

cùng (1) ; có duyên thì gió nổi núi Mã-Đương 馬當 (2) ; vô phận hóa sét đánh tan bia Tiến-Phúc 薦福 (3). Nếu không vậy thì đức-hạnh Nhan-Hồi, 顏回 Mẫn-Tử 閔子 (4) phải là nhẹ gót đường mây ; văn-chương

---

(1) — Chu-Thù nhà nghèo, chiêm-bao thấy Thượng-Đế thương mình. Ngài hỏi vị thần tư-mệnh : Nó có giầu được không ? — Tư-mệnh nói : Số nó nghèo lắm. Nhưng hiện có số tiền của thằng Xe, có thể cho nó mượn được, rồi đến kỳ thằng Xe nó sinh thì lại phải trả. Sau Chu khá giầu. Đúng đến kỳ hẹn, Chu xe tiền của chạy đi trốn. Buổi tối, Chu dừng xe nghỉ ở dọc đường, gặp một người đàn bà chửa xin tạm nằm nhờ ở dưới xe. Đêm hôm ấy người đàn bà đẻ đứa con trai, vì nó đẻ ở gầm xe, bèn đặt tên là thằng Xe. Từ đấy Chu làm gì cũng thất-bại, lại thành nghèo kiết (theo sách Sưu-thần-ký 搜神記).

(2) — Vương-Bột 王勃 đời Đường theo cha đi làm quan, đậu thuyền ở dưới núi Mã-Đương, mộng thấy vua Thủy-Phủ giúp cho một trận gió. Hôm sau quả nhiên thuận buồm xuôi gió thẳng đến Nam-Xương làm bài tựa Đằng-Vương Các (Loại-Tụ).

(3) — Phạm-trọng-Yêm 范仲淹 đời Tống khi làm trấn-thủ Nhiêu-Châu 饒州, có người học-trò vào yết-kiến, nói tình cảnh đói rét nghèo khổ. Bấy giờ người ta đương mộ lối chữ đẹp của Âu-Dương Suất-Canh 歐陽率更 viết khắc ở tấm bia chùa Tiến-Phúc. Trọng-Yêm bèn mua giấy mực định cấp cho người học-trò ấy đến chùa rập lấy nghìn bản để đem về kinh bán lấy tiền. Giấy mực sắp sẵn cả rồi chưa kịp rập, thì một đêm kia, trời mưa gió ầm ầm, tấm bia bị sét đánh vỡ tan. (Viên-Cơ). Về sau có câu « Thời lai phong tống Đằng-Vương Các ; Vận khứ lôi oanh Tiến-Phúc bi » là lấy ở hai điển này để nói người gặp bước và người vận xui.

(4) — Nhan-Uyên và Mẫn-Tử-Khiên đều là cao-đồ đức Khổng-Tử.

Lư-Chiếu 盧照, Lạc-Tân 駱賓 (1) sao chẳng yên thân đầu bạc. Thế mới biết: những sự không làm mà được là bởi Trời, không hẹn mà nên là tự Số. Điều đáng quí ở kẻ sĩ là nghèo mà không nịnh, cùng lại thêm kiên; làm đúng phạm-vi, phải sao chịu vậy; còn về lẽ cùng thông, sắc nhụt, muốn đến đâu thì đến, biết làm thế nào được?

Rượu bầu đã cạn, lại khêu đèn cùng nhau trò chuyện liên-miên không biết mỏi. Hôm sau, lúc tương biệt, Dĩ-Thành đuổi hết mọi người ra rồi bảo Lê-Ngộ:

— Tôi vừa tuân mệnh đức Thượng-Đế, kiêm coi cả bọn quân chuyên đi giải tật-dịch, chia làm việc ở các quận-huyện, lại thêm nạn đói khát, binh-lửa nữa, sinh-linh sẽ bị hao mòn, mười phần chỉ còn lại bốn năm. Người nào, nếu không nguồn phúc sâu-xa, e rằng ngọc đá đều ra tro hết (2). Nhà anh bạc-phước, hình như cũng không thoát khỏi. Anh nên kíp về quê-quán, đừng lần-lữa mãi ở nơi đất khách quê người này nữa.

Lê-Ngộ hỏi:

— Tưởng anh thừa sức che-chở cho tôi chứ.

Dĩ-Thành nói:

---

(1) — Lư-Chiếu-Lân 盧照隣 và Lạc-Tân-Vương 駱賓王 là hai tay văn-chương nổi tiếng về đời Đường Cao-Tôn (650 - 683). Bùi-Hành-Kiệm 裴行儉 thường chê là những người nông-nổi, nóng-nẩy, không phải là tướng người được hưởng tước lộc lâu bền. Về sau quả nhiên Lư vì mang ác-tật mà gieo mình xuống nước chết, còn Lạc thì vì dính-líu vào vụ mưu phản cũng bị tru-lục đúng như lời Kiệm đoán (Đường-Sử).

(2) — Đã chú-thích trong truyện Gã Trà-Đồng giáng-sinh.

— Không phải địa-hạt của tôi, tôi không dám vượt qua. Từ sông Trường-Giang ngược lên phía bắc do tôi chưởng-quản, còn mé tây sông Trường-Giang về phần tướng-quân họ Đinh trông coi. Nhưng tôi đốc-suất đoàn quân áo đen thì chúng còn có từ-tâm ; chứ toán quân mặc giáp trắng của họ Đinh, thì chúng nó phần nhiều là những tên ác-quỷ cả, anh cũng nên lo-liệu trước mới được.

Lê hỏi :

— Vậy phải làm thế nào ?

Dĩ-Thành đáp :

— Mỗi một bộ-soái, đêm đêm sai hàng ngàn tên quân chia khu ra mà di rải bệnh ôn-dịch. Anh nên sắp-sửa rượu thịt, dọn sẵn ra để ngoài sân. Bọn chúng xa-xôi ngàn dặm tới nơi, hẳn là đói khát, thấy cỗ bàn tất ăn uống ngay. Anh núp ở trong chỗ tối mà rình, chờ lúc chúng ăn uống gần hết, chạy ra sụp lạy, nhưng phải nhớ rằng đừng kêu van gì cả. Như thế họa may cứu vẫn được phần nào chăng ?

Đoạn ứa nước mắt chia tay từ-biệt.

Lê-Ngộ về đến quê-hương vừa gặp lúc tật-dịch đương hoành-hành dữ. Vợ con chàng mắc bịnh nằm liệt giường, hầu không nhận ra chàng nữa, Chàng bèn lập-tức sắp-sửa cỗ bàn rất hậu theo lời bạn dặn, đêm bày ra sân. Quả thấy bọn quỷ chừng trên mười đứa từ trên không bay xuống nhìn nhau mà nói :

— Bọn ta đều đói cả, bỏ cỗ đây không ăn lại còn đi đâu ? Chưa từng thấy vì uống vài chén rượu mà phải tội bao giờ.

Chúng bèn quây quần lại ăn uống. Có một người mặc áo tía, chễm-chệ ngồi giữa, còn thì đều đứng chung-quanh, kẻ cắp búa rìu, người cầm sổ-sách. Thấy họ ăn uống gần xong, Lê-Ngộ chạy ra lạy như tế sao.

Người mặc áo tía nói :

— Ta đương chè-chén, gã kia đến đây làm gì ?

Chúng quỷ nói :

— Đây hẳn là chủ-nhân bày những mâm cỗ này, nhà hắn có người ốm nặng, cầu xin châm-chước.

Người mặc áo tía nổi giận, cầm quyển sổ ném xuống đất, nói :

— Đời thuở nào lại đem mâm cỗ sơ-sài đổi lấy năm mạng bao giờ ?

Chúng quỷ nói :

— Nhưng chả lẽ đã ăn của người lại mần-ngơ được sao ? Thôi thì : nếu cứu nó mà nên tội, dù có chết cũng cam lòng.

Người áo tía ngẫm-nghĩ hồi lâu rồi lấy bút son bôi bỏ chừng trên mười chữ xong ra đi. Vài ba hôm sau toàn gia Lê-Ngộ bị bớt dần rồi khỏi hẳn.

Lê cảm ơn-đức Dĩ-Thành cứu mình, bèn lập miếu thờ ngay trong nhà, người làng đến kêu cầu cũng thường thấy ứng-nghiệm.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! Bè-bạn là một trong ngũ-luân (1), có thể

---

(1) — Ngũ-luân là đạo ăn ở với nhau trong 5 bậc : 1. Vua, tôi. — 2. Cha, con. — 3. Anh, em. — 4. Vợ, chồng. 5. Bè-bạn.

coi rẻ được chăng? Câu truyện quỷ Dạ-Xoa này có thật hay không, bất-tất hoài hơi bàn cãi. Điều đáng nghị-luận là Dĩ-Thành lấy nghĩa sinh-tử ra kết bạn ; khi đã có người bạn chân-chính thì dù sống chết chẳng đổi lòng, hoạn-nạn cùng cứu-gỡ.

Trên đời có những kẻ vì chén rượu mà nên bạn, tâm-địa tráo-trở, hễ lâm vào đường lợi-hại thì lờ đi như người rưng, nghe chuyện này há chẳng chạm lòng hổ-thẹn ư ?

HẾT

MỤC LỤC

QUYỂN III

Trang

Xương-Giang yêu quái lục 昌江妖怪錄
Truyện yêu quái ở Xương-Giang 5

Na-Sơn Tiều đối lục 那山樵對錄
Truyện đối đáp của Lão Tiều Núi Na. 33

Đông-Triều phế-tự lục 東潮廢寺錄
Truyện ngôi chùa hoang ở huyện Đông-Triều . . . 63

Thúy-Tiêu truyện 翠綃傳
Truyện nàng Thúy-Tiêu 73

Đà-Giang dạ ẩm ký 沱江夜飲記
Truyện bữa tiệc đêm ở Sông Đà 107

QUYỂN IV

Nam-Xương nữ-tử truyện 南昌女子傳
Truyện người con gái ở Nam-Xương, ... 125

Lý Tướng-Quân truyện 李將軍傳
Truyện Lý Tướng-Quân 141

Lệ-Nương truyện 麗娘傳
Truyện Lệ-Nương 163

Kim-Hoa thi-thoại truyện 金華詩話傳
Cuộc Bình-luận thơ ở Kim-Hoa. 203

Dạ-Xoa Bộ-soái lục 夜叉部帥錄
Truyện tướng Dạ-Xoa 233

BẢNG ĐÍNH-CHÍNH

Số trang	Số dòng	Những chữ in sai	Xin sửa lại
8	24	于 被 行 潦	于 彼 行 潦
37	7	văn Tứ-lục	văn vần
43	9	đất Hàng-châu	đất Hoàng-châu
50	25	người chung một hội	người chung hội
50	26	rượu nhắp nửa vời	rượu nửa vời
66	20	chạy trước mặt	chạy đến trước mặt
67	13	chẳng biết tí vì	chẳng biết tí gì.
83	14	(766-799)	(766-779)
84	22	màn gầm vui-vầy	trướng gầm vui vầy
90	11	đã đem mối hận	đã ôm mối hận
92	1	nhớ khúc ly-toan	nhớ khúc ly-loan
92	2	liễu Hành-Hoành	liễu Hàn-Hoành
93	13	Nín như quạ	Nín dường quạ
93	25	khúc ly-toan	khúc ly-loan
99	16	được thay mặt	được thấy mặt
110	25	đồ-đạc	đo đạc
113	22	義 安	乂 安
114	20	Chư	Chú
121	29	Sao quả không	Sau quả không
134	22	tự-ử	tự-tử
175	10	抱 鼓	枹 鼓
184	24	周 叔 王	周 叡 王
203	15	(1506-1508)	(1505-1508)
211	16	cá bức	Cá vược
219	25	dừng chờ	đừng chờ
220	21	(2697-2637)	(2697-2598)
223	5	恆 娥	姮 娥
224	7	đời Tần	đời Tần
225	20	Thành-Nguyên	Thánh-Nguyên
234	7	cung-cấp	cúng-cấp

BẢNG KÊ

SÁCH BÁO GIÁO-KHOA DO
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

SÁCH ĐẠI-HỌC

Việt-Nam Dân-luật lược-khảo	Vũ-văn-Mẫu	120$
Việt-Nam Dân-luật khái-luận	—nt—	130$
Luật Thương-mãi toát-yếu (tập II)	Lê-tài-Triển	60$
Đạo-đức-kinh — Lão-tử	Nghiêm Toản	70$
Cây cỏ miền Nam Việt-Nam	Phạm-hoàng-Hộ	150$

SÁCH TRUNG-HỌC

Danh-từ kỹ-thuật	Bộ Công Chánh	30$
Thế-giới Sử Đệ Nhất	Tăng-xuân-An	50$
Công-dân Đệ Thất (in lần thứ II)	Nguyễn-văn-Trung Nguyễn-nam-Châu Cao-hữu-Hoành L.M. Cao-văn-Luận L.M. Cao-văn-Thích Lê-Tuyên	16$
Công-dân Đệ Lục (in lần thứ II)	—nt—	16$
Công-dân Đệ Tam (in lần thứ II)	Phạm-thị-Tự Lê-xuân-Khoa Trần-trọng-San	28$
Nữ thi-hào Việt-Nam	Phạm-xuân-Độ	22$
Văn-học Việt-Nam	Dương-quảng-Hàm	35$

Việt-văn độc bản Đệ Tam (in lần II)	Trần-trọng-San	20$
Việt-văn độc bản Đệ Nhị (in lần II)	Trần-trọng-San Đàm-xuân-Thiều	32$
Triết-học đông Phương	Nguyễn-đăng-Thục	20$
Lịch-sử Triết-học Đông phương	— nt —	120$
Tâm-lý ứng-dụng (in lần thứ II)	Phạm-xuân-Độ	30$
Dân-ca Việt-Nam	Nguyễn-hữu-Ba	35$
Hóa-học Đệ Tam (in lần thứ V)	Phạm-đình-Ái	25$
Hóa-học Đệ Nhất (in lần thứ V)	— nt —	40$
Vật-lý thực-hành Đệ Tam	Bùi-phượng-Chì	20$
Thực-tập Vật-lý Đệ Nhị	Bùi-phượng-Chì	20$
Thiên-văn Đệ Nhất	Đặng-văn-Nhân	30$
Hình-học họa-hình Đệ Nhất	— nt —	30$
Số học Đệ Nhất	— nt —	35$
Đại-số học Đệ Nhất	Nguyễn-bá-Cường	25$
Kỹ-thuật điền-kinh	Nguyễn-văn-Chính	15$
Anh-văn Đệ Thất	Nguyễn-đình-Hòa	40$
Thượng-chi văn tập I	Phạm-Quỳnh	35$
Thượng-chi văn tập II	— nt —	35$
Thượng-chi văn tập III	— nt —	35$
Thượng-chi văn tập IV	— nt —	35$
Thượng-chi văn tập V	— nt —	35$
Công-dân Đệ Tứ	Phạm-thị-Tự — Trần-t.San	10$
Công-dân Đệ Nhị	Lê-xuân-Khoa	25$
Việt-Nam văn-học sử-yếu	Dương-quảng-Hàm	50$
Việt-Nam thi-văn hợp-tuyển	Dương-quảng-Hàm	30$
Vật-lý Đệ Tam A B	Bùi-phượng-Chì	38$
Hóa-học Đệ Nhị	Phạm-đình-Ái	40$
Vật-lý Quang-học Đệ Nhị	Bùi-phượng-Chì	30$

SÁCH DỊCH

Cung-oán ngâm-khúc (dịch ra Pháp văn)	T.L. Huỳnh-k-Dụng	28$
Chinh-phụ ngâm-khúc (dịch ra Pháp văn)	— nt —	40$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomaque)	Trịnh-huy-Tiến	75$
Tiếng cười (Le rire)	Phạm-xuân-Độ	32$
Can Đích (Candide)	— nt —	45$
Xã ước (Du contrat social)	Nguyễn-hữu-Khang	35$
Nhập-môn nghiên-cứu y-khoa thực-nghiệm (tập I) (Introduction à l'étude de la Médecine expérimentale)	Trần-văn-Bảng	30$
Nhập-môn nghiên-cứu y-khoa thực-nghiệm (tập II)	— nt —	50$
Kháng-biện luận về tu-từ pháp (Gorgias)	Trịnh-xuân-Ngạn	48$
Vạn-pháp tinh-lý (L'esprit des lois)	— nt —	30$
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'âme : genre moral)	Trịnh-xuân-Ngạn	60$
Ô. Thị-Trưởng Casterbridge (The Mayor of Casterbridge)	Ô. Bà Nguyễn-đ-Hải	12$
Xứ người mù (The country of the Blind)	L.M. Trần-phúc-Vy	10$
Đất chết dần (La terre qui meurt)	Trương-đình-Nga	55$

Một phát-giác hãi hùng	L.M. Hoàng-q-Trương	6$
(A frightful Discovery from Typee)		
Người đánh xe ngựa		
(The Hack Driver)	— nt —	5$
Lê-triều giáo-hóa điều luật — Tứ thập thất điều	Trần-Khải-Văn	25$
Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi ký (tập I)	Võ-Oanh	85$
Lê-Triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi ký (tập II)	— nt —	75$
Công-dư tiệp-ký (tập I)	Nguyễn-đình-Diệm	50$
Quốc Triều đăng-khoa lục	Lê-mạnh-Liêu	80$
Những suy-niệm siêu-hình học	L.M. Trần-thái-Đỉnh	50$
Luận-ngữ	Lê-phục-Thiện	95$
Lịch-đại danh-hiền phổ	Nguyễn-thượng-Khôi	50$
Cơ-học Đệ Nhất	Nguyễn-xuân-Vinh	35$
Tang-thương ngẫu-lục	Đạm-Nguyên	75$
Tân-biên Truyền-kỳ mạn-lục	Bùi-xuân-Trang	80$
Công-dư tiệp-ký (tập II)	Nguyễn-đình-Diệm	40$
Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi ký (tập III)	Võ-Oanh	70$
Bên bờ sông xanh	Nguyễn-văn-Mừng	22$
Mũi tên đen	Nguyễn-đăng-Hải	25$
Vấn-đề giáo-dục (Emile)	Cô Lý-Hoa	60$
Tom Walker với quỷ sứ	Nguyễn-văn-Tạo	8$
Silas Marner	Nguyễn-văn-Tạo	11$

SÁCH TIỂU-HỌC

Quan-sát lớp Ba	Một nhóm giáo-viên	10$
Toán-pháp lớp Nhất	— nt —	14$
Quốc-Sử lớp Tư (in lần thứ II)	Phạm-văn-Trọng	18$
	Huỳnh-văn-Đồ	18$
Địa-lý lớp Tư	(Trần-trọng-Phan	14$
	(Phạm-văn-Vệ	
	(Văn-công-Lầu	
	(Lưu-văn-Lê	
Công-dân lớp Năm (C.N.)	(Nguyễn-trí-Phùng	14$
	(Đặng-văn-Nghiệp	
	(Huỳnh-công-Tú	
	(Lê-văn-Lực	
	(Phạm-thành-Gia	
Công-dân lớp Tư (C.N.)	— nt —	18$
Công-dân lớp Ba (H. S.)	Văn-công-Lầu	18$
	Huỳnh-công-Tú	
	Phạm-văn-Vệ	
Công-dân lớp Ba (C.N.)	— nt —	
Vệ-sinh lớp Năm (H.S.)	Nguyễn-huy-Côn	16$
	Nguyễn-văn-Hòa	
	Lê-đình-Huyên	
	Bùi-văn-Bảo	
Vệ-sinh lớp Năm (C.N.)	— nt —	8$
— — Tư (H.S.)	— nt —	15$
— — Tư (C.N.)	— nt —	12$
— — Ba (H.S.) (in lần II)	— nt —	16$
— — Ba (C.N.)	— nt —	18$
Trò chơi	Trần-văn-Thao	12$

SÁCH ĐANG IN

Vệ-sinh lớp Nhì (H.S.)	13$
Công-dân lớp Năm (H.S.)	
— — — Tư (H.S.)	

TẬP-SAN GIÁO-DỤC

Tiểu-học Nguyệt-San 1963-1964 tập I	15$
tập II	16$

ẤN-HÀNH TRONG KHUÔN-KHỔ
CHƯƠNG-TRÌNH HỢP-TÁC
GIỮA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
VÀ PHÁI-BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ
TẠI VIỆT-NAM

In tại
Nhà in FAN-FAT
127 - 129, đại-lộ Đồng-Khánh — CHỢLỚN

Giá bán : **80 đ.**